

MỤC LỤC

CHƯƠNG 1 THỜI THƠ ẤU CỦA TÔI.....	2
CHƯƠNG 2 KÝ TÚC XÁ SALEM HOUSE.....	15
CHƯƠNG 3 Ở NHÀ CÔ TÔI.....	25
CHƯƠNG 4 Ở CANTERBURY.....	35
CHƯƠNG 5 CON GÁI ÔNG SPENLOW.....	45
CHƯƠNG 6 MỘT BẮT TRẮC MỚI.....	57
CHƯƠNG 7 HÔN LỄ.....	69
CHƯƠNG 8 SỰ PHẢN TRẮC CỦA URIAH HEEP.....	81
CHƯƠNG 9 NỖI BUỒN KHỦNG KHIẾP.....	92
CHƯƠNG 10 AGNÈS.....	102

CHƯƠNG 1

THỜI THƠ ẤU CỦA TÔI

Tôi ra đời vào một ngày thứ sáu, đúng nửa đêm, ở Blunderstone, thuộc quận Suffolk. Khi tôi mở mắt chào đời, cha tôi đã qua đời hơn sáu tháng.

Bậc bề trên trong gia đình là một bà cô của cha tôi, bà trẻ của tôi mà người mẹ tội nghiệp của tôi thường gọi là cô Trotwood hay cô Betsy mỗi khi mẹ có gan gọi tên con người dễ sợ ấy, điều này rất ít xảy ra. Cô Betsy ở một chòm xóm, xa lác, mạn bờ biển, cùng với người hầu gái, chẳng giao du với ai.

Cha tôi được bà cô cưng chiều, tôi nghĩ thế, nhưng bà không bao giờ tha thứ cho cuộc hôn nhân của ông, với lý do mẹ tôi chỉ là một đứa bé con.

Chẳng bao giờ cha tôi gặp lại cô Betsy.

Vào một buổi chiều tháng ba giá rét, vài giờ trước khi tôi chào đời, mẹ tôi thấy một người đàn bà không quen men theo lối vườn đi vào. Nhìn lần nữa, mẹ tôi linh cảm người đàn bà không quen ấy là cô Betsy. Đáng lẽ bấm chuông ở cửa ra vào bà ta lại đến đứng sững trước cửa sổ và tì mạnh chóp mũi vào cửa kính, đến mức nó trắng bệch ra và tẹt dí. Mẹ tôi run rẩy ra mở cửa.

- Bà David Copperfield có phải không? - Cô Betsy lên tiếng.
- Vâng - Mẹ tôi lí nhí đáp.
- Cô Trotwood, - bà khách nói tiếp, - hẳn là chị có nghe nói đến bà ta?

Mẹ tôi thưa đã được cái hân hạnh đó.

- Giờ thì chị gặp bà ấy đây.

Mẹ tôi cúi đầu mời bà vào nhà. Cả hai ngồi gằn lò sưởi. Cố tìm mãi không nổi mẹ tôi bật khóc tím tím.

- Trời ơi là trời! - Cô Betsy kêu lên, - chị rõ thật chỉ là một con bé con.

Hắn là mẹ tôi trông quá trẻ so với tuổi của mình.

- Thế chị định đặt tên con gái chị là gì? - Cô Betsy giật giọng hỏi. - Là nói sau khi sinh đứa con gái ấy...

- Hay là đứa con trai ấy... - Mẹ tôi đánh bạo nói xa xôi.

- Tôi bảo chị, sẽ là một đứa con gái mà. Đừng có nói trái ý tôi. Sau khi sinh con bé đó, tôi muốn gằn gũi thân ái với nó. Tôi muốn là mẹ đỡ đầu của nó và yêu cầu đặt tên nó là Betsy Trotwood Copperfield...

- Thế David đối xử tốt với chị chứ? - Sau một lát im lặng, cô Betsy nói tiếp.

- Chúng cháu rất hạnh phúc. - Mẹ tôi nói, - anh Copperfield có thể nói là đối xử quá tốt với cháu.

- David có để lại được ít lưng vốn nào cho cháu không?

- Anh Copperfield đã có lòng tốt để lại cho cháu một phần gia tài của anh.

- Bao nhiêu? - Cô Betsy hỏi.

- Một trăm linh năm bảng - Mẹ tôi đáp.

Mẹ tôi chuyển dạ và đành phải lui vào phòng riêng và bác sĩ gia đình là ông Chillip được mời ngay đến đỡ cho bà.

- Chị ấy thế nào? - Cô Betsy hỏi bác sĩ Chillip lúc ông vừa bước ra.

- Thưa bà, tốt, chị ấy sẽ sớm bình phục. Một người mẹ trẻ như chị ấy trong hoàn cảnh đáng buồn mà được như thế thì không có gì may mắn hơn. Bà có thể vào thăm, có lẽ sẽ tốt hơn cho sản phụ.

- Thế con bé hài nhi nó ra sao? - Cô tôi hỏi ngay.

Ông Chillip nhìn cô Betsy với vẻ thân tình.

- Con bé hài nhi, nó ra sao? - Cô tôi lại hỏi.

- Thưa bà, - bác sĩ đáp, - tôi tưởng bà biết rồi: Một bé trai.

Cô tôi không nói nửa lời, chụp lấy chiếc mũ của bà, quẳng nó vào mặt ông Chillip, rồi lại đội chiếc mũ bẹp dùm bẹp đó đó lên đầu mình, lao ra ngoài và không bao giờ quay lại nữa.

Vậy tôi là một đứa bé trai, được đặt tên là David như người cha xấu số của tôi.

Những hình ảnh tuổi thơ đầu tiên, khi tôi hồi tưởng lại, đó là hình ảnh mẹ tôi với mái tóc đẹp và vẻ trẻ trung của mẹ cùng người hầu gái Peggotty với cặp mắt đen láy khiến mặt chị như tối sầm lại, với đôi má và những cánh tay rắn chắc, đổ au đến nỗi tôi lấy làm lạ sao chim chóc không thích mổ chị hơn là mổ những quả táo.

Tôi thấy cả hai nghiêng mình xuống sàn nhà và tôi chệnh choạng đi từ người nọ sang với người kia. Tôi nhớ rất rõ ngón tay trở của chị Peggotty chìa ra giúp tôi bám vào tập đi, một ngón tay trở bị kim khâu đâm nát và nham nhám như cái nạo củ nhục đậu khấu.

Những gì hiện ra từ đám mây hồi niệm xa xăm nhất của tôi, đó là ngôi nhà chúng tôi ở. Ở tầng trệt, bếp của chị Peggotty nhìn ra một mảnh sân, mà ở giữa sân, phía đầu dốc có một chuồng bò câu.bỏ không. Một chuồng chó to trong góc sân chẳng có con nào, và rất nhiều gà tôi có cảm tưởng chúng to kinh khủng và chúng đi đi lại lại với vẻ hung hăng, dữ tợn.

Một hành lang dài dẫn từ nhà bếp tới cửa ra vào. Và kia là hai phòng khách, một phòng chúng tôi ngồi buổi tối, mẹ tôi, chị Peggotty và tôi, còn phòng kia, đẹp hơn nhưng ít tiện nghi hơn, chúng tôi ở đó vào ngày chủ nhật.

Một buổi tối chỉ có chị Peggotty và tôi ngồi với nhau trong phòng khách bên lò sưởi. Tôi đọc cho chị nghe vài mẩu chuyện về loài cá sấu. Có lẽ tôi đọc không được lưu loát, hoặc người con gái tội nghiệp ấy không thật hứng thú nghe câu chuyện kể, vì tôi nhớ rằng ý nghĩ rất mơ hồ còn lại với chị, đó là cá sấu là một loài rau

quả! Tôi buồn ngủ rũ ra, nhưng được phép đợi mẹ tôi đi chơi buổi tối bên hàng xóm về nên tôi thà ngủ gục trên chiếc ghế còn hơn là bỏ đi nằm.

Chuông ngoài vườn reo. Chúng tôi chạy ra mở cửa. Đó là mẹ tôi đi cùng một ông có bộ tóc đẹp và chòm râu đen. Tôi có cảm tưởng mẹ tôi xinh hơn mọi ngày. Ông ta xoa đầu tôi, nhưng không biết vì sao tôi không thích cả con người lẫn giọng nói của ông ấy, và tôi ghen tức khi thấy tay ông chạm vào tay mẹ tôi trong khi ông vuốt ve tôi. Tôi lấy hết sức đẩy ông ta ra.

- Ô! David! - Mẹ tôi kêu lên.

Bà cảm ơn ông đã đưa bà về tận nhà và vừa chìa tay cho ông vừa nhìn tôi.

- Cháu trai xinh đẹp, cháu chào bác đi! - ông ta nói.

- Xin chào! - Tôi nói.

- Lại gần đây, chúng ta hãy là những người bạn tốt. - ông ta vừa mỉm cười vừa nói. - Đưa tay đây nào.

Bàn tay phải tôi đang trong tay mẹ, tôi chìa tay trái cho con người xa lạ. Ông ta thân mật siết chặt tay tôi và bỏ đi. Tôi thấy ông ta ngoái lại trước khi cửa vườn khép và cặp mắt đen của ông ta quàng cho chúng tôi một cái nhìn mang điềm chẳng lành.

Không biết chủ nhật sau đó tôi có gặp lại ông ta hay sau một thời gian dài hơn, tôi không thể nhớ nổi. Hôm ấy, đang đi dạo thì gặp, ông ta theo chúng tôi về nhà.

Dạo này buổi tối chị Peggotty ở lại với chúng tôi không lâu. Mẹ tôi bao giờ cũng tỏ ra tôn trọng chị nhưng không được như xưa, và chúng tôi cảm thấy không được đầm ấm như ngày trước.

Dần dà rồi tôi cũng quen với việc gặp cái ông có bộ râu đen, tên ông ta là Murdstone. Tôi cảm thấy một sự ghê tởm đầy bản năng trẻ thơ đối với ông ta và cho rằng chị Peggotty và tôi, chúng tôi chẳng cần đến ai để yêu mến mẹ tôi cả.

Một buổi tối mẹ tôi đi vắng, chúng tôi ngồi với nhau như mọi khi, thì chị Peggotty hỏi tôi sau khi đã nhìn tôi thăm dò nhiều lần.

- Cậu David, cậu có thích cùng tôi đến chơi nhà anh tôi ở Yarmouth khoảng hai tuần không?

- Ông anh chị có dễ chịu không, chị Peggotty.

- Tôi thận trọng hỏi.

- Ô anh ấy thật là một người tuyệt vời! - Peg-gotty vừa kêu vừa giơ hai cánh tay lên. - ở đây có biển, có thuyền, có tàu thủy và những người làm nghề chài lưới, có cả bãi tắm, cả cháu trai Cham của chị để chơi với cậu...

Nghe đã thấy khoái, nhưng mẹ tôi sẽ nói thế nào đây?

- Tôi cuộc với cậu một đồng vàng, - chị Peg-gotty nói, - rằng thế nào bà cũng cho cậu đi. Nếu cậu thích, khi bà về tôi sẽ xin với bà.

Mẹ tôi chẳng ngạc nhiên như tôi tưởng, mẹ đồng ý ngay lập tức.

Đã đến ngày lên đường. Chúng tôi lên chiếc xe tàng tàng của người đánh xe hàng, khởi hành buổi sáng sau bữa điểm tâm. Lòng tôi bồn chồn, nhưng tôi nhớ lại rằng dù vui được đi chơi mà sao tôi không ngăn nổi nước mắt khi từ biệt ngôi nhà và phải xa người mẹ yêu quý của tôi. Cả mẹ nữa, bà cũng chan hòa nước mắt và đầm thắm ôm ghì lấy tôi. Hình như tôi thấy ông Murdstone lại gần mẹ tôi, trách mẹ sao tỏ ra quá xúc động thế. Ông ta xen vào đây để làm gì?

Con ngựa của người đánh xe hàng là con ngựa lười biếng nhất đời. Nó lết đi, đầu cúi xuống, như thế nó thích thú bắt những người mà nó chở phải chờ đợi.

Người đánh xe hàng đầu cúi gằm như con ngựa của anh ta, ngả người về phía trước, ngủ gà ngủ gật, cánh tay chống lên đầu gối lúc đánh xe. Đáp lại mọi câu chuyện, anh ta chỉ huýt sáo.

Chị Peggotty giữ trên đui một làn thức ăn có thể dùng thoải mái đến tận Luân Đôn. Chúng tôi chỉ có việc ăn và ngủ. Sau bao nhiêu chặng đường vòng vèo, cuối cùng chúng tôi đến Yarmouth.

- Kìa cháu Cham của chị đây! - Peggotty kêu lên. - Nó lớn nhanh đến nỗi không nhận ra nó nữa!

Quả nhiên Cham chờ chúng tôi ở quán và nó hỏi tôi có khỏe không y như người quen biết cũ.

Nó cống tôi về nhà. Đó là một cậu bé vạm vỡ cao quăng sáu piê, mặt non choẹt, tóc vàng hoe, xoắn tít khiến cậu hết như một con cừu.

Chúng tôi đến trước một khoảng đất xám mà từ xa tôi đã nhìn thấy nó.

- Nhà chúng tôi đây rồi, cậu David ạ. - Cham bảo tôi.

Đây là một chiếc tàu màu đen, một loại tàu cũ, đậu trên cát, ống khói làm bằng tôn cứ âm ỉ bốc khói.

- Không phải nhà đây chứ? - Tôi nói.

- Đúng là nhà đây, cậu David ạ. - Nó đáp.

Ở mạn sườn tàu có một cửa ra vào xinh xắn; có trần nhà và những cửa sổ nhỏ xíu; nhưng điều khiến tôi vui thích hơn cả là vốn đây là một con tàu thực sự, chắc chắn nó đã lênh đênh trên mặt nước hàng trăm cuộc hành trình.

Bên trong tàu rất sạch sẽ và cũng đầy đủ tiện nghi. Có một chiếc bàn, một đồng hồ Hà Lan treo tường, và một bức tranh vẽ một bà cầm ô đi dạo và một đứa trẻ chơi đánh vòng. Tại các xà trên trần treo những chiếc móc, tôi không đoán được dùng để làm gì; hòm xiềng và những đồ vật khác cũng tiện lợi dùng để ngồi thay cho ghế tựa.

Chị Peggotty mở chiếc cửa nhỏ và chỉ chỗ ngủ cho tôi. Đó là một căn phòng thoải mái chưa từng thấy, phía sau con tàu, với một cửa sổ nhỏ, xưa kia bánh lái xuyên qua đó, một tấm gương nhỏ, một chiếc giường con vừa đủ kích cỡ để kê lọt được vào phòng và một bó tảo cắm trong cái hũ màu xanh trên bàn.

Tôi đặc biệt chú ý đến mùi cá rất nồng tanh trong căn nhà tuyệt vời này. Chị Peggotty cho tôi biết là anh chị mình buôn tôm hùm, cua bể, tôm nhỏ và ngay sau đó tôi nhận ra một đồng lúc

nhúc nhể những con vật ấy quẩn lầy nhau, con nọ trong con kia, chúng cấp lầy mọi thứ ở dưới đáy chiếc lò bằng gỗ.

Trong nhà này có một người đàn bà khoác tạp dề trắng rất lễ phép. Đứng cạnh bà là một bé gái tuyệt diệu mang dây chuyền ngọc trai màu xanh.

Chúng tôi vừa dùng xong bữa tối thì một người đàn ông tóc rậm rì, khuôn mặt đầy vẻ hiền hậu về đến nhà : tôi được giới thiệu đó là ông Peggotty, chủ nhà. Ông vừa hút tẩu thuốc, tôi vừa hỏi chuyện ông. Được biết Cham không phải là con trai ông mà là con của Joe - anh trai ông đã chết vì đắm tàu. Bé gái Emilie là con gái em rể ông, ông ta cũng chết vì đắm tàu.

Chị Peggotty ra hiệu cho tôi đừng hỏi thêm nữa. Trong căn phòng nhỏ kín đáo của tôi, chị cho tôi biết rằng Cham và Emilie là hai đứa trẻ mồ côi từ hồi còn bé tí teo được ông chú mang về nuôi và rằng bà Gummidge, người đàn bà mang tạp dề trắng, là vợ góa của một người góp cổ phần với chủ nhà này trong việc khai thác một con tàu. Ông Peggotty là một người nghèo nhưng chất phác và chân thật.

Tôi rất xúc động trước lòng tốt của chủ nhà.

Trong lòng thư thái, tôi ngủ thiếp đi.

Sáng hôm sau, tôi nhảy khỏi giường và chạy theo bé Emilie nhặt vỏ ốc trên bãi cát.

- Mình nghĩ đằng ấy là một thủy thủ nhỏ đích thực. - Tôi nói với Emilie.

- Không đâu, - cô bé đáp, - tôi sợ biển.

- Sợ! - Tôi nhắc lại trong khi nhìn đại dương mênh mông.

- Biển đã độc ác với những người thân yêu của tôi biết bao.

Hai chúng tôi lang thang hàng giờ dọc theo bãi biển. Dần dần tôi thấy quý mến bé Emilie, và tôi tin chắc rằng cô bé cũng mến tôi.

Cuối cùng, ngày trở về của tôi cũng đã tới. Tôi không bị rịn khi phải xa ông Peggotty và bà Gum-midge, nhưng trái tim tôi như ứa máu với ý nghĩ phải để Emilie ở lại.

Đó là một buổi chiều giá lạnh, bầu trời ảm đạm và nặng trĩu nước mưa, tôi trở về Blunderstone.

Cửa mở ra, tôi ngược mắt lên, nửa cười nửa mếu để nhìn mẹ tôi. Nhưng không phải mẹ tôi mà là một chị đầy tớ không quen.

Chị Peggotty xuống xe, nắm tay tôi, đẩy tôi đang vô cùng sửng sốt vào bếp và đóng cửa lại.

- Chị Peggotty ơi, - tôi hoảng hốt nói. - Có chuyện gì vậy?

- Không có gì, cậu David ạ. - Chị đáp, cố làm bộ vui vẻ.

- Nhất định là có chuyện gì rồi, em đoán chắc là như vậy.

Nước mắt tôi giàn giụa, tôi cảm thấy như sắp ngất xỉu.

- Mẹ em không chết chứ, chị Peggotty?

- Không! - Chị kêu lên. - Cậu thấy đấy, cậu yêu quý, đáng lẽ chị phải cho em biết sớm hơn, nhưng chị đã không đủ can đảm. Em có một người cha!

Tôi run bắn lên và mặt trở nên tái nhợt.

- Một người cha khác, - chị Peggotty nói.

- Một người cha khác ư? - Tôi hỏi lại.

- Lên mà xem.

- Em không muốn nhìn thấy ông ta.

- Không muốn thấy cả mẹ em nữa sao? - Chị nói thêm..Tôi không cưỡng lại nữa và chúng tôi đi thẳng vào phòng khách lớn rồi chị để tôi ở lại đó. Mẹ tôi ngồi ở một góc lò sưởi và góc kia ông Mard-stone.

Mẹ tôi đứng phất lên nhưng tôi cảm thấy mẹ rụt rè.

- Clara thân yêu của anh - ông Murdstone nói. - Em cứ bình tĩnh. David, con trai ta, con có khỏe không?

Tôi bắt tay ông ta. Sau một lát ngập ngừng, tôi lại gần mẹ tôi và ôm hôn bà; bà hôn tôi, vuốt ve vai tôi, rồi lại cúi xuống đồ khâu của bà.

Vừa được ở một mình, tôi liền chạy lên cầu thang. Căn phòng nhỏ của tôi đã thay đổi. Tôi xuống sân. Chuồng chó vốn bỏ không nay đã có một con chó to, mõm rộng ngoác và có một cái bờm đen, giống như "ông ta".

Trái tim tôi tan nát. Tôi ngủ thiếp đi. Sáng hôm sau mẹ tôi và chị Peggotty đánh thức tôi dậy.

- David! - Mẹ tôi gọi. - David, con của mẹ!

Tôi cảm thấy trên người tôi không phải là bàn tay mẹ tôi, cũng không phải tay chị Peggotty. Đó là ông Murdstone, ông ta đã nắm lấy cánh tay tôi, và đang nói:

- Chuyện gì vậy? Clara, em thân yêu, em quên rồi à? Phải kiên quyết chứ!

Ông ra lệnh cho hai người đàn bà ra ngoài. Lúc chỉ còn tôi và ông, ông trừng trừng nhìn tôi, bậm môi nói :

- David, khi gặp con ngựa bắt kham, cậu có biết ta làm gì không?

- Cháu không biết gì hết.

- Ta đánh nó. Ta bắt nó phải phục tùng. Và dù nó có phải trả giá bằng tất cả máu của nó, ta nói là ta làm. Bây giờ, thưa cậu, cậu hãy đi rửa mặt và xuống nhà với ta.

Chúng tôi chỉ có ba người ngồi ăn với nhau.

Ông ta tỏ ra mê mọt mẹ tôi, còn mẹ tôi cũng say đắm ông ta. Qua câu chuyện giữa hai người tôi biết rằng, một người chị của ông Murdstone sẽ tới đây sống với họ và họ đang chờ bà ta đến vào tối hôm ấy. Tôi biết rằng, ông ta không cần phải tích cực tham gia công việc kinh doanh, vì hàng năm ông có một phần lợi tức của một thương gia rượu vang ở Luân Đôn và chị ông cũng được hưởng như ông trong việc buôn bán ấy.

Sau bữa tối thấy có tiếng xe ngoài hàng rào khu vườn. Cô Murdstone đã tới. Đó là một người đàn bà có vẻ râu rĩ, tóc nâu sẫm. Bà ta giống người em trai nhất là ở khuôn mặt và giọng nói.

Bà ta được vồn vã chào đón và mời vào phòng khách. Bà ta chào mẹ tôi một cách kính trọng như một người mới quen.

- Con trai mợ, phải không?

Mẹ tôi nói vâng.

- Nói chung, - cô Murdstone nói, - tôi không thích bọn con trai. Có khỏe không cậu bé?

Tôi miễn cưỡng trả lời câu hỏi ân cần ấy rằng tôi rất khỏe và mong rằng bà cũng vậy. Nhưng tôi tỏ vẻ không khoái lắm đến mức cô Murdstone lập tức nhận xét tôi bằng hai từ :

- Xấu thôi!

Sau khi đưa ra lời phán quyết ấy với giọng khô khốc, bà yêu cầu được xem phòng ở của bà, nơi mà kể từ đó trở thành chốn khùng khiếp và kinh hoàng đối với tôi.

Cô Murdstone thực sự đến định cư ở nhà tôi và chẳng hề có ý định rời đi đâu hết. Bà ta thu toàn bộ chìa khóa nhà cửa ở mẹ tôi, chẳng nề nang gì, và ngày đêm giữ dật lầy. Mặc dù cũng đã rụt rè phản đối, nhưng mẹ tôi không được giữ chúng nữa.

Tôi học ở nhà, trong khi chờ đợi vào ký túc xá. Trên danh nghĩa mẹ tôi dạy, nhưng thực tế là ông Murdstone và bà chị ông lúc nào cũng có mặt và đó là dịp tốt để họ dạy cho mẹ tôi tính cương quyết. Tôi cho rằng chỉ vì thế họ mới để tôi ở lại nhà. Hồi chỉ có hai mẹ con tôi sống với nhau, tôi học tập khá thoải mái và thích thú. Nhưng từ giờ trở đi, những bài học trịnh trọng là đòn chí tử đánh vào thời gian nghỉ ngơi của tôi, đó là một công việc khổ sai, một nỗi buồn phiền diễn ra hàng ngày. Chúng rất dài, rất nhiều, rất khó. Phần lớn những bài học ấy tôi không hiểu nổi và tôi cũng như bà mẹ tội nghiệp của tôi rất sợ chúng.

Kết quả của cách đối đãi kéo dài ít ra sáu tháng trời ấy, là khiến tôi trở nên bản tính, buồn bực và cáu kỉnh. Điều góp phần

rất lớn vào kết quả trên, đó là người ta ngày càng tách tôi xa mẹ tôi. Tôi chỉ còn có bộ sách cha tôi để lại là nguồn an ủi duy nhất.

Một buổi sáng khi cấp sách xuống phòng khách, tôi thấy mẹ tôi có vẻ lo lắng, cô Murdstone có vẻ cương quyết và ông Murdstone thì đang buộc cái gì vào đầu cây gậy của ông. Đó là một cây gậy bằng song mềm, ông ta múa vun vút lúc tôi bước vào. Ông Murdstone nói:

- Bởi vì anh cam đoan với em, Clara ạ, rằng bản thân anh thường bị đánh đòn! Giờ đây David, - ông nói tiếp và mắt ông long lên sòng sọc, - cần chú ý hơn mọi khi.

Ông ta lại múa tít cây gậy, rồi đặt nó bên cạnh với một cái nhìn có chủ ý và cầm lấy quyển sách. Để giáo đầu, đó là một phương tiện tốt giúp tôi nhanh trí. Đương nhiên, mọi chuyện trở nên xấu đi, mẹ tôi oà lên khóc.

- Clara! - Cô Murdstone lên giọng cảnh cáo.

- Em hơi ốm chị Jane ạ. - Mẹ tôi lí nhí đáp.

Ông Murdstone nhìn chị ông vẻ trang trọng, rồi ông cầm gậy đứng lên, nói :

- Quả là, chị Jane ạ, chúng ta không thể chờ Clara chịu đựng một cách can đảm nổi cơ cực và dằn vặt mà David gây cho mẹ nó hôm nay. Chịu được đã trở thành anh hùng rồi. Clara đã có tiến bộ nhiều, yêu cầu nữa là quá sức chịu đựng của cô ấy. Nào David ta cùng lên trên kia, cậu cả.

Ông ta lôi tôi đi, mẹ tôi lăn xả tới. Cô Murdstone nói :

- Clara, mợ điên đấy à?

Tôi thấy mẹ tôi bịt hai lỗ tai lại rồi mẹ tôi khóc.

Ông Murdstone lên phòng tôi thật chậm chạp và trịnh trọng. Tôi đoán chắc là ông ta khoái cái công cụ trừng trị nhanh gọn đó. Vào trong phòng, ông liền kẹp đầu tôi dưới cánh tay ông ta.

- Ông Murdstone, tôi kêu lên. - Xin đừng, xin ông đừng đánh cháu.

Ông ta vẫn kẹp chặt đầu tôi như gọng kìm, nhưng tôi vịn vẹo người xung quanh ông, vừa kêu xin, nên cũng hãm ông ta lại được một lát. Chỉ một lát thôi, vì phút sau ông đánh tôi một cách tàn bạo.

Tôi vồ lấy bàn tay ông nắm tôi và nghiền răng cắn thật mạnh. Thế là ông liền đánh như muốn cho tôi chết. Chúng tôi đang ồn ào thì tôi nghe tiếng mẹ tôi vừa chạy vừa khóc trên cầu thang. Ông ta bỏ ra ngoài, khóa cửa lại, nhốt tôi một mình, nằm vật xuống nền nhà, nhễ nhại mồ hôi, sầy da, bóng rộp, điên cuồng như quỷ sứ.

Sau vụ ầm ĩ đó, tôi bị nhốt năm ngày chỉ ăn bánh nhạt và uống nước lã.

Đêm cuối cùng trong phòng trừng phạt, có tiếng gọi thăm thì làm tôi thức dậy.

- Có phải chị Peggotty, chị thân yêu của em đó không?

- Phải, em David yêu quý của chị. - Chị đáp. - Em cần phải im lặng không thì mèo nó nghe thấy em đấy.

Tôi hiểu chị muốn nói về cô Murdstone ở phòng kề bên, và cần phải khôn khéo.

- Họ sẽ làm gì em nữa, chị Peggotty thân yêu của em?

- Tổng em vào nội trú gần Luân Đôn. - Chị đáp.

- Bao giờ, chị Peggotty?

- Ngày mai.

- Em có được gặp mẹ em không?

- Có, sáng mai.

Rồi chị nói tiếp, giọng nghiêm trang không bình thường :

- Chị sẽ không quên em. Chị sẽ săn sóc mẹ em chu đáo. Và cho dù chị chẳng giỏi giang gì, chị sẽ viết thư cho em, em thân yêu của chị.

Peggotty không thể ôm hôn tôi, chị liền hôn vào lỗ khóa.

Rất xúc động, tôi cảm ơn chị và bắt chị hứa là chị sẽ viết cho ông Peggotty, cho bé Emilie, cho bà Gummidge và cho Cham để nói với họ rằng tôi không phải là đứa trẻ xấu. Chị nhận lời.

CHƯƠNG 2

KÝ TÚC XÁ SALEM HOUSE

Buổi sáng, cô Murdstone đến nói là tôi sắp đến nội trú ở ký túc xá mà không thấy tôi sưng sốt như cô tưởng. Cô bảo tôi mặc áo quần xong thì xuống nhà ăn lót dạ.

Mẹ tôi đã ở đó, tôi thấy mẹ rất nhợt nhạt và cặp mắt đỏ mọng. Tôi lao vào vòng tay mẹ và nói lời xin lỗi với tất cả tấm lòng đau buồn của tôi.

- Ô! David, - mẹ tôi nói, - tại sao con lại gây ra đau đớn cho người mà mẹ yêu quý? Con hãy gắng sống tốt hơn. David ạ, mẹ tha thứ cho con nhưng mẹ rất buồn, vì trái tim con đã có những ý nghĩ xấu xa đến thế!

- Khuân hòm của cậu Copperfield ra đây - cô Murdstone nói.

Khi tiếng bánh xe lạo xạo trước cửa, tôi đưa mắt tìm chị Peggotty, nhưng không thấy. Cả chị, cả ông Murdstone đều không có ở đây. Người đánh xe hàng quen thuộc đã ở ngoài cổng. Chiếc hòm được đưa lên xe.

- Tạm biệt con trai mẹ, con đi để học những điều hay. Nghỉ hè con sẽ trở về. Gắng tốt lên con nhé!

- Clara! - Cô Murdstone nhắc gọn lỏn.

Tôi lên xe ngồi và con ngựa lừ đừ cất bước.

Đi được chừng nửa dặm, chiếc khăn tay của tôi đã ướt đẫm, thì người đánh xe đột ngột dừng xe lại. Vừa ngẩng lên, tôi ngạc nhiên thấy chị Peg-gotty nhô lên từ một hàng rào và trèo lên xe. Chị ôm tôi trong vòng tay siết chặt. Chị ghì đầu tôi vào ngực làm mũi tôi bẹp dí. Chị không nói lời nào. Chị buông tay và thọc vào

túi lấy ra vài gói bánh ga tô nhét vào túi tôi. Chị lặng lẽ ấn vào tay tôi một túi tiền. Sau khi ghì mạnh tôi lần cuối, chị bước xuống xe và vừa đi vừa chạy.

Trong túi tiền tôi thấy có ba đồng si linh được chị Peggotty chăm chút đánh bóng sáng loáng, hai đồng nửa cua ron, bọc trong một tờ giấy, trên đó tự tay mẹ tôi viết : "Tặng David, với tất cả tình yêu của mẹ". Tôi vô cùng xúc động.

Sáng hôm sau, chúng tôi tới Luân Đôn.

Sau khi đợi mãi tại trạm xe, tôi thấy một người đàn ông trẻ gầy guộc và tái xanh, má hóp và chiếc cằm cũng đen gần như cằm ông Murdstone. Râu thưa, tóc cẩu ghét và bơ phờ. Bộ com lê dạ đen quá ngắn so với khổ người ông ta.

- Cậu là người mới đến? - ông ta hỏi tôi.

- Vâng, thưa ông! Tôi đáp.

- Tôi là giáo viên dạy tại Salem House.- ông nói với tôi.

- Xin thầy cho biết còn xa không ạ?

- Cách đây khoảng sáu dặm. - ông nói. - Chúng ta đi xe khách tới đó.

Đến Salem House chúng tôi được một người đàn ông đẩy đà, cổ bò mộng với một bên chân gỗ và tóc húi ngắn đón tiếp.

- "Học trò mới". - ông giáo nói.

Salem House là một căn nhà hình vuông, nhiều chái, nom ngoài trơ trọi và cô quạnh. Ông Mell, thầy giáo, cho tôi biết là đang nghỉ hè, học trò về gia đình, rằng ông Creakle, là giám đốc cùng vợ và con gái đang đi nghỉ ở biển. Việc tôi phải ở ký túc xá suốt mùa nghỉ hè là bởi vì hạnh kiểm tôi xấu.

Ông dẫn tôi vào phòng học, chưa bao giờ tôi thấy nơi nào hoang phế đến thế. Trong phòng bốc lên một mùi lạ, độc hại, mùi da thuộc mục rữa, mùi táo và mùi sách mốc.

Tôi chợt thấy một tấm biển bằng bìa cứng có ghi chữ : "Hãy đề phòng, hấn cẩn đây" đặt trên bàn học.

Tôi vội nhảy phắt lên bàn, sợ rằng ở gầm bàn có con chó to. Ông Mell hỏi tôi làm trò gì trên đó.

- Xin lỗi thầy, - tôi nói, - em đang nhìn xem con chó nó ở đâu.

- Chó ư? - ông nói, - Chó nào?

- Cái con phải đề phòng nó cắn đó.

- Không, Copperfield. - ông nghiêm giọng nói, - không phải là chó, mà là một cậu bé. Tôi được lệnh là treo tấm bảng này sau lưng cậu. Tôi rất tiếc phải dùng biện pháp này với cậu, nhưng tôi buộc lòng phải làm như thế.

Cùng lúc đó ông đặt tôi xuống đất và buộc tấm bảng lên vai tôi. Đi đến đâu tôi cũng khổ tâm phải mang theo nó.

Không ai có thể hình dung nổi tấm bảng đó làm tôi đau khổ đến thế nào. Họ có thể nhìn thấy tôi hay không, nhưng bao giờ tôi cũng tin rằng có người đang đọc nó.

Hết ngày nọ đến ngày kia trôi qua trong đơn điệu và nỗi phấp phỏng sắp đến ngày khai trường.

Tôi lại thấy mình bé nhỏ, tội nghiệp trong căn phòng tối tăm, hai bàn tay ôm lấy đầu, ôn lại bài học ngày hôm sau rồi gấp sách vở lại, trèo lên giường trong căn phòng gần như hoang vắng, và khóc thầm trên giường nhớ mẹ tôi hoặc chị Peggotty.

Một hôm ông Mell thông báo với tôi buổi tối ông Creakle sẽ tới. Trước lúc đi ngủ, Tungsby - người đàn ông có chiếc chân gỗ đưa tôi đến trình diện ông Creakle.

Tôi run rẩy bước vào. Ông Creakle, một con người trắng kiện, có một túm tóc tòng teng đeo vào dây đồng hồ, ngồi trong ghế bành, một chiếc cốc và một cái chai để cạnh ông ta.

- Ô! - ông Creakle lên tiếng, - chàng trai có bộ răng cần phải mài cùn đi đây rồi! Bảo nó xoay người lại.

Tungsby xoay người tôi để phô tấm bảng cho ông Creakle đọc, đọc xong lão xoay lại để tôi đối diện với ông Creakle, còn lão đứng bên cạnh ông ta.

Bộ mặt ông Creakle dữ tợn, cặp mắt ti hí, sâu hoắm. Ông ta có chiếc mũi nhỏ, chiếc cằm rộng, đỉnh đầu lơ thơ vài sợi tóc hoa râm, và bóng nhờn vuốt xuống giữa cái trán có những mạch máu nổi lên.

Nhưng điều khiến tôi chú ý nhất là ông ta không nói được thành tiếng, chỉ nói thì thào.

- Nào - ông Creakle nói, - có gì báo cáo với tôi về cậu bé này?

- Chưa có gì, - lão chân gỗ đáp. - Chưa gặp dịp đấy thôi.

- Lại đây, cậu! Ông Creakle vừa nói vừa ra hiệu cho tôi.

- Lại đây, - Lão chân gỗ vừa nói vừa lặp lại hiệu lệnh như thế.

- Ta có may mắn được biết ông bố dượng của cậu. - ông Creakle vừa thì thầm vừa véo tai tôi. - Đó là một người đàn ông đáng hoàng, một con người đầy nghị lực. Ông biết ta và ta quen ông. Cậu có biết ta không? Hử? - ông Creakle vừa nói vừa bấm vào tai tôi kiểu đùa cợt độc ác.

- Thưa ông, cháu chưa được biết ạ. - Tôi vừa đáp vừa lùi lại, không nén nổi một tiếng kêu khe khẽ.

- Chưa biết hử? - ông ta nhắc lại. - Nhưng cậu sẽ biết ta ngay thôi, hử?

- Cậu sẽ biết ông ấy ngay, hử! - Lão chân gỗ nhắc lại.

Sau đó tôi biết rằng nhờ có giọng cực khỏe, lão Tungsby được làm thông ngôn cho ông Creakle với học trò.

- Ta sẽ cho cậu biết ta là ai. - ông Creakle vừa lầm bầm vừa buông tai tôi sau khi xoắn cái cuối cùng khiến nước mắt tôi trào ra. - Ta là một người Tac-ta.

- Một người Tac-ta. Lão chân gỗ nói.

- Khi ta nói : "Ta sẽ làm điều gì đó" là ta làm, - ông Creakle nói, - và khi ta nói: "Ta muốn điều gì đó" là ta muốn nó bằng được.

- Ta muốn nó bằng được. - Tungsby nhắc lại.

- Bây giờ đây, cậu bạn trẻ, - ông Creakle nói, cậu có thể đi được rồi đấy.

- Xin vâng, thưa ngài... - Tôi lắp bắp, - cháu xin phép được bỏ tấm bảng trước khi học trò tựu trường...

Không biết ông ta làm thật hay chỉ muốn ra oai với tôi, nhưng ông nhảy ra khỏi ghế bành và tôi hối hả chạy thoát thân, không đợi lão chân gỗ, không dừng lại lần nào, đến tận phòng ngủ, tôi vẫn run bắn cả người suốt nhiều giờ liền.

Sáng hôm sau, ông Sharp, phụ tá của ông Creakle tới. Đó là một người nhỏ nhắn với chiếc mũi rất to có vẻ tế nhị.

Tóc ông dài và lượn sóng, nhưng tôi được cậu học trò đầu tiên đến tựu trường cho biết là ông Sharp mang tóc giả.

Người học trò cho tôi biết chuyện đó, đổi lại anh hỏi vô số điều về tôi và gia đình tôi. Anh ta tên là Tommy Traddles. Đó là anh bạn tốt nhất trên đời. Nhờ có anh mà những học trò khác không chế nhạo tôi nhiều về tấm bảng. Vài đứa còn vuốt ve tôi như thể tôi là một con chó, nhưng, nhìn chung, tôi đã lo ngại điều tệ hơn thế.

Tôi chỉ được chính thức chấp nhận vào ký túc sau khi một anh tên là J.Steerforth đến. Anh nổi tiếng học giỏi và rất đẹp trai, ít nhất cũng hơn tôi quãng sáu tuổi. Tại chiếc lều nhỏ trong sân, anh tìm hiểu về những chi tiết dẫn đến hình phạt của tôi và tuyên bố rằng, theo anh, đó là một "sự nhục mạ chưa từng thấy", tôi mãi mãi biết ơn anh về điều này.

Các bạn học mới cho tôi biết rằng ông Creakle hoàn toàn đúng khi tuyên bố ông ta là một Tac-ta.

Đó là người tàn nhẫn nhất và hắc nhất trong các thầy giáo; không có ngày nào mà ông ta không tự tay trừng phạt những học trò phạm lỗi. Ông ta hoàn toàn không biết làm gì ngoài việc trừng phạt, Steerforth nói vậy. Ông ta còn dốt nát hơn cả cậu học trò kém nhất. Người ta đồn rằng ông thành giáo viên quản trị ký túc xá sau khi đi buôn hou-blou bị vỡ nợ tại một khu phố ở Luân Đôn.

Tôi được biết rằng ông Sharp và ông Mell được trả mức lương thâm hại, rằng khi nào trên bàn ông Creakle có cả thịt nóng và thịt nguội thì thế nào ông Sharp cũng buộc phải thích thú nguội.

Các lớp vào học ngay sau ngày khai trường. Sau bữa điếm tâm, ông Creakle vào, có Tungsby tháp tùng. Tôi tự hỏi không biết vì sao lão ta lại hét "Im lặng" với cái giọng dữ tợn như thế, đến nỗi tất cả chúng tôi đều sững sờ, câm lặng. Thấy môi ông Creakle mấp máy và tiếng ông Tungsby lặp lại những lời sau :

- Các trò nhỏ, đây là một học kỳ mới. Hãy chăm lo đến những gì các em làm trong học kỳ mới này. Tôi khuyên các em hãy hái học tập, bởi vì tôi, tôi sẽ kiên quyết trừng phạt các em. Tôi không nhụt chí đâu. Dù các em có xoa đến mấy cũng không xoa nổi những lần roi của tôi đâu. Và bây giờ tất cả hãy vào việc.

Chúng tôi vâng lời. Hết tuần này sang tuần khác trôi qua. Một hôm. Traddles lỡ đá bóng làm vỡ một miếng kính cửa sổ. Đến bây giờ tôi còn rùng mình khi nghĩ lại cái thời điểm định mệnh đó. Cứ như là quả bóng nảy trúng vào mái đầu tôn kính của ông Creakle vậy.

Tội nghiệp Traddles! Chiếc áo vét và cái quần xanh của anh trở nên quá chật khiến chân tay anh nom như những cây xúc xích bị bó chặt. Anh là người vui tính nhất đồng thời là người khổ nhất trong cả bọn chúng tôi. Ngày nào anh cũng bị đánh đòn.

Steerforth hết lòng bảo vệ tôi, và tình bạn của anh rất có ích cho tôi, bởi không ai dám động đến những người được anh đoái thương.

Anh không thể giúp tôi chống lại sự tấn công của ông Creakle vốn rất nghiệt ngã với tôi. Nhưng lúc nào tôi phải chịu đau khổ nhiều hơn thường lệ, anh lại tiếp cho tôi lòng can đảm và khiến tôi mang ơn anh về điều đó. Sự ngặt nghèo của ông Creakle đã một lần có lợi cho tôi, đó là cái lợi duy nhất tôi có thể phát hiện ra. Một hôm, ông ta chợt thấy tấm bảng của tôi làm ông vướng khi ông đi qua phía sau chiếc ghế dài và ông muốn vừa đi vừa quật cho tôi một gậy. Do đó, tấm bảng được nhắc đi và tôi không thấy lại nó nữa.

Một buổi tối Tungsby tới và kêu toáng lên:

- Copperfield có khách!

Thật không ngờ khi tôi thấy ông Peggotty và Cham tại phòng ăn. Chúng tôi thân mật bắt tay nhau và tôi cười rất to, nhiều đến nỗi phải rút khăn tay lau nước mắt.

- Ông có biết mẹ tôi có khỏe không, thưa ông Peggotty? - Tôi hỏi. - Và chị Peggotty thân mến của tôi có khỏe không?

- Rất khỏe! - ông Peggotty đáp.

- Cả bé Emilie, cả bà Gummidge nữa ạ?

- Rất... khỏe, - ông Peggotty nhắc lại.

Trước khi ra về ông Peggotty và Cham tặng tôi hai con tôm hùm to tướng, một con cua bể lớn và một làn to tôm giảo.

- Bọn tôi biết cậu thích những thứ này. Chính tay bà Gummidge luộc đấy.

Phần cuối học kỳ lẫn lộn trong tâm trí tôi với những nếp quen hàng ngày của cuộc sống buồn tẻ của chúng tôi. Mùa hè đã qua và mùa thu đã tới.

Buổi sáng thức dậy, trời lạnh. Nhưng ban đêm trời còn lạnh hơn. Buổi tối, phòng học của chúng tôi tù mù và ít được sưởi ấm, sáng ngày ra quả là một hầm nước đá. Chúng tôi hết ăn thịt bò luộc lại thịt bò quay, hết cừ quay lại sang cừ luộc và ăn bánh với bơ hôi dầu.

Tôi nhớ lại rằng, sau khi tưởng chừng thời gian như không nhúc nhích, viễn cảnh xa xôi về những ngày hè cuối cùng đang lại gần chúng tôi. Tôi lo rằng, người ta không đưa tôi trở về nhà mẹ và khi được tin mẹ tôi nhắn, tôi nơm nớp lo sợ chẳng may bị gãy chân trước ngày lên đường thì sao. Rồi cái ngày ấy cũng đến.

Tôi theo xe hòm thư của Yarmouth và ngủ đêm ở khách sạn Dauphin. Ông Barkis đến tìm tôi lúc chín giờ sáng. Khi tôi đã ngồi trên xe, ông Barkis trèo lên và ngựa chạy nước kiệu như thường lệ. Cuối cùng tôi về đến nhà. Người đánh xe hạ chiếc hòm của tôi ở cửa vườn. Tôi men theo con đường mòn dẫn về nhà, đưa mắt nhìn

khấp các ô cửa sổ. Cứ mỗi bước tôi lại e ngại nhận ra ở một ô cửa nào đó khuôn mặt dễ sợ của ông Murdstone hoặc của bà chị ông ta. Về đến nhà, không thấy ai, tôi mở cửa mà không gõ. Trời chưa tối, tôi nhè nhẹ và rụt rè bước vào nhà.

Vào đến tiền sảnh, tôi nghe thấy tiếng mẹ tôi trong phòng khách phụ. Bà hát khe khẽ như tôi thường nghe thấy lúc nằm trong lòng bà khi còn bé tí. Nghe bà rì rầm điệu hát một cách suy ngẫm và cô đơn, tôi tưởng bà chỉ có một mình, và tôi nhè nhẹ bước vào. Bà ngồi bên lò sưởi đang cho một em bé bú và áp chặt bàn tay em vào cổ mình.

Bà rạng rỡ ngắm nó và hát ru nó ngủ. Trong phòng chỉ có mình mẹ tôi.

Tôi lên tiếng, bà giật mình và sửng sốt kêu lên.

Nhận ra tôi, bà gọi: David của mẹ, con trai thân yêu của mẹ và đến trước mặt tôi giữa căn phòng bà quỳ xuống, vừa hôn tôi vừa kéo đầu tôi áp vào ngực bà, gần đứa bé đang ngủ, và bà đưa bàn tay đưa bé lên môi tôi.

- Em con đây! - Mẹ tôi vừa nói vừa vuốt ve tôi, - David, con trai ngoan của mẹ, con trai tội nghiệp của mẹ!

Và bà vẫn ôm chặt lấy tôi, hôn tôi. Bà vẫn giữ lấy tôi khi chị Peggotty chạy vào ngồi luôn xuống nền nhà bên cạnh chúng tôi.

Tôi được biết ông Murdstone và bà chị ông ta đang đi thăm quanh vùng đến đêm mới về.

Chúng tôi ngồi ăn với nhau bên lò sưởi. Peg-gotty chỉ muốn phục vụ chúng tôi, nhưng mẹ tôi bắt chị ngồi ăn cùng.

Tôi thấy mẹ tôi mỉm cười khi chị Peggotty ngắm bà, nhưng tôi thấy rõ rằng bà có vẻ nghiêm trang và tư lự hơn trước.

Sau bữa tối, chị Peggotty đặt em bé vào nôi, và sửa lại áo và tã lót cho nó. Sau đó chị thu dọn bàn ăn, rồi chị mang ra hộp đồ khâu. Sau khi dùng trà, Peggotty cời lửa và gạt tàn cây nến, còn tôi đọc một chương cuốn sách nói về loài cá sấu. Chị Peg-gotty đã rút cuốn sách ấy ra từ túi áo chị; tôi tin rằng chị đã giữ nó bên

mình từ ngày tôi vào ở ký túc xá. Chúng tôi rất sung sướng và buổi tối hôm ấy không bao giờ phai mờ trong ký ức của tôi.

Gần mười giờ đêm thì nghe thấy tiếng bánh xe.

Mẹ tôi vội vàng đứng lên nói rằng đã quá khuya rồi, rằng ông Murdstone và bà chị ông muốn trẻ con đi ngủ sớm, do đó tốt nhất là tôi lên phòng ngủ. Tôi không để nhắc đến lần thứ hai.

Tôi chưa gặp lại ông Murdstone lần nào từ cái ngày đáng ghi nhớ về trọng tội của tôi. Sáng hôm sau tôi ớn lạnh cả người với ý nghĩ phải xuống nhà ăn lót dạ. Chần chừ mãi tôi đành bước vào phòng ăn. Ông ta đang đứng bên lò sưởi. Cô Murdstone đang pha trà.

Sau một lát ngập ngừng, tôi tiến lại gần ông và nói :

- Xin ông tha lỗi cho cháu, cháu rất tiếc về những gì cháu đã làm, và hy vọng ông sẵn sàng bỏ qua cho cháu.

Ông chìa tay cho tôi, bàn tay tôi đã cứng. Tôi không sao ngăn nổi nhìn vào cái vết đỏ còn hằn trên đó. Nhưng mặt tôi còn đỏ hơn cái sẹo khi nhìn thấy nét hiềm ác dữ trên gương mặt ông ta.

- Thưa cô, cô có khỏe không? - Tôi hỏi cô Murdstone.

- Ô! - Cô Murdstone vừa thở dài thốt lên vừa chìa cho tôi chiếc kẹp đường thay vì đưa tay cho tôi, - Được nghỉ hè bao lâu?

- Một tháng, thưa cô.

Sáng nào cô Murdstone cũng đánh dấu trên tấm lịch một ngày trôi qua. Thời gian càng trôi đi, cô càng tỏ ra vui vẻ như con khướu.

Một buổi sáng, tôi bước vào phòng chỗ cô ấy đang làm việc cùng mẹ tôi, em bé của tôi mới được mấy tuần đang ngủ trên đùi mẹ. Tôi ẵm nó. Cô Murdstone kêu thất thanh làm tôi suýt nữa đánh rơi cái bọc quần thàng bé.

- Chị Jane thân mến! - Mẹ tôi kêu.

- Lạy chúa tôi! Clara, mợ không nhìn thấy à?

- Thấy gì kia, chị Jane?

- Thấy nó bé đứ đờ nhỏ, - Cô Murdstone kêu lên, thằng bé bé đứ đờ nhỏ.

Cô ta sống người vì khiếp sợ, cô bật dậy xô lại giằng lấy thằng bé từ tay tôi. Từ đó tôi bị cấm không được đụng đến đứ đờ bé bất kể vì lý do gì, và bà mẹ tội nghiệp của tôi, dù có không đồng ý cũng phải dụi dằn xác nhận sự cấm đoán ấy và nói :

- Chắc hẳn là chị có lý, chị Jane thân mến.

Tôi chẳng thấy thoải mái với bất kỳ ai. Những người yêu quý tôi không dám biểu lộ tình cảm của họ, những người không yêu tôi thì tỏ rõ thái độ đến mức lúc nào tôi cũng cảm thấy lúng túng, vụng về và ngốc nghếch.

Những ngày nghỉ hè kéo dài nặng nề cho đến một buổi sáng cô Murdstone lên tiếng trong khi đưa cho tôi tách nước trà.

- Hôm nay là ngày cuối cùng.

Tôi ra đi không buồn phiền. Tôi bị rơi vào trạng thái mù mẫn và chỉ hơi tỉnh ra được một chút với ý nghĩ được gặp lại Steerforth, mặc dù hình ảnh ông Creakle lấp ló phía sau.

Ông Barkis lại xuất hiện trước chấn song cửa.

Tôi ôm hôn mẹ tôi, cả em bé của tôi, và tôi cảm thấy thật là buồn tuy nhiên không phải vì rời xa mẹ và em, mà bởi một cái hố ngăn cách đã hình thành giữa họ và tôi. Chiếc hôn của mẹ tôi có âu yếm đến mấy, thì nó cũng không in trong ký ức của tôi bằng tiếp theo sau là lời vĩnh biệt.

Tôi đã ngồi trên chiếc xe của người chở hàng, thì thấy mẹ tôi gọi. Tôi nhìn ra. Bà đứng một mình bên hàng rào, nâng bổng em bé trên tay để tôi nhìn thấy nó. Trời rét, nhưng tiết trời bình lặng, không một sợi tóc, một nếp áo nào của bà lay động, trong khi bà đăm đăm nhìn tôi và nâng em bé lên cho tôi nhìn.

CHƯƠNG 3

Ở NHÀ CÔ TÔI

Khoảng hai tháng kể từ ngày tôi trở lại Salem House, hết giờ ra chơi, chúng tôi vào lớp thì ông Sharp đến nói :

- David Copperfield xuống phòng khách!

Tôi hớn hở vui mừng tưởng là nhận được giỏ đồ tiếp tế của ông Peggotty, tôi vội xuống ngay. Bà Creakle đã ở đó tay cầm phong thư.

- Tôi có chuyện nói với em. - Bà nói. - Sau kỳ nghỉ hè trở lại đây, người nhà em khỏe cả chứ? - ẻ ngập ngừng bà nói thêm: - Mẹ em có khỏe không?

Tôi run bần người không hiểu vì sao, và tôi nhìn bà không chớp mắt, không sao nói được nên lời.

- Tôi được tin, - bà nói tiếp, - mẹ em ốm nặng.

Tôi cảm thấy nước mắt nóng hổi chảy ròng ròng trên mặt tôi.

- Mẹ em đang trong tình trạng nguy hiểm, - à nói thêm.

Thế là tôi hiểu hết.

- Mẹ em chết rồi.

Chẳng cần nói câu đó thì tôi đã kêu lên tiếng kêu đau đớn của đứa trẻ mồ côi và tôi cảm thấy trơ trọi trên cõi đời này. Em bé của tôi cũng chết gần như đồng thời với người mẹ tội nghiệp của tôi.

Chiều hôm sau, tôi rời ký túc xá, biết rõ là không bao giờ quay trở lại nữa. Chính chị Peggotty đón tôi ở nhà.

- Đêm cuối cùng, - chị nói với tôi, - mẹ thân yêu của em ôm lấy chị và nói: "Peggotty ơi, nếu đứa bé cũng chết, xin hãy đặt nó trong vòng tay tôi và tôi muốn được chôn cả hai mẹ con cùng một chỗ. David có về đưa chúng tôi đến nơi an nghỉ, hãy nói với nó rằng mẹ nó, trong lúc hấp hối đã ngàn lần cầu phúc lành cho nó. Rồi bà nhắm mắt trong vòng tay chị.

Ông Murdstone không để ý đến tôi khi tôi vào phòng khách. Ông ta khóc thầm trong ghế bành.

Còn cô Murdstone chỉ chìa mấy đầu ngón tay để an ủi tôi.

Khi ngày tang lễ trọng thể qua đi, lệnh đầu tiên của cô Murdstone là báo cho chị Peggotty nghỉ việc vào cuối tháng.

Còn về phần tôi, rất ít có khả năng quay lại ký túc xá. Trong khi chờ đợi, cô Murdstone cho phép tôi nghỉ vài ngày tại nhà ông Peggotty. Tôi vui mừng gặp lại Cham, Emilie và bà Gummidge.

Tuy nhiên tôi thấy Emilie dù vẫn thông cảm và đối xử tốt với tôi, nhưng ít chăm sóc tôi hơn trước.

Trong thời gian tôi ở Yarmouth, chị Peggotty đã lấy ông Barkis - người đánh xe chở hàng, ông đã nhiều lần ngỏ ý cầu hôn cùng chị.

- Chừng nào chị còn sống - chị nói với tôi, - ao giờ chị cũng dành cho em một căn phòng ở nhà chị.

Vài ngày sau khi tôi trở lại Blunderstone, ông Murdstone gọi tôi đến và giới thiệu tôi với ông Quinion.

- Ô Quinion bạn tôi đây đang điều khiển hãng buôn rượu vang Murdstone và Grinby. Tôi không giàu có gì, việc học hành của cậu khá tốn kém. Đã đến lúc cậu phải sống tự lực.

Cửa hàng Murdstone và Grinby ở Blackfriars bên bờ sông Tamise. Đó là một ngôi nhà cũ có một chiếc sân nhỏ dẫn ra sông. Trong nhà đầy những chuột.

Người ta thuê một số người lớn và trẻ con cọ rửa chai lọ lựa chọn và loại ra những chai bị rạn nứt. Phải dán nhãn vào các chai đã đổ đầy rượu rồi xếp vào thùng. Nhóm trưởng của tôi, một anh

tên là Mick Walker, biệt hiệu là "bột khoai tây" chỉ dẫn công việc cho tôi.

So sánh những người bạn mới của tôi với những người bạn thời niên thiếu, không kể ở Steerforth, ở Traddles và những bạn bè khác ở ký túc xá, tôi cảm thấy một nỗi lo sợ ngấm ngấm khi thấy mình đã rơi xuống đám người này như thế nào.

Chiếc đồng hồ lớn của cửa hàng chỉ mười hai giờ rưỡi trưa và mọi người chuẩn bị đi ăn thì ông Quinion gõ cửa sổ văn phòng ông và ra hiệu cho tôi đến gặp. Tôi bước vào, đứng trước một người đàn ông đứng tuổi, hơi to con, mặc áo sơ đin gót màu nâu, đầu nhẵn thín như quả trứng không có lấy một sợi tóc.

- Nó đây! - ông Quinion chỉ vào tôi, nói.

- Cậu Copperfield đây ư? - Người lạ nói với giọng hạ cố. - Hy vọng là cậu khỏe chứ?

Tôi trả lời là tôi rất khỏe.

- Tôi nhận được thư của ông Murdstone. - Người lạ nói. - ông ấy muốn tôi nhận cậu vào ở một căn hộ còn bỏ trống phía sau nhà.

- Đây là ông Micawber. - ông Quinion nói với tôi. - ông Murdstone và ông đây là chỗ quen biết.

Ông Micawber vẫn chuyển đơn đặt hàng cho chúng tôi.

- Tối nay tôi sẽ rất hân hạnh. - ông Micawber nói thêm, đến đón để dẫn cậu đi con đường gần nhất.

Nói đoạn, ông cầm lấy mũ và oai vệ ra về.

Ông Quinion trình trọng giao việc của hãng Murdstone và Grinby cho tôi với tiền công sáu si linh mỗi tuần. Ông ta ứng trước cho tôi một tuần. Tôi chi sáu xu cho bữa ăn tối gồm ít patêbê và một ngụm nước uống nhờ vòi nước hàng xóm, rồi tôi dùng thời giờ còn lại của bữa ăn đi chơi phố.

Buổi tối vào giờ đã hẹn, ông Micawber lại xuất hiện. Về đến nhà, ông giới thiệu tôi với bà Micawber, một người đàn bà xanh xao gầy gò.

Bà có bốn con, hai đứa sinh đôi còn đang bú, một bé gái ba tuổi, một bé trai bốn tuổi. Một cô gái tóc nâu sẫm có thói quen khịt mũi, làm người giúp việc.

Tôi biết được ngay là ông Micawber bị nhiều chủ nợ hay đến đòi. Lúc đó, ông ta bị nhấn chìm trong buồn phiền và thất vọng. Nhưng chỉ vài giờ sau ông đã trở lại tâm trạng vui vẻ thoải mái.

Cho dù người ta có nể tôi làm ở hãng Murd-stone và Grinby, tôi cũng không sung sướng mấy.

Tôi không có chút hy vọng nào rời bỏ được cuộc sống ghê tởm này, và tôi đã thôi không dám nghĩ tới việc ấy..Những sự cùng quẫn của ông Micawber bồi thêm vào nỗi day dứt của tôi. Theo yêu cầu của bà Micaw-ber, tôi đem đi cầm sáu chiếc thìa uống trà, hai chiếc âu đựng muối và một chiếc kẹp để gấp đường.

Như thế vẫn chưa đủ. Một hôm, từ sáng sớm ông Micawber đã bị bắt và bị giải vào tù vì nợ nần.

Người ta bán đồ đạc để trả nợ. Ông Micawber lại được tự do.

Một thời gian sau, hai ông bà Micawber quyết định rời khỏi Luân Đôn cùng với đàn con của họ.

Ngày chủ nhật, gia đình ông mời tôi ăn bữa tối, Họ dọn ra một ít thịt lợn tươi nấu sốt cay và ít bánh put-đinh. Tối hôm trước, tôi mua một con ngựa vằn bằng gỗ để tặng bé Wilkins Micawber và một con búp bê tặng bé gái Emma.

- Bạn thân mến, - ông Micawber nói, - tôi hơn tuổi cậu, và tôi có chút kinh nghiệm của cuộc đời và... nói cho gọn là của mọi thứ cùng quẫn. Từ nay cho đến khi vận may mà tôi hằng chờ đợi đến với tôi, tôi không thể làm được cái tích sự gì cho cậu ngoài mấy lời khuyên như sau: "Đừng để đến hôm sau những gì cậu có thể làm ngày hôm nay. Lần nữa chờ thời là ăn cắp thời gian của cuộc sống. Hãy nắm ngay lấy thời cơ. Và đây là lời khuyên thứ hai : Thu nhập thường xuyên hai mươi bảng, chỉ mười chín bảng sáu xu thì mới có hạnh phúc. Thu nhập hai mươi bảng, chỉ hai mươi bảng sáu xu thì sẽ dẫn đến khốn khó. Hoa héo, lá rụng, thời gian đi không trở lại và... nói cho gọn, cậu bị nhấn chìm mãi mãi, giống như tôi!".

Tôi đã gắn bó quá thân tình với gia đình Micaw-ber, tôi luôn chia sẻ những buồn lo vất vả của gia đình ông và tôi thiếu thốn tình bạn đến nỗi từ nay tôi phải sống giữa những người xa lạ, kéo dài cuộc đời bơ vơ và khả ố như thế này khiến tôi không sao chịu nổi.

Sau khi buồn bã chia tay với các thành viên trong gia đình Micawber lên xe đi Plymouth, không quên ôm hôn thắm thiết từng người, tôi trở lại hãng Murdstone và Grinby, quyết định bỏ trốn về quê gặp lại cô Betsy là người ruột thịt duy nhất của tôi trên cõi đời này.

Vì không biết bà cô tôi ở đâu, tôi liền viết một bức thư dài cho chị Peggotty để hỏi xem chị có nhớ không. Tôi cũng cho chị biết rằng tôi rất cần số tiền nửa ghinê và nếu chị có thể cho tôi vay thì tôi vô cùng biết ơn. Chả bao lâu chị Peggotty hồi âm, vẫn tràn đầy tình âu yếm sâu sắc như xưa.

Chị gửi cho tôi nửa ghi nê và cho tôi biết cô Betsy ở gần Douvres, nhưng chị không nhớ địa chỉ chính xác.

Vì tôi là đứa trẻ trung thực, vả lại không muốn làm hoen ố kỷ niệm để lại nhà Murdstone và Grinby, tôi quyết định ở lại đến chiều thứ bảy. Vì tôi đã lĩnh tiền tạm ứng một tuần, nên tôi không đến văn phòng lĩnh lương vào giờ thường lệ.

Chính vì lý do bức thiết ấy mà tôi đã phải vay nửa ghi nê để tránh tình trạng không còn một xu dính túi trong cuộc hành trình. Vậy là đến chiều thứ bảy khi mọi người đều có mặt ở cửa hàng để chờ lương, tôi bắt tay Mick Walker và nhờ cậu ta, nói với ông Quinion rằng tôi đang dọn hòm xiềng sang chỗ ở mới.

Tôi chuẩn bị sẵn chiếc hòm và tìm xem ai có thể giúp tôi mang hành lý từ nhà đến trạm xe chở khách.

Tôi trông thấy một chàng trai dáng người lều nghều có chiếc xe lừa kéo rỗng không. Tôi trả sáu xu và đi bộ cùng anh ta theo xe. Anh ta nâng hòm lên xe và đánh xe chạy thật nhanh làm tôi vất vả lắm mới theo kịp. Lúc tôi rút ở túi tờ phiếu ghi địa chỉ để đeo vào hòm đồng nửa ghi nê rơi ra. Để ăn chắc, tôi ngậm đồng tiền

vào miệng và lúc tôi vừa buộc phiếu vào hòm đầu ra đáy, thì anh ta đánh một phát vào cằm tôi và đồng tiền từ miệng tôi rơi vào tay hắn.

Lập tức hắn nhảy vào xe, ngồi lên hòm và tẩu thoát thật nhanh, thế là tôi mất cả tiền lẫn đồ đạc.

Không tiền, không hành lý, tôi chỉ còn cách đi bộ đến Douvres. Tôi ngủ khi thì co ro trong một xó tường, khi trong một đụn cỏ khô. Tôi bán chiếc áo gi lê được chín xu. Cuối cùng, một lão già gớm ghiếc gạt đổi chiếc áo gia kết của tôi lấy vài thứ lờm khờm chẳng đâu vào đâu cả, lão ta vừa cần nhàn cau có vừa đếm trả tôi một si linh và bốn xu.

Sáu ngày sau tôi đến Douvres, kiệt sức, bản thủ, đói khát. Cả buổi sáng đi tìm không thấy nhà cô tôi.

Một người đánh xe ngựa ở quảng trường đánh xe qua đó đánh rơi chiếc chăn khoác cho ngựa. Tôi nhặt lên giúp. Thấy nét mặt hiền hậu của ông chủ xe, tôi đánh bạo hỏi ông ta địa chỉ cô Trotwood.

- Trotwood? - ông ta nói, - Xem đã nào. Tôi có biết cái tên này. Một bà già, có phải không?

- Vâng, cũng hơi già.

- Cổ hơi nghênh nghênh, - ông ta nhòm dậy nói thêm.

- Vâng! - Tôi nói, - Có thể là như vậy.

- Hay đeo cái túi rộng thùng thình... hơi cộc cằn và không dễ tính lắm với mọi người phải không?

Tôi mừng quýnh vì các đặc điểm như thế là chính xác.

- Này! Cậu cứ đi lên phía kia kia, - ông ta lấy roi chỉ về phía vách đá bờ biển, - cứ đi thẳng về phía trước đến dãy nhà nhìn ra biển, nhất định là cậu tìm được bà ta. Theo tôi thì bà ta cũng chẳng giúp cho cậu nhiều nhận gì đâu. Này cậu cầm tạm lấy một xu.

Tôi nhận quà tặng với lòng biết ơn, mua một mẫu bánh, vừa đi vừa ăn theo đường vừa được chỉ dẫn.

Gần đến dãy nhà, tôi vào một quán hàng để hỏi địa chỉ cô Trotwood. Ở đó có người tớ gái của cô tôi. Chị ta bảo tôi đi theo và chẳng mấy chốc đã đến một ngôi nhà xinh đẹp có ban công với một khoảnh vườn cảnh đầy hoa được trồng tỉa rất cẩn thận, tỏa một mùi thơm quý hiếm.

- Đây là nhà cô Trotwood, - Chị đây tớ nói với tôi. - Bây giờ cậu biết rồi, thế là xong nhé.

Nói đoạn, chị vội vã vào nhà. Còn trơ lại mình tôi đứng tựa vào hàng rào vườn, buồn bã nhìn lên, phía cửa sổ phòng khách. Chỉ nhắc thấy một tấm rèm the mở hé, một tấm màn xanh treo cố định ở cửa kính, một chiếc bàn nhỏ và một bộ ghế bành lớn.

Không có gì động đậy tại cửa sổ phòng khách, tôi nghĩ là cô tôi không có nhà. Tôi bèn ngược nhìn cửa kính tầng trên và nom thấy một người đàn ông vẻ mặt dễ ưa. Ông ta có nước da sáng và mái tóc hoa râm. Ông nheo mắt với vẻ lộ bịch và có đến hai, ba lần ông ra cho tôi những dấu hiệu trái ngược nhau, lúc gật đầu, lúc lắc đầu, cuối cùng ông cất tiếng cười và bỏ đi.

Tôi sắp bỏ đi thì một bà từ trong nhà bước ra, chiếc khăn tay thắt trên mũ trùm. Bà ta mang găng tay làm vườn, đeo tạp dề với chiếc túi to và một con dao to. Tôi đoán ngay rằng đó là cô Betsy vì bà ra khỏi nhà với bước đi oai vệ, như người mẹ tội nghiệp của tôi hay kể về bà đi trong vườn nhà chúng tôi ở Blunderstone.

- Đi đi! - Cô Betsy lắc đầu vừa dứt dứt con dao từ xa vừa nói. - Cút đi! Con trai không được vào đây!

Tôi run run nhìn theo bà với những bước đi nhà binh đến góc vườn để đánh gốc một cây nhỏ.

Lúc ấy, không có chút hy vọng gì, nhưng với lòng can đảm của nỗi tuyệt vọng, tôi khe khẽ đi đến gần bà và lấy ngón tay đung vào bà.

- Thưa bà, xin bà vui lòng. - Tôi bắt đầu.

Bà giật mình và ngược mắt nhìn lên.

- Bà trẻ của cháu, xin bà vui lòng...

- Ôi! Lạy chúa tôi! - Cô tôi thốt lên, và bà ngồi bệt xuống đất, giữa lối đi.

- Cháu là David Copperfield từ Blunderstone, quận Suffolk, cô đã đến thăm mẹ cháu vào đêm mẹ cháu sinh ra cháu. Từ khi mẹ cháu mất, cháu khôn khổ quá. Người ta không quan tâm đến cháu, không cho cháu đi học, người ta bỏ rơi cháu để mặc cháu tự kiếm sống và giao cho cháu một công việc không hợp với cháu. Cháu đã trốn đi để tìm bà. Cháu đã bị mất cấp hết và cháu phải đi bộ suốt dọc đường, không được ngủ trọ từ hôm cháu ra đi đến giờ.

Đến đây, bỗng tôi không còn chút can đảm nào nữa, tôi giơ tay lên chỉ cho bà cô tôi thấy quần áo rách tươm cùng những nỗi đau đớn tôi đã phải chịu đựng, tôi òa lên khóc trút tất cả nước mắt chứa chất trong lòng từ suốt tám ngày nay.

Bà cô tôi vội vã đứng lên, nắm lấy cổ áo tôi và dẫn vào phòng khách. Việc đầu tiên là bà mở chiếc tủ lớn, mang ra nhiều chai lọ, đổ cho tôi uống. Khi đã cho tôi uống xong những thứ thuốc đó, bà đặt tôi nằm trên ghế tràng kỷ với tấm khăn choàng kê dưới đầu tôi.

Một phút sau, bà bấm chuông. Chị đầy tớ tới, bà nói :

- Jeannette, lên trên nhà cho tôi gửi lời thăm ông Dick và nói rằng tôi có chuyện muốn nói với ông.

Jeannette tỏ vẻ ngạc nhiên khi thấy tôi nằm dài như tượng trên ghế tràng kỷ, nhưng cô ta tuân lệnh bà. Cô tôi tay chấp sau lưng đi đi lại lại trong phòng, cho đến lúc cái ông làm điệu bộ nhăn mặt với tôi ở cửa sổ tầng trên vừa cười vừa bước vào.

- Ông Dick, - cô tôi nói, - đừng làm trò ngớ ngẩn nhé, vì chẳng ai biết lẽ phải trái hơn ông. Tất cả chúng ta đều biết như thế; vậy xin ông đừng làm trò ngớ ngẩn.

Lập tức ông ta giữ thái độ nghiêm trang, và nhìn tôi với cái vẻ mà tôi hiểu là cầu mong tôi đừng nói chuyện xảy ra ở cửa sổ.

- Ông Dick - cô tôi nói tiếp - ông đã nghe tôi nói đến David Copperfield rồi chứ? Đừng vờ làm như kém trí nhớ, bởi vì tôi cũng thừa biết trí nhớ ông ra sao rồi.

- David Copperfield? - ông Dick nhắc lại, tôi thấy ông có vẻ không nhớ lắm. - David! À phải rồi! Hẳn là David, đúng vậy.

- Bây giờ, - cô tôi nói tiếp, - đây là con trai của David, nó đang nằm trên ghế tràng kỷ. Đây, tôi muốn hỏi ông: Bây giờ tôi phải làm gì cho nó?

- Bà phải làm gì cho nó ư? - ông Dick vừa gãi trán vừa nói với giọng không mấy nhiệt tình, - Phải làm gì cho nó?

- Phải, - cô tôi nói, vừa nghiêm trang nhìn ông vừa đưa ngón tay lên. - Tôi cần một lời khuyên chắc chắn.

- Này! Nếu tôi ở địa vị bà... - ông Dick nói, vừa ngẫm nghĩ vừa ném cho tôi một cái nhìn mơ hồ, - tôi...

Cái nhìn chớp nhoáng ấy dường như cung cấp cho ông ta một gợi ý đột ngột, và ông nói tiếp ngay :

- Tôi tắm rửa cho nó!

- Jeannette, - Cô tôi gọi trong lúc quay lại với nụ cười đắc thắng mà tôi chưa hiểu chuyện gì, - Ông Dick bao giờ cũng đúng. Chị hãy đun nóng nước tắm đi!

Tắm gội khiến tôi tỉnh cả người. Tôi bắt đầu cảm thấy chân tay đau như sau những đêm ngủ ngoài trời. Tôi mệt mỏi, đuối sức đến nỗi không tỉnh táo nổi năm phút. Tắm xong, cô tôi và Jeannette mặc cho tôi quần áo của ông Dick và bọc tôi vào hai, ba tấm khăn choàng. Nom tôi hẳn phải giống như một gói hàng kỳ quặc. Tôi cảm thấy mệt và lại nằm dài trên ghế tràng kỷ, ngủ thiếp đi ngay.

Tôi được ăn bữa tối ngay sau khi thức dậy.

Khăn trải bàn được dọn đi, rượu vang Xêret được bày ra và cô tôi rót cho tôi một cốc, rồi bà cho mời ông Dick, ông ta đến ngay. Ông tỏ vẻ trịnh trọng khi bà yêu cầu ông chú ý nghe câu chuyện của tôi. Rồi bà bảo tôi kể tuần tự bằng cách trả lời một loạt câu hỏi. Chẳng nào câu chuyện của tôi còn kể chưa xong, bà chăm chăm nhìn ông Dick nếu không thì ông ta sẽ ngủ mất, và khi ông định mỉm cười, cô tôi cau mày nhắc nhở.

Trời tối, Jeannette mang nệm ra, kéo rèm và đặt bàn cờ lên bàn.

- Bây giờ, ông Dick này, - Cô tôi vừa nói vừa nghiêm trang nhìn ông, - Xin hỏi thêm ông một câu. Ông hãy nhìn cậu bé này.

- Nhìn cậu con trai của David ư? - ông Dick nói vẻ bối rối.

- Đúng, - cô tôi nói. - Bây giờ ông bảo phải làm gì cho nó nữa?

- Làm gì cho con trai của David à?

- Phải, - cô tôi đáp, - cho con trai của David.

- Ô! - ông Dick nói, - tôi sẽ... tôi sẽ đưa nó vào giường.

- Jeannette, - cô tôi kêu lên với vẻ hài lòng đắc thắng, mà tôi đã để ý thấy khi này, - ông Dick nói đúng. Nếu giường đã dọn xong, chúng ta cho cậu bé này đi ngủ.

Jeannette thưa giường đã sẵn sàng, và người ta dìu tôi lên như một tên tù nhân giữa những người cảnh sát, cô tôi dẫn đầu và Jeannette hậu vệ.

Chẳng bao lâu, tôi chìm vào giấc ngủ rất say..

CHƯƠNG 4

Ở CANTERBURY

Sáng hôm sau, lúc xuống dưới nhà, tôi thấy bà cô tôi ngồi dăm chiêu bên bàn điểm tâm, đèn nổi nước trong ấm trà tràn đầy và sắp trào ra khăn trải bàn, tôi bước vào làm bà cô tôi ra khỏi cơn suy nghĩ miên man.

- Bà viết thư cho hấn. - Bà cô tôi nói.

- Cho...?

- Cho bố dưỡng cháu. Bà đã gửi cho ông ta một bức thư mà ông ta buộc phải quan tâm.

- Ông ta có biết cháu ở đâu không, thưa bà?

Tôi hoảng hốt hỏi.

- Bà đã cho ông ta biết. - Bà cô tôi nói.

- Thế thì bà... bà lại giao cháu vào tay ông ta ư? - Tôi ấp úng hỏi.

- Bà không biết, - bà cô tôi đáp, - cứ để xem sao.

- Ôi! Cháu sẽ ra sao nếu cháu phải quay về nhà ông Murdstone? - Tôi kêu lên.

- Làm sao mà biết được, - bà cô tôi lắc đầu nói. - Bà không thể nói trước được. Cứ để xem sao.

Trong ngày hôm đó vào một lúc khác bà hỏi tôi nghĩ gì về ông Dick.

Tôi tránh đi bằng cách trả lời rằng tôi thấy ông ấy đáng mến; nhưng bà cô tôi không bao giờ để mình bị lạc hướng. Bà đặt đồ khâu lên đầu gối, chấp hai tay lại nói với tôi :

- Người ta cứ cho rằng ông ấy điên. Và chính những người rất biết phải trái lại bạo gan nói là ông ấy điên. Ông Dick có họ xa với bà, bà không cần giải thích dài dòng với cháu. Nếu bà không có ở đó thì người anh ruột của ông ấy đã nhốt ông lại suốt đời, với lý do rằng ông ta khùng khùng.

Nhưng bà can thiệp và đề nghị với người anh ông ấy : "Em ông còn biết phải trái hơn ông. Hãy trợ cấp cho ông ấy một khoản tiền nhỏ và để ông ấy về ở với tôi. Tôi không sợ ông ấy, tôi sẵn sàng trông nom săn sóc ông ấy và tôi sẽ không ngược đãi như người ta đối xử ở các nhà thương điên".

Sau một loạt những trở ngại, cuối cùng bà thắng lợi và từ đó, ông ở đây. Đó là con người hòa nhã nhất và dịu dàng nhất đời, còn về những lời khuyên... Nhưng chẳng có ai hiểu trí tuệ của con người này, ngoài cô ra..Lòng hào hiệp của bà cô tôi khi bệnh vực ông Dick tội nghiệp đã nhen lên trong lòng tôi một niềm hy vọng thầm kín về số phận của bản thân mình.

Một hôm có thư trả lời báo tin ông Murdstone sẽ tới vào hôm sau.

Ông ta đến vào buổi chiều cùng với bà chị ông ta. Họ được mời vào phòng khách và bà cô tôi cho mời ông Dick.

Bà cô tôi gay gắt trách ông Murdstone đã ít quan tâm đến việc giáo dục tôi. Bà lên án ông ta đã bắt tôi làm việc trong những điều kiện tồi tệ.

- Vợ ông, thưa ngài, - bà cô tôi còn nói, - là một đứa trẻ bất hạnh, không am hiểu sự đời. Ông có nói gì thêm nữa không?

- Chị tôi và tôi đã cố sức dạy dỗ đứa trẻ mất dạy này. Tôi sẵn sàng nhận lại David không điều kiện, để làm cho nó những gì mà tôi cho là tốt. Tôi không đến đây để hứa suông, cũng không cam kết với bất cứ người nào. Nếu bà cứng chiều nó lần này thì sẽ không có cách nào cứu vãn. Đây là lần đầu tiên và là lần cuối cùng tôi sẵn sàng mang nó về, liệu nó có sẵn sàng theo tôi hay không? Nếu nó không chịu theo, nếu bà nói là nó không chịu theo, dù với

bất kỳ lý do nào, tôi sẽ vĩnh viễn không bao giờ nhận nó nữa và tôi coi như bà đón nhận nó.

Bà cô tôi hết sức chú ý nghe bài diễn văn ấy, trong khi chưa bao giờ bà ngồi thẳng người lên như thế, tay bắt chéo trên đầu gối, và mắt trừng trừng nhìn ông Murdstone.

- Còn đứa trẻ, nó sẽ nói gì đây? - Cô tôi lại nói. - David, cháu có sẵn sàng ra đi không?

Tôi trả lời là không và tôi van xin bà đừng để tôi bị dẫn đi. Tôi nói rằng ông ta và cô Murdstone chưa bao giờ yêu mến tôi và họ đã làm cho mẹ tôi khôn khổ.

- Thưa ông Dick, - cô tôi nói, - Tôi phải làm gì với cháu bé này?

Ông Dick ngẫm nghĩ, ngập ngừng, rồi hờn hờ đáp :

- Cho cháu đi may đo ngay một bộ com lê.

- Thưa ông Dick, - cô tôi nói, - xin bắt tay ông, ông có một tấm lòng vô giá.

Rồi quay về phía ông Murdstone, bà nói:

- Ông có thể về được rồi, thưa ông, tôi giữ lại cháu bé này.

Ông Murdstone và chị ông ta cúi kính ra về.

Khi họ đi khỏi, nét mặt cô tôi dịu đi một chút, tôi đánh bạo cảm ơn bà và ôm hôn bà. Liên sau đó tôi chìa tay cho ông Dick, ông cười lớn rồi lặp lại nhiều lần cái nghi lễ đó.

- Ông Dick ạ, ông cứ coi như ông có nửa phần và tôi nửa phần, làm người đỡ đầu cho đứa trẻ này. - Cô tôi nói.

- Tôi rất mừng, - ông Dick đáp, - được là người đỡ đầu con trai của David.

Từ đó trở đi, tên tôi được gọi là Trotwood Copperfield.

Ông Dick và tôi, chẳng bao lâu chúng tôi trở thành những người bạn tốt của nhau và chúng tôi hay cùng nhau ra ngoài thả một con diều lớn do ông làm. Những tiến bộ tôi giành được trong tình bạn và mối thân tình với ông Dick không ảnh hưởng chút nào

đến những tiến bộ tôi giành được trong tình cảm nơi bà bạn trung thành của ông, bà cô tôi. Bà khá yêu thương tôi sau vài tuần lễ, cho nên đã gọi tắt tên tôi từ Trotwood thành Trot. Bà hầu như tha thứ cho tôi việc tôi không phải là con gái.

- Cháu có thích đi trọ học ở Canterbury không? - Một buổi tối bà hỏi tôi.

Tôi trả lời rằng tôi thích, càng thích hơn nữa vì Canterbury ở gần nhà bà.

- Tốt, ngày mai chúng ta sẽ đi Canterbury. - Với bản tính mau lẹ vốn có của bà, bà quyết định ngay.

Sáng hôm sau cô tôi tự đánh chiếc xe do con ngựa xám kéo. Chúng tôi đến một ngôi nhà cổ, nhô ra trên đường phố.

Xe dừng ngoài cổng, đang ngắm ngôi nhà, tôi chợt thấy một khuôn mặt như của xác chết lộ ra ở khuôn cửa sổ bé tẹo của chiếc tháp nhỏ rồi biến mất. Vừa lúc cánh cửa vòm cung mở ra, tôi lại thấy khuôn mặt ấy. Nó vẫn tái nhợt như lúc ở cửa sổ, mặc dầu nước da có khởi sắc đôi chút do những chấm tàn nhang. Anh chàng tóc hoe này, quăng mười lăm tuổi. Cặp mắt hấn màu đỏ quạch trụi hết lông mày, lông mi khiến tôi tự nhủ mắt trần trụi như thế thì ngủ làm sao được. Hấn có đôi vai so, người xương xẩu, góc cạnh, cách phục sức chĩnh tề, vận đồ đen lộ ra đoạn cà vạt trắng.

- Ông Wickfield có nhà không, Uriah Heep? - Cô tôi nói.

- Ông Wickfield có nhà, nếu như bà chịu khó vào - Vừa nói hấn vừa đưa bàn tay gầy guộc chỉ căn phòng.

Tôi được biết ông Wickfield quản lý công việc kinh doanh của cô tôi.

- Kìa, cô Trotwood! - ông Wickfield nói, - ngọn gió nào đưa cô đến đây?

- Tôi đến về chuyện đưa cháu tôi.

- Tôi không biết cô có cậu cháu trai nào đấy - ông Wickfield nói.

- Tôi sẽ giải thích với ông. Tôi đang tìm một ký túc xá cho cháu theo học. Ông có biết chỗ nào phù hợp không? - Cô tôi hỏi.

Ông Wickfield cho biết có một nơi hơn hẳn những nơi khác, nhưng tôi phải ở ngoại trú thì họ mới nhận. Ông Wickfield đề nghị tôi ở lại nhà ông.

Cô tôi vui lòng chấp nhận với điều kiện ông Wickfield nhận khoản tiền trợ của tôi.

- Bây giờ chúng ta đã thỏa thuận xong, - ông Wickfield nói, - mời cô vào chơi với cô bé nội trợ của tôi.

Leo lên thang gác, chúng tôi vào một phòng khách cũ kỹ hơi tối. Một cô gái xấp xỉ tuổi tôi xuất hiện và ôm hôn ông Wickfield. Cô có vẻ vui tươi và hạnh phúc, mặc dầu vậy nét mặt và cung cách của cô vẫn mang một vẻ thanh thản của tâm hồn bình lặng mà không bao giờ tôi quên được.

- Đây là, - ông Wickfield nói với chúng tôi, - cô bé nội trợ của tôi, con gái Agnès của tôi.

Nghe giọng ông nói những lời ấy, nhìn thấy cái cách ông nắm bàn tay cô, tôi hiểu rằng cô là mục đích duy nhất của đời ông.

- Trot, - cô tôi nói với tôi lúc chia tay, - cháu hãy xứng đáng với bản thân, xứng đáng với bà và với ông Dick, cầu chúa ban phúc lành cho cháu.

Tôi rất xúc động.

- Đừng làm điều gì thấp hèn, đừng bao giờ dối trá, và không bao giờ độc ác. Hãy tránh ba thói xấu ấy, Trot, - Cô tôi nói tiếp, - và lúc nào bà cũng đặt những hy vọng tốt đẹp vào cháu.

Tôi chân thành hứa không bao giờ phụ lòng tốt của bà và không bao giờ quên những lời dặn của bà.

Sáng hôm sau, ăn sáng xong, cuộc đời trợ học lại mở ra trước mặt tôi. Ông Wickfield dẫn tôi đến địa điểm xin nhập học: đó là một tòa nhà trang trọng, chạy dài theo một cái sân rộng, toát lên không khí học hành, hài hòa với đám quạ đen quạ khoang sà từ tháp nhà thờ xuống để dạo những bước đi đỉnh đạc trên bãi cỏ.

Người ta đưa tôi ra mắt thầy học của tôi, tiến sĩ Strong. Tôi thấy ông cũng cũ kỹ như tấm rào sắt lớn ở nhà ông và cũng gần đồ sộ bằng những chiếc bình đá lớn đặt trên các cột hành lang. Quần áo đầu tóc ông được chải sơ sài, qua quít. Ông nói rất hài lòng được gặp tôi.

Bên cạnh tiến sĩ Strong có một thiếu phụ rất xinh đẹp làm việc. Chị tên là Annie, tôi đồ chừng đó là con gái ông. Nhưng không! Đó là vợ ông. Phòng học rộng rãi, trong một góc yên tĩnh của ngôi nhà. Có khoảng gần hai mươi lăm học trò đang học tập lúc chúng tôi tới. Tất cả đứng lên chào ông tiến sĩ và cứ đứng im như thế trước sự có mặt của ông Wickfield và tôi.

- Giới thiệu với các em, - tiến sĩ nói, - đây là một học trò mới: Trotwood Copperfield.

Anh Adams làm lớp trưởng, rời chỗ đến chúc mừng tôi mới tới. Điều đó làm cho tôi phấn khởi.

Nhưng tôi nhận thấy ngay tôi đi học chậm và tôi được xếp vào lớp dưới cùng của ký túc xá.

Buổi tối, tôi vui thích được trở lại nhà ông Wickfield. Một tối, Agnès chờ cha cô trong phòng khách.

- Chưa bao giờ cô ở ký túc xá có phải không? - Tôi hỏi cô.

- Hoàn toàn ngược lại, - cô đáp, - ngày nào em chẳng tới đó.

- Ô! Đấy là cô muốn nói ở đây, tại nhà cô?

- Bố, không thể không có em, - cô mỉm cười nói. - ông cần phải giữ em ở nhà.

- Hẳn là bố yêu cô lắm.

- Đúng vậy! Mẹ chết từ lúc đẻ em ra. - Cô nói tiếp với vẻ dịu dàng và bình lặng.

Buổi tối rất dễ chịu. Lúc đi ngủ tôi để ý thấy có ánh đèn trong căn phòng nhỏ hình tròn. Đó là Uriah Heep đang chăm chú đọc một cuốn sách lớn.

Tôi cảm thấy bị Uriah Heep lôi cuốn, tôi như bị anh mê hoặc.

- Tôi nay anh làm việc khuya thế Uriah. - Tôi nói với anh ta.

- Vâng, thưa anh Copperfield.

Anh cho tôi biết không phải anh làm việc cho văn phòng của ông Wickfield, mà là anh học luật.

- Hẳn anh là một nhà luật học lớn? - Tôi nói sau khi im lặng quan sát anh ta một lát.

- Ô không! Hoàn cảnh của tôi rất tầm thường.

Mẹ tôi và tôi sinh sống tại một ngôi nhà khiêm nhường. Cha tôi vốn là phu đào huyệt, bây giờ ông mất rồi.

Tôi hỏi Uriah Heep ở đây bao lâu rồi.

- Thấm thoát đã bốn năm, anh Copperfield ạ, - vừa nói anh vừa gấp sách sau khi đã cẩn thận đánh dấu trang đang đọc. - Nhờ có lòng tốt của ông Wickfield. Tôi được đến đây sau khi bố tôi mất một năm. Tôi mang ơn ông Wickfield biết chừng nào, vì riêng khoản học phí cũng đã vượt quá số thu nhập ít ỏi của mẹ tôi và của tôi rồi.

- Biết đâu chẳng có ngày anh sẽ trở thành người cộng tác với ông Wickfield cũng nên, - Tôi nói cho anh ta vui lòng..Uriah phản đối nói rằng chính tôi sẽ có ngày trở thành người cộng sự của ông Wickfield.

Sau vài phút, anh đứng dậy và mời tôi hôm nào đến chỗ ở xoàng xĩnh của anh uống trà. Tôi vui vẻ nhận lời.

Ở ký túc tôi bắt đầu giải quyết công việc tốt hơn. Sau nửa tháng tôi hoàn toàn làm quen với các bạn mới và rất sung sướng sống giữa bạn bè.

Ký túc xá của tiến sĩ Strong thật tuyệt vời,so với chỗ ông Creakle thì khác xa một trời một vực.

Chúng tôi dốc toàn tâm toàn ý vào việc học để làm sáng danh cho tiến sĩ. Về phần ông, công việc biên soạn bộ từ điển các từ nguyên tiếng Hy Lạp đã thu hút ông.

Tôi hay gặp bà Strong, bà tỏ ra có thiện cảm với tôi và bà luôn quan tâm đến tôi với tấm lòng nhân hậu. Bà cũng rất quý Agnès và đến thăm cô ấy luôn.

Tôi trao đổi thư từ thường xuyên với chị Peg-gotty.

Tôi bày tỏ với chị nỗi sung sướng về cuộc sống mới của tôi và những ân đức của bà cô tôi.

Chị Peggotty hãy còn sợ bà cô tôi và khó tin được thái độ thay đổi của bà đối với tôi. Có lẽ chị cho rằng, chẳng bao lâu nữa tôi lại bỏ trốn vì chị vẫn cho tôi tiền lệ phí cần thiết để tìm gặp lại chị ở Yarmouth.

Chị cho tôi biết một sự kiện làm tôi rất xúc động. Người ta đã bán đồ đạc tại ngôi nhà xưa của chúng tôi. Ông và cô Murdstone đã bỏ đi. Tôi nghĩ tới ngôi nhà tội nghiệp bị bỏ hoang mà lòng nặng trĩu buồn phiền. Ông Peggotty khỏe mạnh, Cham cũng khỏe. Bà Gummidge chỉ tầm tạm khỏe, còn Emilie không muốn trực tiếp gửi cho tôi lời thân ái, nhưng cô bé đã nhờ chị Peggotty vui lòng chuyển giúp cô những tình cảm ấy.

Hồi mới tới Canterbury, nhiều lần bà cô tôi đến thăm tôi và bao giờ bà cũng nhằm vào những thời điểm tôi không ngờ tới. Tôi đoán là bà xem có bắt được tôi sai phạm gì không. Nhưng vì lúc nào bà cũng thấy tôi bận học và chỉ thấy mọi người nói tốt về tôi, nên chẳng bao lâu bà từ bỏ những cuộc đến thăm bất chợt đó. Hàng tháng cứ ngày thứ bảy là tôi về Douvres thăm bà và ở lại đó ngày chủ nhật. Cứ nửa tháng ông Dick đến thăm tôi vào trưa ngày thứ tư và chỉ quay về vào sáng hôm sau.

Những ngày thứ tư ấy là những ngày hạnh phúc nhất đời của ông Dick và cuộc đời tôi cũng hạnh phúc không kém. Ông làm quen với tất cả các bạn tôi. Mọi người yêu quý ông và không ai bì kịp sự khéo tay của ông trong những trò vật vãnh. Ông biết cắt quả cam một trăm cách khác nhau; ông làm ra những con tàu từ những vật liệu kỳ quặc nhất; ông biết chế quân cờ từ những chiếc xương sườn, làm bánh xe với những lõi quán chỉ, và lồng chim bằng những mẫu dây thép cũ.

Tiến sĩ Strong bắt đầu làm quen với ông Dick và thường đi dạo hoặc đọc cho ông Dick nghe những đoạn trong cuốn từ điển nổi tiếng, và bà Strong đón tiếp ông Dick với lòng nhân hậu vốn có của bà. Agnès đã trở thành một trong số những cô bạn gái quý mến của ông và vì ông đến nhà cô luôn nên rốt cuộc cũng quen Uriah.

Một buổi sáng thứ năm, lúc tôi tiễn ông Dick từ khách sạn ông trọ đến bến xe, tôi gặp Uriah Heep đi ngoài phố. Hắn nhắc lại lời tôi hứa đến nhà mẹ hắn uống trà. Tôi bảo hắn là tôi sẽ nói với ông Wickfield.

Được ông Wickfield cho phép, ngay tối hôm đó tôi theo Uriah Heep về "tê xá" của hắn.

Người con trai và bà mẹ thì nhau khen ngợi tôi đến mức tôi đỏ mặt và cảm thấy xấu hổ. Nếu tôi ít ngây thơ và ít khờ khạo hơn thì tôi đã biết ngay rằng tất cả những sự nhún nhường và những lời khen đó chẳng qua cũng chỉ để moi ở tôi mọi điều họ muốn biết. Vậy là tôi nói rất nhiều về tôi, về ông Wickfield và về Agnès.

Tôi bắt đầu cảm thấy không thoải mái và muốn ra về thì một người đi ngoài đường, ngay trước cửa đang để ngỏ cho thoáng khí căn phòng tầng trệt quay trở lại, sững nhìn, bước vào và kêu lên :

- Có phải cậu Copperfield đấy không?

Đó là ông Micawber với kính cặp mũi, cái cổ còn áo sơ mi, vẻ lịch sự và giọng nói ân cần của ông ta!

- Cậu Copperfield thân mến, - ông Micawber nói trong khi bắt tay tôi. - Quả là kỳ ngộ! Tôi đi dạo ngoài phố, đang nghĩ đến khả năng gặp vận may thì gặp ngay được cậu, người bạn trẻ rất thân mến của tôi. Copperfield, cậu có khỏe không?

Tôi thẳng thắn thú nhận rằng, tuy tôi vui mừng gặp lại ông Micawber, song tôi muốn ông thấy tôi đang ở bên những người khác. Tuy vậy tôi sẵn sàng bắt tay và giới thiệu ông với Uriah Heep theo yêu cầu của ông.

Ông Micawber dẫn tôi ra quán, ở đó tôi gặp lại bà Micawber. Lúc chồng bà xuống tiệm cà phê đọc báo, bà cho tôi biết ông không được họ hàng gia đình bên bà ở Plymouth tiếp đón niềm nở.

Ông cũng không thành công trong việc buôn than mặc dù cũng có nhiều khả năng. Vì vậy lúc nào ông Micawber cũng đi tìm kiếm vận may.

Sau đó vài ngày, ngó qua cửa sổ, tôi hơi sững sốt và lo ngại thấy ông Micawber và Uriah Heep khoác tay nhau đi ngang qua. Nhưng tôi còn ngạc nhiên hơn khi tới khách sạn nhỏ nơi gia đình Micawber mời tôi ăn tối thì được biết rằng ông Micawber đã tới uống rượu mạnh pha chanh tại nhà Uriah.

Ông Micawber cực kỳ vui vẻ. Tôi hiếm khi thấy ông ta trong tâm trạng hồ hởi như thế. Ông uống nhiều punch đến độ mặt ông đỏ bừng bừng.

Giọng tươi vui tình cảm ông đề nghị uống chúc cho sức khỏe của thành phố Canterbury, ông tuyên bố rằng ở đây cả hai ông bà cảm thấy rất sung sướng và ông sẽ không bao giờ quên những giờ phút thoải mái đã sống tại đây.

Niềm vui của ông Micawber cứ tăng lên mãi cho đến phút cuối cùng của cuộc viếng thăm của tôi. Do vậy tôi thật không ngờ lại nhận được một lá thư tuyệt vọng của ông vào bảy giờ sáng hôm sau, thư đề lúc chín giờ rưỡi tối hôm trước, sau lúc chúng tôi chia tay mười lăm phút. Ông Micawber không có tiền trả khách sạn và phải làm giấy khát nợ. Ông Micawber viết : "Khi nào họ chìa giấy khát nợ ra, nó cũng sẽ không được thanh toán. Tôi đã sạt nghiệp đến kiệt cùng". Và ông ký tên : "Một kẻ bất hạnh bị bỏ rơi".

Tôi rất bối rối vì nội dung bức thư đau lòng ấy và tôi chạy ngay đến khách sạn để an ủi và khuyên giải ông Micawber. Nhưng đi được nửa đường, tôi gặp chiếc xe ngựa chở khách từ Luân Đôn. Cả ông và bà Micawber ngồi trên xe. Nom ông Micawber có vẻ hoàn toàn bình thản, hạnh phúc và đang mỉm cười nghe bà vợ nói. Họ không thấy tôi và tôi cho rằng đừng để họ nhìn thấy tôi thì hơn. Như trút được gánh nặng, tôi rẽ vào một phố nhỏ dẫn thẳng về ký túc xá và suy cho cùng, tôi cảm thấy khá hài lòng về việc họ ra đi, tuy nhiên điều này không ngăn trở tôi lúc nào cũng giành tình cảm thân ái đối với họ.

CHƯƠNG 5

CON GÁI ÔNG SPENLOW

Tôi không biết là tôi buồn bã hay hài lòng khi sắp đến lúc phải chia tay tiến sĩ Strong và kết thúc việc học tập của tôi. Tôi thật sung sướng ở nhà ông, và tôi thực sự gắn bó với ông, nhưng mặt khác, tôi muốn trở thành một thanh niên tự do hoạt động.

Cô tôi thường bàn bạc với tôi về tương lai của tôi và bảo tôi đi du lịch ít ngày rồi hãy hay. Trước tiên tôi đến Canterbury chào từ biệt Agnès và ông Wickfield, cùng ngài tiến sĩ Strong tốt bụng. Rồi tôi đi Luân Đôn tìm gặp lại Steerforth bạn cũ của tôi nay đã trở thành sinh viên ở Oxford.

Anh đi cùng tôi đến Yarmouth nơi tôi lưu lại ít ngày tại nhà chị Peggotty chung thủy của tôi.

Sau đó tôi gặp lại cô tôi. Giá như tôi có được đi vòng quanh thế giới thì cũng không thể thỏa lòng hơn là ngày chúng tôi hội ngộ. Cô tôi khóc hết nước mắt trong lúc ôm hôn tôi.

- Này! Trot, - lát sau bà nói, - cháu đã nghĩ đến đề nghị của bà về việc cháu làm biện lý chưa? Hay là cháu chưa nghĩ tới?

- Cháu đã nghĩ nhiều đến việc ấy, bà thân yêu của cháu ạ. Cháu đã trao đổi nhiều lần với Steerforth. Cháu thích việc ấy không sao kể xiết.

- Vậy thì bà rất vui, - cô tôi nói.

- Cháu chỉ thấy một trở ngại, thưa bà.

- Trở ngại gì, Trot?

- Nghiệp đoàn ấy, theo cháu gồm rất ít thành viên, liệu điều kiện nhận vào có quá khắt khe không?

- Việc này trọn gói tốn tới một ngàn bảng. - Cô tôi nói.

- Vậy, thưa bà thân mến, - vừa nói tôi vừa lại gần bà, - chính đó là điều cháu băn khoăn. Đó là một khoản tiền rất lớn và bà đã chi tiêu nhiều cho việc ăn học của cháu rồi.

- Trot, cháu yêu quý của bà, cái đích của đời bà chính là gây dựng cho cháu nên người có đạo đức, biết lẽ phải và sung sướng. Đó là tất cả nguyện ước của bà, và ông Dick cũng đồng ý như vậy.

Bà ngừng một lát để nắm lấy bàn tay tôi, rồi nói tiếp :

- Từ khi cháu về nhà này, cháu đã làm vinh dự cho bà. Cháu đã là lý do để bà kiêu hãnh và hài lòng, không ai có quyền hơn cháu về tài sản của bà và cháu là con nuôi của bà. Bà chỉ yêu cầu cháu hãy là một đứa con giàu yêu thương đối với bà, hãy chịu đựng những ý ngông và tính khí thất thường của bà. Vậy là chúng ta đã đồng ý và thỏa thuận như thế. Trot, thôi đừng nói về chuyện ấy nữa. Hãy ôm hôn bà đi và ngày mai, sau khi ăn sáng, chúng ta đến Pháp viện.

Hôm sau chúng tôi làm cuộc hành trình đi Luân Đôn.

Qua chiếc cửa vòm hơi thấp là vào đến Pháp viện. Qua những chiếc sân tối và buồn, những lối đi hẹp dẫn chúng tôi đến thẳng văn phòng được hắt ánh sáng từ trên xuống của các ông Spenlow và Jorkins. Trong tiền sảnh, hai ba viên thư ký bận viết sổ sách giấy tờ. Người đàn ông gầy gò có bộ tóc giả màu nâu nom như chiếc bánh mật ngồi một mình trong góc, đứng dậy tiếp bà cô tôi và đưa chúng tôi vào văn phòng ông Spenlow.

Ông Spenlow là một người đàn ông tóc vàng đi đôi bốt không chê vào đâu được, thắt cà vạt trắng và áo sơ mi cổ cồng cứng đờ. Ông đeo dây đồng hồ to bằng vàng.

Bà cô tôi giới thiệu tôi với ông Spenlow, ông tiếp tôi rất lịch sự. Rồi ông nói:

- Vậy là ông Copperfield có ý định theo nghề của chúng tôi. Hôm trước được gặp cô Trotwood, tôi đã tình cờ nói rằng tại văn phòng tôi còn trống một chỗ. Cô Trotwood đã cho tôi biết bà có một

cháu trai bà nhận làm con nuôi và bà đang tìm cho cậu ta một địa vị tốt.

Tôi cúi chào tỏ lòng biết ơn.

- Và tiền bảo hiểm kể cả đăng ký là một ngàn bảng, như tôi đã thưa với cô Trotwood, - ông Spen-low nói tiếp. - Tôi không quan tâm lắm đến tiền bạc. Những người cộng tác với tôi, ông Jorkins có ý kiến về việc này, và tôi buộc phải tôn trọng ý kiến của ông ta. Tóm lại, Jorkins cho rằng một ngàn bảng chẳng đáng là bao.

Tôi rất hoảng sợ khi nghĩ đến cái nhà ông Jorkins khủng khiếp ấy, nhưng sau này tôi phát hiện ra đó là một con người hiền lành, hơi trì độn và vai trò của ông ta trong nghiệp đoàn là bao giờ cũng ở phía sau, là cho người ta mượn tên để đưa ông ra như là một con người cứng rắn nhất, khe khắt nhất. Thỏa thuận là tôi làm thử một tháng.

Bà cô tôi cũng đã cắt một mẫu tin đăng trên báo để tìm thuê cho tôi một căn nhà. Căn hộ ở tầng trên ngôi nhà, gồm một phòng đợi có cửa sổ cao lắp kính, một phòng khách nhỏ và một phòng ngủ. Đồ đạc hơi cũ, nhưng tôi không khó tính, và từ cửa sổ ngôi nhà nhìn thấy con sông chảy qua.

Tôi rất thích thú. Bà cô tôi và bà Crupp chủ nhà rút vào gian bếp để thảo luận các điều kiện trong khi tôi ngồi lại trên ghế tràng kỷ tại phòng khách.

Sau một cuộc "đấu" khá lâu, hai "đấu thủ" xuất hiện và tôi vui mừng thấy rằng công việc đã xong xuôi qua nét mặt bà Crupp cũng như nét mặt cô tôi.

Sau hai ngày hai đêm, tôi có cảm tưởng như đã ở cả năm trong căn nhà này.

Một buổi sáng, lúc tôi chuẩn bị ra khỏi nhà thì nhận được tấm thiệp như sau :

"Anh Trotwood thân mến, em đang ở nhà người lo toan công việc cho ba em, ông Water-brook, tại Elyplace, Holborn. Hôm nay anh có đến thăm em được không? Em sẽ có nhà vào giờ anh hẹn đến. Em của anh, rất quý mến. Agnès."

Khoảng bốn giờ tôi tới nơi. Người ta đưa tôi vào một phòng khách nhỏ, hơi ngột ngạt, ở đó tôi thấy Agnès đang đan chiếc túi lưới.

Tôi luôn nghĩ rằng nàng là thiên thần phúc hậu của tôi, tôi đã nói điều đó với nàng và cảm thấy còn phải nói với nàng thêm nữa.

- Đúng, Agnès ạ, em là thiên thần phúc hậu của anh.

- Nếu đúng là như vậy, - nàng nói. - Em muốn anh hãy cảnh giác với vị ác thần của anh. Đó là chuyện em hết sức quan tâm.

- Agnès thân mến, có phải em định nói đến Steerforth...

- Vâng, anh Trotwood ạ, - Nàng đáp.

- Thế thì, Agnès, em đã làm to, anh sẽ tha thứ cho em khi nào em đối xử công bằng với Steerforth và yêu quý anh ấy như anh quý mến anh ta.

- Không tha thứ trước đó ư?

Tôi thoáng thấy như có một cái bóng lướt qua gương mặt nàng, nhưng nàng mỉm cười với tôi ngay và chúng tôi trở lại tin nhau như xưa.

Than ôi! Sau này tôi mới thấy Agnès đúng.

Steerforth làm đau khổ những người vô tội, cuối cùng bất hòa với mẹ mình, bỏ đi du lịch để lánh xa bà và chết trong một vụ đắm tàu.

Agnès hỏi tôi có gặp Uriah không.

- Uriah Heep ấy à? - Tôi nói, - Không, hắn ở Luân Đôn à?

- Ngày nào hắn cũng đến đây tại văn phòng ở tầng trệt. Trotwood ạ, em e rằng hắn đang chạy chọt vụ việc mờ ám nào đó.

- Vụ việc đó làm em lo ngại, Agnès, anh thấy rõ như thế. Việc gì vậy?

- Em cho là hắn sắp trở thành cộng sự của ba em.

- Ai kia? Uriah! Liệu tên khốn nạn đó có thể lọt vào vị trí tốt đẹp đến thế bằng những điều đê tiện quỷ quyệt của hắn hay không? - Tôi bất bình kêu lên. - Chặn đứng ngay lại, Agnès, nếu còn kịp.

- Ba em muốn em tin rằng đó là một việc do chính ba em lựa chọn, nhưng hôm nọ khó khăn lắm mới không giấu được em là ông bị ép buộc. Em lo quá.

- Bị ép buộc! Agnès! Ai đã ép buộc ba em?

- Uriah, - nàng đáp sau một lát lưỡng lự. - Uriah đã tìm cách để hắn trở nên vai trò cần thiết đối với ba em. Hắn đoán đúng những điểm yếu của ba em, hắn thúc đẩy thêm và lợi dụng được những nhược điểm ấy. Anh Trotwood ạ, em cho là ba em sợ hắn.

- Sợ hắn! Một tên lang sói! - Tôi kêu lên.

- Xưa nay ba em luôn yêu thương ân cần với em, - Agnès cố giấu nước mắt nói tiếp. - Em biết ba đã chịu mọi sự thiếu thốn vì em. Ôi! Nếu em có thể vực được ba em lên.

Tôi chưa thấy nàng khóc bao giờ. Tôi bối rối đến nỗi chỉ tìm ra được những lời trẻ con vớ vẩn để an ủi nàng.

Nét mặt nàng trở lại thanh thản.

- Có lẽ rồi ra chúng ta không gặp riêng nhau được lâu, - Agnès nói với tôi, - và giờ đây em đang có cơ hội, anh Trotwood ạ, em khẩn khoản yêu cầu anh hãy tỏ lòng khoan dung với Uriah. Chung quy làm vậy có lẽ chỉ là thừa nhận tư cách của hắn mà thôi, vì ta chẳng có điều gì phản đối hắn được. Dù sao anh hãy nghĩ đến ba em và đến em.

Agnès không kịp nói thêm nữa, vì cánh cửa mở ra và bà Waterbrook bước vào. Bà mời tôi đến dự bữa ăn tối hôm sau.

Hôm sau lúc tôi đến, khi mở cửa ra mặt đường phả đầy hơi đượm mùi thịt cừu khiến tôi biết là khách mời không phải chỉ riêng tôi. Tôi làm quen với ông Waterbrook và bày tỏ lòng tôn kính của tôi với bà Waterbrook.

Tôi thấy Uriah Heep mặc đồ đen giữa đám người cùng bọn. Sau khi bắt tay tôi, hắn chỉ làm mỗi một việc là lảng vảng quanh tôi và mỗi lần tôi nói với Agnès một lời, tôi lại thoáng thấy trong một xô khốe mắt lơ đờ và bộ mặt như xác chết của hắn. Những khách mời khác cho tôi cảm giác họ đã được ngâm trong nước đá, y như rượu sâm banh vậy. Do tương phản, tôi sung sướng gặp lại giữa đám người lạnh ngắt ấy gương mặt đôn hậu của người bạn cũ Tommy Traddles của tôi. Ông Wa-terbrook thấy chúng tôi quen nhau liền nói với tôi về anh chàng Tommy tội nghiệp như thể một luật gia thật tầm thường không đáng kể, sáng nay mới mời cậu ta nhằm lấp một ghế trống mà thôi.

Tôi giới thiệu Agnès với Traddles. Anh rất rụt rè nhưng đồng thời rất hòa nhã đáng mến và vẫn luôn tốt bụng như xưa. Anh ra về sớm vì sáng hôm sau anh phải đi vắng một tháng. Chúng tôi hẹn khi anh trở về sẽ gặp lại nhau.

Vài ngày sau Agnès quay về Canterbury. Tôi tiễn nàng ra xe. Uriah Heep cũng đi chuyến xe đó.

Ở cửa xe hắn như con diều hâu háu đói quanh quẩn không rời chúng tôi, nuốt lấy nuốt để mỗi lời chúng tôi trao đổi với nhau.

Sau khi Agnès ra về, tôi rất băn khoăn về tất cả những gì nàng đã thổ lộ.

Tuy nhiên ngày lại ngày, tuần lại tuần cứ trôi đi. Tôi đã làm việc hẳn tại văn phòng các ông Spen-low và Jorkins. Bà cô tôi cho tôi tám mươi bảng mỗi năm trả tiền thuê nhà và nhiều khoản chi khác cho tôi.

Nửa tháng sau khi tôi làm việc hẳn chỗ các ông Spenlow và Jorkins, tôi được ông Spenlow mời ngày thứ bảy về căn nhà thôn quê của ông ở Nor-wood.

Trên đường đi ông cho tôi biết rằng ông có một người con gái tốt nghiệp một trường nội trú tại Pháp đang ở Norwood.

Một khu vườn rất đẹp trải dài trước ngôi nhà.

Thảm cỏ duyên dáng, tôi nhắc thấy trong bóng tối những đám cây và những giàn cây hình vòm theo mùa xuân về phủ đầy hoa và cây leo.

Chúng tôi vào trong nhà và ông Spenlow nói với tôi :

- Xin giới thiệu với anh Copperfield con gái Dora của tôi và bà cô đây là người bạn tin cẩn của Dora.

- Tôi đã gặp ông Copperfield rồi. - Một giọng nói rất quen cất lên, giữa lúc tôi lí nhí chào vài tiếng.

Không phải Dora nói, không! Đó là người bạn tin cẩn, cô Murdstone!

- Cô có khỏe không, thưa cô Murdstone? - Sau khi định thần lại tôi hỏi khẽ. - Hi vọng là cô vẫn khỏe chứ?

- Rất khỏe, - Bà ta đáp.

- Còn ông Murdstone có khỏe không ạ?

- Sức khỏe em tôi khá lắm, xin cảm ơn cậu.

- Tôi rất hài lòng được thấy - ông Spenlow nói với vẻ hơi ngạc nhiên, - rằng cô Murdstone và cậu lại đã quen biết nhau.

- Cậu Copperfield và tôi là thông gia đấy, - Cô Murdstone nói giọng thản nhiên và nghiêm nghị. - Chúng tôi có quen biết nhau chút ít, ngày xưa, lúc cậu ấy còn ít tuổi. Do hoàn cảnh đưa đẩy chúng tôi xa nhau từ dạo ấy; tôi không nhận ra cậu ấy nữa.

Tôi đáp là tôi có thể nhận ra bà ở bất kỳ nơi nào, đúng là như vậy.

- Con gái Dora của tôi bất hạnh, thiếu tình mẫu tử - ông Spenlow nói tiếp, - và cô Murdstone rất vui lòng bầu bạn bảo vệ cho nó.

Tôi nhìn Dora và dường như qua cung cách hơi bướng bỉnh và khó chiều của cô, tôi thấy cô chưa hẳn đã sẵn sàng đặt niềm tin cậy vào cô Murdstone trong vai trò làm bạn và người bảo trợ.

Tôi đi vận y phục để dự bữa tối. Lúc quay xuống nhà tôi gặp cô Murdstone.

- Chúng ta chưa bao giờ đồng tình với nhau, - bà nói với tôi, - và tôi không thay đổi ý kiến của tôi đối với cậu, nhưng vì hoàn cảnh cuộc đời đẩy chúng ta gặp lại nhau, vậy không cần thiết phơi bày những điều xung đột khiến mọi người chú ý đến chúng ta.

- Cô Murdstone ạ, - tôi đáp, - tôi thấy ông Murdstone và cô, các vị đã đối xử độc ác với mẹ tôi và tôi. Tôi sẽ giữ ý kiến ấy suốt cuộc đời tôi. Nhưng tôi hoàn toàn tán thành đề nghị của cô.

Suốt buổi tối, tôi chỉ chú ý đến Dora. Lúc chia tay nàng mỉm cười và chìa bàn tay nhỏ xinh cho tôi.

Hôm sau, nàng hỏi tôi :

- Anh không quan hệ với cô Murdstone có phải không?

- Không, không có gì hết, - tôi đáp.

- Cô ấy chán lắm, - Nàng nhăn mặt nói tiếp, - Jip là một kẻ bảo vệ còn tốt hơn cô Murdstone nhiều, có phải không hả Jip.

Jip là con chó nhỏ yêu thích của nàng. Nó chỉ hờ hững nhắm mắt lại trong lúc nàng đặt một nụ hôn lên đầu nó.

Suốt cả ngày, tôi chỉ nghĩ đến Dora. Không may chúng tôi phải chịu đựng sự có mặt thương xuyên của cô Murdstone.

Sáng sớm hôm sau bọn tôi lên đường. Dora dậy sớm không kém gì bọn tôi và đã có mặt ở bàn để pha trà cho chúng tôi, và tôi đã được hưởng niềm thú vị gượng gạo đáng buồn là nhắc mũ chào nàng từ trên xe ngựa bốn bánh, trong khi nàng đứng ở ngưỡng cửa bế Jip trong tay. Từ đó trở đi tôi rất khó tính trong việc chọn cà vạt, tôi mang găng màu sáng và những đôi giày rõ thật khít vào chân.

Vài tuần sau, tôi nghĩ rằng Traddles có thể đã về và tôi quyết định đến địa chỉ anh đã dặn. Khu phố nơi anh ở có phần kém vui. Tôi đến trước ngôi nhà có một chị đầy tớ đang tranh luận với người bán sữa về một chỗ ghi sổ chưa thanh toán.

- Đây có phải là nhà ông Traddles không ạ? - Tôi hỏi.

Ở tận cùng hành lang có tiếng đáp :

- Phải.

Thế là tôi bước vào rồi leo cầu thang lên phía trên theo sự chỉ dẫn của người tớ gái. Tôi gặp Trad- dles ở chiều nghỉ. Nhà chỉ có một tầng lầu và anh thân tình mời tôi vào căn phòng ở phía trước.

Phòng khá sạch sẽ tuy đồ đạc sơ sài. Tôi thấy rằng toàn bộ nơi anh ở chỉ gồm mỗi phòng này, một chiếc tràng kỷ làm giường nằm; bàn chải và xi giấu giữa đám sách, sau cuốn tự điển, trên chiếc giá cao nhất. Bàn của anh đầy giấy tờ; anh mặc bộ áo quần cũ.

Sau khi an tọa, tôi bắt tay anh lần thứ hai và nói :

- Tôi rất mừng được gặp anh, Traddles ạ.

- Chính tôi mới mừng được gặp anh thì có.

Tôi nhận thấy ở nhà Waterbrook anh bao giờ cũng vẫn là một chàng trai tốt bụng, vì thế tôi cho anh địa chỉ nhà ở chứ không phải văn phòng làm việc của tôi.

- Anh có một văn phòng luật sư?

- Tôi có một phần tư văn phòng và hành lang, cũng như một phần tư người thư ký, - Traddles nói tiếp, - nghĩa là bốn người chúng tôi chung nhau thuê một văn phòng luật sư, một thư ký để có cái vẻ tiến hành các dịch vụ.

Trong nụ cười tiếp sau lời giải thích ấy, tôi thấy lại tính cách giản dị của anh và cái số anh thường ít gặp may mắn.

- Ông Waterbrook nói với tôi anh định theo nghề luật sư?

- Vâng, tôi học nghề luật sư. Nhưng phải trả một trăm bảng, đó là chuyện rất to lớn. Anh nói thêm kèm theo cái nhăn mặt như thể anh vừa nhổ mất chiếc răng vậy.

- Anh có ông bác giúp đỡ trong việc học kia mà?

- Đúng vậy, nhưng ông bác mình đã mất ít lâu sau ngày mình ra khỏi ký túc xá.

- Thật đáng tiếc!

- Phải, ông là lái buôn dạ đã về nghỉ và ông cho mình quyền thừa kế, nhưng lớn lên mình không hợp ý ông.

- Ý anh nói gì vậy? - Tôi hỏi.

- Ông ta trông đợi ở tôi những điều khác hẳn, - anh nói, - và vì hôn dỗi tôi ông kết hôn với chị giúp việc trong nhà.

- Và lúc ấy anh làm thế nào?

- Ô! Chẳng thế nào cả. Tôi ở lại với họ ít lâu trong khi chờ đợi ông giúp đẩy tôi lên tí chút trong xã hội, nhưng không may bệnh thống phong của ông chạy lên dạ dày và ông mất. Bấy giờ cô nàng lấy một anh chàng trẻ tuổi và tôi chẳng có địa vị gì.

- Nhưng cuối cùng chẳng lẽ ông ta không để lại chút gì cho anh?

- Ô! Có chứ, sự thực, - Traddles nói, - ông để cho năm mươi ghi nê đủ trả tiền nhập học của tôi.

Anh cũng giải thích với tôi là anh làm vài việc vặt, đặc biệt là làm ở một nhà xuất bản đang tiến hành xuất bản bộ bách khoa thư. Anh cho tôi biết rằng anh là chồng chưa cưới của cô con gái một vị mục sư ở Devonshire có mười người con. Họ còn phải đợi lâu mới lấy được nhau, nhưng họ kiên nhẫn chờ.

- Thường ngày, - anh nói tiếp, - tôi ăn cùng với những người ở tầng trệt, họ là những người rất đáng mến. Ông và bà Micawber hiểu đời và là những người rất tử tế.

- Anh Traddles thân mến, - tôi kêu lên, - anh vừa nói gì vậy? Tôi rất quen ông bà Micawber.

Đúng lúc đó có tiếng gõ dồn dập hai tiếng một ở cánh cửa mở ra đường, tôi biết ngay là tiếng gõ của ông Micawber. Tôi bảo Traddles mời chủ nhà của anh lên. Traddles vừa cúi xuống tay vịn cầu thang để gọi thì ông ta đã lên đến nơi. Nom ông chẳng có gì thay đổi; chiếc quần bó sát, chiếc can, áo sơ mi cổ cùn và kính kẹp mũi vẫn như cũ.

- Xin lỗi, thưa ông Traddles, - ông Micawber nói, - quả tình tôi không ngờ lại gặp trong chỗ ở riêng của ông một người khách lạ.

Ông Micawber khẽ chào tôi và chỉnh cổ áo sơ mi.

- Ông có khỏe không? Thưa ông Micawber, -Tôi hỏi ông ta.

- Thưa ông, - ông Micawber nói, ông thật tốt bụng. Tôi vẫn được như cũ.

- Còn bà nhà, thưa ông? - Tôi hỏi tiếp.

- Thưa ông, - ông Micawber nói, - bà nhà tôi cũng vẫn bình thường.

- Và các cháu nữa, thưa ông Micawber?

- Tôi rất vui mừng thưa với ông rằng chúng đều khỏe cả. - ông Micawber nói.

Đến lúc ấy, ông Micawber dù đang đứng trước mặt tôi, thế mà chưa nhận ra tôi. Nhưng khi thấy tôi mỉm cười, ông quan sát tôi kỹ hơn, lùi lại một bước, rồi kêu lên :

- Sao lại thế này? Có đúng là Copperfield mà tôi may mắn được gặp lại hay không?

Và ông xiết thật chặt hai bàn tay tôi.

- Ông chúa! Thưa ông Traddles, - ông Micawber nói, - thật không ngờ ông lại chơi với người bạn thời trẻ tuổi của tôi, anh bạn tín cẩn của tôi từ thuở xa xưa.

Dường như Traddles rất sửng sốt trước tất cả những lời xưng hô ấy. Ông Micawber cúi xuống tay vịn cầu thang gọi vợ ông lên phòng của Traddles.

- Copperfield à, ông tiến sĩ Strong của chúng ta có khỏe không, - ông Micawber nói, - cả các bạn chúng ta ở Canterbury nữa?

- Tôi chỉ nhận được những tin tức tốt lành về họ.

- Tôi rất vui về điều ấy.

Bà Micawber xuất hiện, tay đi găng màu nâu.

- Bà yêu quý ơi, - ông Micawber vừa nói vừa dắt bà lại chỗ tôi, - đây là một quý công tử có tên là Copperfield muốn làm quen lại với bà.

Bà ta ngạc nhiên đến nỗi như muốn xỉu đi, mọi người phải đi lấy nước lạnh tại vòi nước ngoài sân cho bà.

Ông Micawber năn nỉ mời tôi ở lại dùng bữa tối. Đáng lẽ tôi sẵn lòng nhận lời nếu không đọc được trong ánh mắt bà Micawber chút băn khoăn khi bà nhắm tính số lượng thịt ướp lạnh còn lại trong tủ. Tôi tuyên bố rằng tôi đã nhận lời chỗ khác, và khi nhận thấy bà Micawber nhẹ người như trút được gánh nặng, tôi liền khước từ mọi lời khẩn khoản của chồng bà. Nhưng tôi nói với các bạn rằng tôi sẽ không đi nếu các bạn không hứa sẽ cùng đến ăn bữa tối ở nhà tôi. Vậy là thỏa thuận xong. Tiễn tôi về, ông Micawber nói :

- Copperfield thân mến, lúc này tôi đang bận làm công việc ủy thác lúa mì. Công việc này không có lãi, nói cách khác, nó chẳng mang lại lợi lộc gì hết. Do vậy tôi bị túng bấn tạm thời. Tuy nhiên tôi vui mừng nói với cậu rằng tôi đang mong đợi cơ may gặp được chuyện gì đó giúp tôi gỡ được khó khăn, tôi cũng như anh bạn Traddles của cậu, tôi quan tâm thực sự đến anh ấy.

Ông Micawber bắt tay tôi lần nữa và chúng tôi chia tay.

CHƯƠNG 6

MỘT BẮT TRẮC MỚI

Để tiếp đãi các bạn, tôi chuẩn bị đơn giản : kiếm một cặp cá bơn, một đùi cừu nhỏ và ít patê bò câu. Sau đó tôi chuẩn bị các vật liệu pha rượu punch, giao cho ông Micawber pha chế. Rồi tự bày bàn ăn xong, tôi bình tĩnh chờ đợi mọi người.

Đến giờ đã định, ba khách mời cùng đến. Cổ còn sơ mi của ông Micawber to hơn mọi khi, và ông đeo một ru băng mới ở kính kẹp mũi. Bà Micawber bọc mũ vải trong giấy màu xám. Traddles đưa tay cho bà Micawber khoác.

Tôi nhờ ông Micawber pha giúp tô rượu punch và đưa chanh cho ông. Trước đó, ông đang buồn rĩ vì bị ngừng cấp nước máy do thiếu tiền trả cho công ty. Trong nháy mắt ông hết buồn ngay. Tôi chưa thấy người đàn ông nào khoái mùi thơm của vỏ chanh, đường, rượu rum và hơi nước sôi như ông Micawber hôm đó. Tôi đoán là sau khi chiên cá bơn bà Crupp bị mệt, bởi vì bữa ăn bị ngừng giữa chừng. Chiếc đùi cừu bên ngoài tai tái, bên trong còn đỏ nguyên, chưa kể như có chất gì lạ phủ lên nom như bột, từ đó có thể kết luận là nó bị rơi xuống bếp gio. Lẽ ra nước thịt tiết ra có thể cho chúng tôi biết được vài điều về chuyện này, nhưng chẳng có nước thịt.

Người hầu bàn để nó chảy hết tiết xuống cầu thang còn nguyên một vệt dài.

Còn về patê bò câu nom không đến nỗi xấu nhưng lại là pa tê rơm. Dưới lớp vỏ chẳng có gì mấy.

Tóm lại, bữa tiệc kể như thất bại, nếu ông Micawber không nảy ra sáng kiến kiếm chiếc cặp lưới nướng chả.

Trong bếp có một chiếc cặp lưới sáng nào cũng dùng để nướng một lát mỡ cho tôi. Họ mang ra và chúng tôi thực hiện sáng kiến của ông Micawber. Traddles thái đùi cừ thành lát, ông Micawber tẩm tiêu, muối và mù tạt. Tôi xếp chúng lên lưới, lấy chiếc nĩa lật giở, rồi tôi gấp thịt ra trong khi bà Micawber hâm món sốt nằm trong chiếc tô nhỏ.

Thế là thành một yến tiệc thực sự. Rượu punch ngon tuyệt và được hết thảy mọi người hưởng ứng.

Câu chuyện xoay quanh những điều mong ước của ông Micawber. Quả là đến lúc này ông chưa gặp may, nhưng có lẽ cũng sắp thay đổi.

- Tôi sẽ đăng quảng cáo trên báo, kể rõ về bản thân tôi và những hiểu biết của tôi, - ông Micawber giải thích, - chắc chắn rằng lần này tôi sẽ gặp vận may.

- Đăng lời quảng cáo đắt tiền đấy, - Tôi đánh bạo nói với đôi chút ngập ngừng.

- Ông Micawber, - vợ ông nói, - sẽ kiếm ra tiền bằng cách xuất trình một hối phiếu.

Lúc ra về, ông Micawber giúi vào tay tôi một bức thư, rỉ tai bảo khi nào rỗi thì đọc. Trong khi vợ chồng ông Micawber xuống cầu thang, Traddles đã định bước theo, tôi giữ anh lại một lát và nói:

- Anh Traddles ạ, ông Micawber không có ý định xấu, con người tội nghiệp, nhưng nếu ở địa vị anh, tôi sẽ không cho ông ta vay gì hết.

- Copperfield thân mến, - Traddles mỉm cười nói, - tôi có đâu mà cho vay. Quả là tôi mới ký một hối phiếu cho ông ấy. Nhưng ông ấy nói với tôi rằng ông đã trả tiền cho hối phiếu ấy!

Tôi trở vào phòng thay quần áo thì bức thư của ông Micawber rơi xuống đất. Bức thư viết trước bữa ăn một tiếng rưỡi. Bức thư ấy viết với câu cú thông thương của ông những khi ông lâm vào tình thế tuyệt vọng.

"Thưa ông... vì tôi không dám gọi là Copperfield thân mến của tôi. Điều cần thiết là ông biết cho rằng kẻ ký tên dưới đây đã phá sản. Thông báo hiện thời được thảo có sự chứng kiến của một con người trong tình trạng gần say và là kẻ làm thuê cho một hãng cầm đồ. Người ấy có quyền sở hữu hợp pháp nhà cửa này bởi tiền thuê nhà không được trả. Bản kiểm kê do con người ấy xác lập không những bao gồm mọi thứ tài sản cá nhân của người ký tên dưới đây, người thuê theo năm căn nhà này, mà gồm cả đồ dùng và tài sản của ông Thomas Traddles, người thuê lại.

Nếu một giọt đắng ngắt chưa được rót vào chiếc cốc đầy tràn hiện đang đưa lên môi kẻ ký tên dưới đây, thì giọt đắng ấy ở trong sự việc đau đớn là một hồi phiếu do ông Thomas Traddles ghi chuyển nhượng cho kẻ ký tên dưới đây số tiền là hai mươi ba bảng, bốn shilling và chín xu đã hết hạn và chưa được chi trả. Cầu cho tro bụi vĩnh viễn lấp kín đầu Wilkins Micawber".

Traddles tội nghiệp! Tôi biết khá rõ về ông Micawber nên chắc chắn rằng ông ta sẽ hồi phục sau đòn này, nhưng sự yên tĩnh của tôi bị xáo trộn đêm hôm đó bởi nhớ đến Traddles và người con gái vị mục sư Devonshire.

Chị giúp việc Peggotty của tôi cho biết ông Barkis ốm nặng, tôi đi ngay Yarmouth. Sau khi ông Barkis mất, chị Peggotty đến Luân Đôn, tại đây nhiều công việc đang chờ chị. Nỗi ngạc nhiên của tôi không sao tả nổi vào một hôm tôi cùng chị giúp việc cũ về nhà, đã thấy bà cô tôi cùng ông Dick và bà Crupp ở đó. Bà cô tôi ngồi trên một đống hòm siêng, lòng chim để trước mặt và con mèo trên đầu gối của bà.

- Bà thân mến của cháu, niềm vui đến thật bất ngờ!

Bà cháu tôi âu yếm ôm hôn nhau và tôi bắt tay thân mật ông Dick.

- Nào! - Bà cô tôi nói với chị Peggotty đang run sợ trước sự hiện diện của bà, - chị có khỏe không?

- Chị Peggotty, - tôi nói với chị, - chị còn nhớ bà cô em không?

- Chết chửa, cháu ơi! - Bà cô tôi kêu lên, - đừng gọi chị ấy bằng cái tên man dã đó nữa! Sau khi lấy chồng, chị ấy đã rũ bỏ cái tên đó rồi. Bây giờ tên chị là gì, chị P.? - Cô tôi hỏi.

- Barkis, thưa bà! - chị Peggotty cung kính đáp.

- Nào Bakis, - cô tôi nói tiếp, - chị có khỏe không? Tôi hy vọng là chị vẫn được khỏe chứ?

Chị Peggotty vồn vã nắm lấy bàn tay cô tôi chìa ra cho chị, và rập mình cúi chào.

Cô tôi cho bà Crupp lui, bà ta đang rất tò mò và bảo mang cho cô chén trà.

Tôi hiểu khá rõ bà cô tôi nên đoán rằng bà có điều quan trọng muốn nói với tôi.

- Trot, - bà nói với tôi khi uống xong chén trà... Barkis, chị không cần ra ngoài!... Trot, cháu đã tin vào bản thân cháu hơn chưa?

- Cháu hy vọng được như thế, thưa bà.

- Vậy, cháu thân yêu, - bà nói trong khi chăm chú nhìn tôi, - cháu có biết vì sao bà lại ngồi trên đám hành lý của mình ở đây không?

Tôi lắc đầu, chị không đoán được.

- Bởi vì đó là tất cả tài sản còn lại của bà, - cô tôi nói, - bởi vì bà đã bị sạt nghiệp cháu ạ.

Nếu như cả ngôi nhà trong đó có chúng tôi rơi tòm xuống sông, tôi tin bà cũng không dũ dội bằng cái đòn này.

- Phải, Trot thân yêu ạ, - bà cô tôi đặt tay lên vai tôi, bình thản nói, - bà đã bị sạt nghiệp. Tất cả những gì bà còn lại trên đời ở cả đây trừ ngôi nhà nhỏ bà giao cho Jeannette cho thuê. Barkis, để tiết kiệm chị có thể đi tìm chút gì ăn tối. Cái gì cũng được, chỉ cho tối nay thôi.

Sau khi định thần lại, tôi đề nghị dẫn ông Dick đến nhà một người buôn nển, vừa vặn ông ta có một buồng nhỏ cho thuê. Căn

buồng ấy rất hợp với ông Dick. Ông có vẻ hớn hở và dường như không hiểu tình trạng trầm trọng của hoàn cảnh cô tôi đang lâm vào.

Tôi thử giải thích cho ông. Cuối cùng ông cũng hiểu ra vì tôi thấy ông tái mặt đi và nước mắt rùng rùng trên má.

- Trotwood, - ông nói với tôi, - vậy ta có thể làm gì đây?

- Điều duy nhất ta cần làm, ông Dick ạ, là tỏ ra bình tâm, đừng để bà cô tôi thấy chúng ta băn khoăn biết mấy về công việc của bà.

Trong khi chúng tôi ăn tối, cô tôi giữ vẻ bình tĩnh có thể nêu gương cho tất cả chúng tôi. Bà tỏ ra rất dễ thương với chị Peggotty.

Khi chỉ có hai bà cháu, bà nói với tôi :

- Trot này, bình thường bà không ưa những người mới gặp, nhưng Barkis của cháu không làm cho bà mất cảm tình, cháu có thấy không?

- Thưa bà, không có gì làm cháu vui thích hơn là bà đã đánh giá cao chị ấy.

- Chị ta yêu cháu hết lòng, Trot ạ.

- Chẳng có việc gì trên đời mà chị ấy không sẵn lòng làm để chúng tỏ với cháu những tình cảm đó.

- Chẳng có việc gì, đúng vậy, cháu có tin rằng lúc nãy cái chị điên rồ tội nghiệp ấy đã chấp hai tay van lạy bà nhận tiền chị ta biếu vì chị ấy thấy mình có tiền dư dật? Hãy xem cái nhà chị lắm cảm ấy kìa!

Cô tôi trào nước mắt.

Hôm sau tôi mặc quần áo thật khế khàng và để chị Peggotty săn sóc cô tôi, tôi vội đến tắm ở nhà tắm La Mã cổ ở một đường phố kế bên. Rồi tôi lên đường đi Hampstead.

Tôi quyết định việc đầu tiên phải làm là xem có thể hủy việc thực hiện hợp đồng của tôi với ông Spenlow và thu hồi một ngàn bảng.

Tôi phải chờ ông Spenlow. Khi ông tới tôi xin phép được theo ông vào văn phòng. Ông bắt đầu khoác áo luật sư và soi chiếc gương treo ở cửa tủ.

Tôi nói với ông :

- Tôi lấy làm buồn phiền thưa chuyện để ông biết, rằng tôi được tin chẳng lành của cô tôi.

- Thật à, tôi rất tiếc là như vậy! Tôi hy vọng không phải là một tai biến bại liệt chứ.

- Thưa ông, - tôi nói tiếp, - không phải là vấn đề sức khỏe. Cô tôi bị thua lỗ lớn, hay đúng hơn hầu như là chẳng còn gì cả.

- Cậu làm tôi ngạc... nhiên, Copperfield! - ông Spenlow kêu lên.

- Hoàn cảnh đã biến đổi, thưa ông, đến mức tôi muốn xin ông xem liệu có thể xin ông hủy bỏ sự thỏa thuận chung giữa chúng ta, và tôi xin chịu thiệt một phần khoản tiền cược nhận tôi vào đây.

Không ai có thể tưởng tượng nổi tôi phải trả giá cho đề nghị đó như thế nào. Chẳng khác gì một ân huệ đẩy tôi xa Dora.

- Hủy bỏ những sự thỏa thuận giữa chúng ta, Copperfield! Hủy bỏ!

Tôi cố giải thích rằng tôi phải dùng đến cùng kế, rằng tôi không biết sinh sống cách nào và rằng tôi bó buộc phải tự mình thu xếp công việc.

Ông Spenlow tuyên bố rằng, nếu chỉ có mình ông, ông sẽ sẵn lòng hủy bỏ hợp đồng, nhưng ông Jorkins sẽ không bao giờ đồng ý. Tôi đến gặp ông Jorkins, đương nhiên ông ta từ chối bởi vì như sau này tôi được biết, vai trò duy nhất của ông ta trong công ty là từ chối tất cả những gì ông Spenlow cho là không chấp nhận được mà không đưa ra lời giải thích nào.

Tôi ở văn phòng ra về trong một tâm trạng chán nản sâu sắc. Sự phá sản của cô tôi chắc chắn là một trở ngại nghiêm trọng cho việc kết hôn của tôi với Dora.

Quay về nhà, tôi gặp Agnès. Cô tôi viết thư báo tin cho nàng rằng cô tôi gặp những chuyện rủi ro, do đó phải đi khỏi Douvres. Thế là Agnès đến Luân Đôn thăm cô tôi, người mà nàng yêu quý và người đó đã quý mến nàng từ nhiều năm nay. Agnès không ở Luân Đôn một mình mà cùng với cha nàng và cả Uriah Heep nữa.

- Bây giờ họ là cộng sự của nhau à? - Tôi hỏi nàng. Cầu trời làm cho hấn trở cái mặt ra!

- Vâng, - Agnès nói. - Họ có vài công việc giao dịch tại đây và nhân tiện em theo đi Luân Đôn luôn thể. Em không muốn để ba em đi một mình.

- Uriah Heep vẫn tác động đến ông Wickfield như trước à?

Agnès buồn bã gật đầu.

- Mọi việc bị đảo lộn ở nhà em, - nàng nói, - đến nỗi anh sẽ không nhận ra ngôi nhà thân yêu của em nữa đâu. Ông Heep và mẹ ông ta hiện ở tại nhà em.

Chúng tôi gặp bà cô tôi đang có một mình, bồn chồn không yên. Bà đã cãi nhau với bà Crupp. Chị Peggotty ra ngoài để chỉ cho ông Dick xem những người kỵ binh canh gác.

Bà cô tôi phẫn khởi gặp Agnès.

Tôi kể với bà cô tôi việc chạy chọt vô ích của tôi sáng nay ở chỗ ông Spenlow.

- Làm vậy là thiếu chín chắn, Trot ạ, nhưng ý định thì tốt. Cháu là một chàng trai trung hậu và bà tự hào về cháu.

Bà cô tôi kể bà đã đi đến chỗ phá sản như thế nào. Tôi thấy Agnès tái mặt đi nhiều lần. Nàng sợ rằng người cha bất hạnh của nàng có phần nào gây ra sự rủi ro đó. Nhưng bà cô tôi khẳng định chỉ riêng bà chịu trách nhiệm.

- Phải làm gì bây giờ? - Bà cô tôi nói tiếp. - Ngôi nhà của bà có thể mang lại bảy mươi bảng một năm. Đó là tất cả những gì chúng ta đang sở hữu.

- Hơn nữa, - bà nói tiếp sau một hồi im lặng, - có ông Dick, ông ấy có một nghìn bảng một năm nhưng dĩ nhiên số tiền ấy phải

dành để chi tiêu riêng cho ông ấy chứ. Cho dù chỉ có một mình bà trên cõi đời này đánh giá đúng giá trị thực sự của ông ấy, thì bà cũng sẵn sàng trả ông về còn hơn là đụng đến tiền của ông ấy.

Tôi kêu lên :

- Bà ơi, nhất định cháu phải làm cái gì đó.

- Cháu đi lính phải không? - Bà cô tôi lo sợ nói tiếp, - hay là vào hải quân? Bà không muốn nghe chuyện ấy. Cháu sẽ làm biện lý.

- Em nghĩ là anh Trotwood ạ, - Agnès nói, - nếu anh có thời gian...

- Anh có rất nhiều thời giờ cho bản thân, Agnès ạ, nhiều hơn mức cần thiết.

- Tiến sĩ Strong, - Agnès nói tiếp, - cuối cùng đã quyết định nghỉ hưu. Ông đã mở văn phòng ở Luân Đôn và nhờ ba em giới thiệu cho một chân thư ký. Có anh ở bên thì ông ấy mừng lắm.

- Agnès thân yêu, - tôi kêu lên, - nếu không có em thì anh sẽ ra sao? Bao giờ em cũng là thiên thần phúc hậu của anh.

Nàng cười trả lời tôi rằng tôi có một thiên thần phúc hậu là đủ rồi. Tôi đỏ mặt hiểu rằng nàng ám chỉ đến Dora.

Tôi viết thư ngay cho tiến sĩ Strong, xin phép được gặp ông tại nhà riêng vào mười giờ sáng hôm sau.

Có tiếng gõ cửa và tôi thấy ông Wickfield theo sau là Uriah Heep bước vào. Đã lâu tôi chưa gặp lại ông Wickfield. Tôi bàng hoàng đến xót xa khi nhìn thấy ông. Ông già xạm hẳn đi, tay run rẩy, tất cả chứng tỏ rõ ràng tình trạng suy sụp gây nên bởi sự khống chế vô liêm sỉ của Uriah Heep, hiện thân cho sự hèn hạ.

Ông Wickfield đưa tay cho cô tôi với thái độ lúng túng và thân tình siết chặt tay tôi. Tôi thấy nụ cười ranh mãnh trên môi Uriah. Tôi cho là Agnès cũng nhìn thấy vì cô lùi lại như muốn lánh xa hẳn.

- Kia anh, Copperfield... Tôi phải gọi là ông Copperfield chứ nhỉ, - Uriah nói, - tôi hy vọng ông vẫn khỏe. Tôi vui mừng được gặp ông, ông Copperfield, dù trong hoàn cảnh hiện nay.

Nói xong hắn bắt tay tôi nhưng giữ khoảng cách vài bước như thể hấn sợ. Hắn nắm tay tôi, nâng lên hạ xuống liên tục như nắm cần máy bơm nước.

- Ông thấy sức khỏe chúng tôi như thế nào, thưa ông Copperfield? ông Wickfield nom phong mạo tốt đấy chứ? Ở chỗ chúng tôi năm tháng trôi qua không nhận thấy, thưa ông Copperfield, có điều năm tháng nâng những người khiêm nhường như mẹ tôi và tôi lên và làm nảy nở, - hắn nói thêm, - về đẹp và sự duyên dáng, đặc biệt là nơi cô Agnès.

Hắn vắn vẹo thân hình sau bài chúc ấy một cách không chịu nổi khiến cô tôi nổi sung.

- Hãy để chúng tôi yên, khỏi phải thấy những trò nhảu nhờ của anh.

Heep hơi bối rối vì sự tức giận đó, rồi quay sang tôi nói tiếp :

- Nếu chúng tôi có thể giúp được ông chút gì, mẹ tôi và tôi hoặc ông Wickfield và Heep, chúng tôi sẽ rất vui lòng. Tôi không đi quá xa chứ? -Hắn hỏi người cộng sự của hắn với một nụ cười dễ sợ.

- Uriah Heep, - ông Wickfield nói với giọng đục và đều đều, - rất năng nổ trong công việc, Trotwood ạ. Những gì anh ta nói, tôi hoàn toàn tán thành.

- Ô! Còn có phần thưởng nào hơn! - Uriah nói. - Tôi rất sung sướng được tin cậy tuyệt đối. Tôi làm tất cả để giảm nhẹ gánh nặng công việc cho ông ấy, ông Copperfield ạ.

- Uriah Heep đã cất gánh nặng cho tôi. - ông Wickfield vẫn nói với cái giọng đục và buồn buồn ấy.

Uriah Heep có việc và chia tay chúng tôi. Tôi đến ăn tối chỗ ông Wickfield và con gái. Agnès ân cần với cha cô biết bao!

Hôm sau tôi đi Highgate đến nhà tiến sĩ Strong. Ông rất hồ hởi đón tiếp tôi.

- Song tôi chỉ có thể, - ông nói với tôi, - trả cậu được bảy mươi bảng một năm.

- Vậy là thu nhập của chúng tôi tăng được gấp đôi, thưa tiến sĩ Strong.

- Dù sao, cậu hãy hứa với tôi nếu cậu tìm được việc gì tốt hơn thì cứ làm.

- Tôi xin hứa.

- Vậy là đã thỏa thuận xong. - Tiến sĩ vỗ vai tôi nói.

- Và tôi còn sung sướng gấp bội phần, - tôi nói với ông, - nếu ông cho tôi được làm tự diễn.

Tiến sĩ Strong dừng lại, mỉm cười vỗ vai tôi lần nữa và reo lên với vẻ đắc ý :

- Cậu đã đoán ra, anh bạn thân mến, đúng là chúng tôi đang làm cuốn tự diễn.

Thỏa thuận là chúng tôi bắt đầu làm việc vào sáng hôm sau lúc bảy giờ. Chúng tôi phải làm việc mỗi sáng hai giờ và từ hai đến ba giờ đồng hồ vào buổi tối, trừ thứ bảy, chủ nhật tôi được nghỉ. Công việc thế là không mệt nhọc, tôi có thể tiếp tục những hoạt động của tôi chỗ các ông Spenlow và Jorkins mà không có trở ngại gì.

Tuy nhiên tôi có nhiều việc phải làm. Tôi dậy từ năm giờ sáng và chỉ đến chín hay mười giờ đêm mới về nhà. Nhưng tôi có được niềm vui vô tận thấy mình bù đầu bao nhiêu công việc. Dường như càng mệt nhọc tôi càng cố gắng để xứng đáng với Dora. Nàng còn chưa gặp lại tôi vào giai đoạn có nhiều thay đổi trong tính cách tôi này và buổi đầu tiên gặp lại nhất định tôi sẽ nói hết với nàng.

Tôi vẫn còn chưa bằng lòng. Tôi nôn nóng muốn làm nhiều hơn nữa, và tôi tìm Traddles để hỏi anh muốn tường thuật trên báo những cuộc tranh luận ở nghị viện thì làm cách nào. Anh thất vọng cho tôi hay là phải biết tốc ký và không có cách gì nắm được tốc ký dưới hai hoặc ba năm.

- Mình sẽ mua, - tôi nói với anh, - một cuốn sách dạy tốc ký và sẽ đọc ở Tòa án nơi mình cũng không bận lắm và mình sẽ tập tốc ký những bài biện hộ. Anh Traddles, mình sẽ thành công trong việc này.

- Này! Copperfield, - Traddles trợn mắt kêu lên, - chưa bao giờ mình thấy cậu lại quả quyết đến thế.

Tôi không biết trong cuộc gặp gỡ này Traddles và tôi ai vui vẻ hơn ai.

- Thực ra, - bỗng anh vừa nói vừa rút trong túi ra một bức thư, - tôi quên khuấy mất ông Micawber.

Trong bức thư này, ông Micawber cho tôi biết, cuối cùng ông đã gặp vận may. Ông sắp định cư tại một tỉnh lỵ cùng cả gia đình. Ở đấy có thể ông có một việc làm hợp với nghề nghiệp chuyên môn.

Ông sắp rời Luân Đôn, thành phố không hứa hẹn cho ông một tương lai rục rờ. Ông mời tôi tới trước ngày ông cùng với Thomas Traddles lên đường.

Tôi rất sung sướng biết ông Micawber đã gặp được vận may.

Lời mời vào ngay tối hôm đó. Vậy là chúng tôi cùng đến chỗ gia đình Micawber ở tại Gray's Inn Road, dưới cái tên Mortimer để tránh các chủ nợ. Chỗ ông thuê đồ đạc rất nghèo nàn. Tại phòng khách hai bé sinh đôi quăng tám chín tuổi đang ngủ trong chiếc giường tử. Tại đây ông Micawber đợi chúng tôi với một bình đầy đồ uống ông pha lấy rất ngon. Tôi rất thích được làm quen với cậu cả Micawber, cậu con trai quăng mười hai mười ba tuổi tương lai nhiều hứa hẹn. Tôi gặp cả chị gái cậu ta, cô Micawber.

- Copperfield thân mến, - ông Micawber nói, anh Traddles và cậu đã thấy gia đình chúng tôi sắp chuyển đi. Cậu bỏ qua cho chúng tôi những điều không phải do hoàn cảnh gây nên nhé.

Đưa mắt nhìn quanh trước khi trả lời tôi thấy đồ đạc của gia đình đã đóng gói và cũng chẳng có là bao.

- Ông đã tìm được việc làm ở đâu thế. - Tôi hỏi ông Micawber.

- Ở Canterbury, cụ thể là, Copperfield thân mến ạ, tôi đã ký được một hợp đồng với anh bạn Heep của chúng ta, tôi sẽ phục vụ anh ta với tư cách là thư ký riêng.

Tôi ngạc nhiên nhìn ông Micawber, ông ta cực kỳ khoái chí về sự sủng sọt của tôi.

- Lời thách thức của tôi với xã hội, - ông nghiêm trang nói tiếp. - thì anh bạn Uriah Heep của chúng ta đã nhận. Tôi nói về anh bạn Uriah Heep của tôi với tất cả lòng kính trọng, anh ta quả là một con người tế nhị. Anh ấy không trả lương quá hậu, nhưng đã giúp tôi rất nhiều để giải thoát cho tôi những quẫn bách về tiền nong hiện tôi đang mắc phải.

Vừa qua cơn sủng sọt, tôi giải thích cho các bạn tôi nghe hoàn cảnh khó khăn của tôi như thế nào kể từ khi chúng tôi gặp nhau lần trước.

Lát sau, ông Micawber nói với giọng cường điệu.

- Tôi không muốn rời bỏ thành phố này và xa anh Traddles mà không thanh toán nợ nần với anh ấy. Vậy tôi trả cho anh ấy một hồi phiếu với số tiền bốn mươi một bảng, mười si linh, mười một xu rưỡi. Giờ đây tôi có thể ngẩng cao đầu trước mặt những người quen biết của tôi.

Ông Micawber giao tờ phiếu vào tay anh Traddles và chúc anh ấy những lời tốt đẹp trong mọi hoàn cảnh của cuộc đời.

CHƯƠNG 7

HÔN LỄ

Tôi quen dần với cuộc sống mới. Ông Dick chép các chứng thư cho Traddles với niềm hào hứng. Bà cô tôi tiến hành tu bổ nội thất khiến chúng tôi có vẻ mới được hưởng một gia tài hơn là sạt nghiệp.

Đã đến lúc chị Peggotty phải từ giã chúng tôi.

Nước mắt vòng quanh, chị bắt tay tôi hứa rằng nếu tôi cần tiền tôi sẽ phải hỏi chị.

Tôi hứa với chị lúc nào tôi cần vay tiền của ai, thì người ấy sẽ là chị.

- Và rồi, bé yêu của chị, - chị nói tiếp thật khẽ, - em nói với Dora rằng chị rất muốn gặp cô ấy, dù chỉ một phút thôi; nói thêm với cô ấy rằng trước khi cô làm lễ cưới với bé trai thân yêu của chị, chị sẽ tới để sửa soạn nhà cửa các em cho đàn ông, nếu các em đồng ý.

Vừa đúng tới hôm ấy tôi phải đến một chỗ chắc chắn gặp được Dora. Tôi đã ngốc nghếch hông chuẩn bị cho nàng nghe những gì tôi sắp nói, mà đột nhiên hỏi độp nàng rằng liệu nàng có thể quyết định lấy một gã ăn may hay không. Hãy tưởng tượng nỗi khiếp sợ của nàng! Tiếng ăn may, đối với nàng, hiện lên một khuôn mặt nhăn nheo, đội chiếc mũ vải bông, kèm đôi nạng, một chiếc chân gỗ hay một con chó mõm ngậm chiếc bát gỗ. Vậy là nàng ngó người nhìn tôi nom rất nực cười.

- Dora, - tôi nghiêm nghị nói, - anh bị phá sản rồi.

Cô òa lên khóc.

- Một chiếc bánh mì kiếm bằng mồ hôi của chính mình, - tôi nói với nàng, - còn ngọt ngào hơn một bữa tiệc trả giá bằng một gia tài thừa kế.

- Em không muốn nghe nói đến bánh mì, -nàng hăng hái tiếp lời, - àng ngày Jip phải có món sườn cừu vào bữa trưa, nếu không nó chết mất.

Tôi giải thích với nàng rằng Jip có thể vẫn có sườn cừu đều đều như thường lệ. Tôi vẽ cho nàng một cuộc sống khiêm nhường và độc lập chúng tôi sẽ sống, nhờ lao động của tôi.

Nàng duyên dáng, nhưng tôi không ngăn nổi ý nghĩ cảm thấy nàng chẳng giúp ích được mấy nổi trong hoàn cảnh hiện thời.

- Dora, anh có thể nói với em một lời hay không?

- Ô! Em xin anh, chúng mình đừng nói về cuộc sống hiện tại. Anh có biết là những chuyện ấy làm em hoảng sợ biết bao!

- Anh muốn em xem xét sự vật theo cách khác, - Tôi nói tiếp - anh muốn những chuyện ấy khơi dậy cho em lòng can đảm và nghị lực.

- Không, không, em xin anh, quá là khủng khiếp.

- Nhưng có gì đâu nào, cô bé thân yêu của anh. Tôi vui vẻ nói, - chỉ cần đôi khi em quan tâm một chút đến thực tế và thỉnh thoảng làm những việc nội trợ cho ba em để gắng có vài thói quen... như... việc theo dõi thu chi chẳng hạn.

Cô bé tội nghiệp nghe thấy thế khẽ kêu một tiếng giống như nước nở. Song tôi nài nỉ, tôi nói về cuốn cẩm nang làm bếp mà tôi sẽ gửi cho nàng...

Nhưng nàng tỏ ra tuyệt vọng đến nỗi tôi tự hỏi phải chăng hủy bỏ ý định cải cách của tôi thì tốt hơn ít nhất là trong lúc này.

Tôi về hơi sớm, chia tay với Dora, trong lòng khá thất vọng. Tôi chỉ càng quyết tâm hơn dốc sức làm việc để thành công.

Sau ba bốn tháng tôi tự cho là đã khá thành thạo tốc ký nên toan ghi bài nói của một trong những tay hùng biện của hạ nghị

viện. Nhưng việc bị thất bại. Vậy là tôi đành thử ghi những bài nói dễ hơn do Traddles đọc cho tôi viết.

Một buổi sáng thứ bảy, trên đường đến văn phòng, tôi ngạc nhiên thấy các anh chàng khuân vác đứng ở lối cửa ra vào đang nói chuyện sôi nổi.

- Tai họa thật khủng khiếp, thưa ông Copperfield!

- Gì thế? - Tôi kêu lên, - Có chuyện gì thế?

- Ông chưa biết à? - Tiffey một người làm công có tuổi kêu lên, và tất cả những người làm công xúm quanh tôi.

- Không, - tôi đáp, - trong khi nhìn khắp mọi người.

- Ông Spenlow... - Tiffey nói.

- Sao?

- Ông ấy chết rồi!

Tôi tưởng như đất sụt dưới chân.

Xe đón ông quay về không, người ta tìm thấy ông đã chết trên đường, có lẽ ông là nạn nhân của một vụ tấn công.

Những ngày sau đó, chúng tôi sắp xếp lại sổ sách giấy tờ của ông Spenlow. Ông không có chúc thư để lại. Dần dần người ta phát hiện ra rằng vì bị câu thúc bởi lòng ham muốn nổi bật lên trong số các biện lý của Pháp viện, ông đã tiêu quá số thu nhập của văn phòng, và ông đã gây tổn hại nghiêm trọng đến số lợi tức cá nhân, vốn đã không nhiều lắm. Người ta bán tất cả đồ đạc trong nhà ông ở Norwood, rồi cho thuê căn nhà. Dồn tất cả, chỉ còn lại chưa đến một ngàn bảng.

Dora rất buồn khổ. Nàng chỉ còn hai bà cô, chị gái của ông Spenlow, không lấy chồng và hiện ở Putney.

Các bà đề nghị Dora về sống với họ.

- Ô phải rồi! Các cô tốt bụng của cháu, - nàng nói với họ. - Các cô hãy cho cháu về Putney cùng với Jip!

Vậy là sau tang lễ vài ngày họ cùng quay về đó.

Để kéo tôi ra khỏi tình trạng rầu rĩ, bà cô tôi nghĩ đến việc gửi tôi đi Douvres, lấy cớ là để xem xét mọi việc tại ngôi nhà nông thôn của bà có tốt không. Ông tiến sĩ Strong tốt bụng đồng ý cho tôi đi xa ít lâu và còn khuyến khích tôi kéo dài cuộc hành trình. Còn về nơi làm việc tại Pháp viện, tôi không phải lo gì về những việc phải làm tại đó.

Văn phòng tan rã từ khi ông Spenlow mất, và tôi bắt đầu thấy xót xa tiếc hơn bao giờ hết số tiền một nghìn bảng của bà cô tôi..ở Douvres mọi việc đều tốt. Tôi ở lại đó một đêm để hoàn tất vài việc lặt vặt, rồi sáng sớm hôm sau đi Canterbury. Đang độ mùa đông. Thời tiết lạnh và buốt khiến đầu óc tôi hơi phấn chấn trở lại.

Đến cửa nhà ông Wickfield, trong gian phòng tầng trệt chỗ làm việc cũ của Uriah Heep tôi thấy ông Micawber đang cầm cúi viết rất khẩn trương. Ông mặc bộ đồ đen và thân hình nặng nề của ông hoàn toàn lấp đầy căn phòng nhỏ.

Thấy tôi, ông Micawber vừa mừng vừa hơi lúng túng.

Tôi hỏi ông có bằng lòng với cách xử sự của anh bạn Heep của ông hay không. Ông ngó cửa xem đã đóng kín chưa, rồi hạ giọng đáp :

- Anh Copperfield thân mến, trong tình cảnh túng tiền thì người ta sẽ thấy mình ở vào một địa vị rất đáng buồn trước mặt phần lớn những người khác. Và rồi cái điều không cải thiện được địa vị đó, chính là lúc mà nỗi túng quẫn buộc anh phải xin ứng tiền lương trước kỳ hạn. Tôi chỉ có thể nói với cậu rằng anh bạn Heep của tôi đã sẵn sàng đáp lại lời kêu xin mà tôi không muốn ám chỉ rõ hơn làm gì.

- Tôi không nghĩ anh ta lại hào phóng tiền bạc đến thế.

- Tôi xin lỗi cậu, - ông Micawber nói với vẻ khiên cưỡng, - đây là tôi nói điều đó theo kinh nghiệm của tôi.

- Ông có hay gặp ông Wickfield không? - Tôi hỏi.

- Không mấy khi, - ông Micawber đáp, - nhưng ông ấy chẳng còn được tích sự gì.

- Tôi e rằng người cộng tác của ông Wickfield đã làm mọi cách để đạt được điều đó.

- Copperfield thân mến, tôi hy vọng không làm mất lòng người bạn thời trai trẻ của tôi, nhưng tôi có nhiệm vụ giữ riêng cho mình những ý kiến của tôi về công việc kinh doanh của Wickfield và Heep.

Tôi thấy rõ rằng ông Micawber đã thay đổi thái độ. Có thể nói những nhiệm vụ mới của ông áp đặt cho ông sự gò bó nặng nề, nhưng tôi không có quyền cho rằng mình bị xúc phạm.

Tôi chia tay ông ngay và nhờ ông chuyển những lời chúc tốt đẹp đến gia đình ông.

Agnès ngồi trong phòng cô, gần lò sưởi, mãi viết trên chiếc bàn gỗ trạm trổ cũ.

- Ô! -Tôi nói với nàng, - Agnès, lâu không gặp em, anh rất nhớ.

- Thật thế ư? - Nàng đáp, - Chúng ta xa nhau đã lâu đâu mà.

Nàng ngẩng đầu và chìa tay cho tôi. Khuôn mặt nàng mới tuyệt vời làm sao!

Tôi kể cho nàng nghe tất cả những gì đã xảy ra kể từ khi chúng tôi xa nhau, việc làm chỗ tiến sĩ Strong, cái chết của ông Spenlow, sự ra đi của Dora.

- Và giờ đây, - tôi nói, - anh hoàn toàn trông cậy ở em.

- Nhưng anh Trotwood ạ, không phải là trông cậy vào em mà là vào Dora chứ.

- Dora rất ngay thẳng, - tôi đáp, - nhưng cuối cùng thì khó mà..., anh không biết diễn tả thế nào Agnès ạ... Nàng nhút nhát, nàng dễ dàng hoảng sợ, để anh kể em nghe.

Tôi kể cho Agnès tất cả và nàng nhẹ nhàng trách tôi về sự thô bạo với một cô bé nhút nhát và không có kinh nghiệm.

- Bây giờ anh phải làm gì?

- Em cho rằng, - Agnès khuyên tôi, - cách thức thích đáng duy nhất là viết thư cho các bà cô của cô bé.

Tôi đồng ý và quyết định viết luôn trong ngày hôm ấy.

Tôi xuống nhà thăm ông Wickfield và Uriah Heep. Tôi thấy Uriah đã dọn đến một văn phòng mới còn tỏa mùi vôi vữa và được xây trong khuôn viên. Chưa hề có bộ dạng nào thấp hèn hơn lại có mặt giữa đám sách vở và giấy tờ như vậy. Hắn tiếp tôi với sự khúm núm quen thuộc. Hắn dẫn tôi vào phòng làm việc của ông Wickfield, hay nói đúng hơn là cái bóng bàn giấy cũ của ông vì nó đã bị tước đi một loạt tiện nghi để phục vụ cho người cộng sự mới của ông.

Ông Wickfield và tôi chào hỏi nhau trong khi Uriah đứng trước lò sưởi, đưa bàn tay xương xẩu xoa cằm.

Buổi tối, trong bữa ăn, Uriah cao hứng nói rất nhiều. Hắn hỏi mẹ hắn xem liệu đã đến lúc hắn nghĩ đến chuyện lấy vợ chưa, và một lần nữa hắn ném sang Agnès một cái nhìn đến mức tôi có thể đánh đổi tất cả để được phép đập chết hắn.

Cuối bữa ăn, Uriah muốn nâng cốc chúc sức khỏe ông Wickfield.

- Tôi chỉ là một nhân vật thật hèn mọn để đề nghị các vị chúc sức khỏe cho ông, - Uriah nói, - nhưng tôi cảm phục ông hay đúng hơn là tôi tôn sùng ông.

Ông Wickfield bắt đầu nức nở. Ông nói :

- Tôi không biết tôi đã làm những gì trong cơn mê, nhưng hắn thì biết, hắn luôn đứng bên cạnh tôi để gợi ý những gì tôi phải làm. Cậu thấy đấy, hắn đã xích hòn sắt vào chân tôi; hắn ở trong nhà tôi, hắn nhòm ngó vào mọi công việc của tôi. Thử hỏi tôi có thể nói với cậu cái gì thêm nữa?

Agnès đến tìm cha cô và vừa dịu dàng dìu ông đi cô vừa an ủi ông. Uriah lúng túng muốn xin lỗi.

Tôi không nói với hắn lời nào, và leo lên căn phòng nhỏ yên tĩnh nơi trước kia Agnès vẫn hay đến ngồi gần tôi khi tôi làm việc.

Tôi ở đó một mình tới khuya, chẳng có ai tới. Tôi cầm lấy cuốn sách cố đọc; tiếng chuông điểm đúng nửa đêm và tôi đọc mà không biết mình đọc cái gì, thì Agnès đùng khẽ vào vai tôi.

- Sáng mai anh đi sớm, anh Trotwood, em đến chào anh.

Nàng khóc, nhưng khuôn mặt đã trở lại xinh đẹp và trong sáng.

- Cầu chúa ban phúc lành cho anh! - Nàng nói và chìa tay cho tôi bắt.

Hôm sau tôi trở về Luân Đôn, sau khi xin ý kiến bà cô tôi và ông Dick tôi, đã gửi thư cho các bà cô của Dora.

Ít lâu sau tôi nhận được hồi âm. Các bà cô nàng gửi lời thăm hỏi tôi, mời tôi đến đàm phán với họ về nội dung bức thư. Và tôi có thể đi cùng một người tin cẩn.

Tôi phúc đáp các bà cô Spenlow với những lời thăm hỏi kính trọng. Tôi rất vinh dự được đến thăm họ vào ngày giờ đã định và bạn tôi là Thomas Traddles sẽ cùng đi.

Các bà cô của Dora là hai bà già nhỏ thó quắt queo giống hệt như ông Spenlow. Sau khi hỏi han như thăm vấn, họ cho phép tôi được gặp Dora, và cho phép tôi đến ăn chiều tại nhà họ vào các ngày chủ nhật lúc ba giờ và đến uống trà, trong tuần, lúc sáu giờ rưỡi chiều.

Tôi nỗ lực gấp đôi trong việc học tốc ký để đáp lại sự chờ đợi của Dora và lòng tin cậy của các bà cô nàng.

Agnès cùng cha nàng đến Luân Đôn thăm bà Strong trong nửa tháng. Dĩ nhiên, nhân lúc Agnès có mặt ở đây, tôi giới thiệu nàng với Dora. Dora chưa gặp đã sợ Agnès. Nhưng khi thấy Agnès nhìn mình với cặp mắt thật nghiêm trang và thật vui vẻ thật tự lự và nhân hậu, nàng khẽ thốt lên một tiếng kêu ngạc nhiên và vui sướng lao vào vòng tay Agnès áp má vào má Agnès.

Ngày lại ngày trôi qua. Tôi nghĩ rằng mọi chuyện đối với ông Micawber hết sức tốt đẹp. Vì vậy một hôm tôi rất kinh ngạc nhận được bức thư sau đây từ người vợ đáng yêu của ông:

"Anh Copperfield thân mến. Hẳn anh sẽ rất ngạc nhiên khi nhận được thư này. Và có lẽ càng ngạc nhiên hơn khi tôi yêu cầu anh tuyệt đối giữ bí mật. Nhưng với tư cách vừa là một người vợ, vừa là một người mẹ, tôi cần giải bày tâm sự, và vì tôi không muốn hỏi ý kiến họ hàng của tôi, tôi không còn biết có ai để có thể tin cậy tâm sự hơn là với người bạn cũ và người ở trọ cũ.

Anh Copperfield thân mến, anh biết rằng giữa tôi và ông Micawber xưa nay vẫn hoàn toàn tin cậy nhau. Vậy mà ông ấy đã thay đổi hoàn toàn. Ông ấy làm ra vẻ dè dặt, bí mật. Cuộc sống của ông ấy trở nên bí ẩn đối với tôi, người đã chung niềm vui và nỗi buồn phiền cùng ông.

Nhưng chưa hết. Ông Micawber thật rầu rĩ!

Ông ấy luôn tỏ ra nghiêm khắc, sống xa cách các con chúng tôi, ông không còn tự hào nói về hai bé sinh đôi nữa. Thậm chí ông còn lạnh lùng nhìn cháu bé vô tội mới ra đời trong gia đình chúng tôi.

Tôi cam đoan với anh rằng khó khăn lắm tôi mới nhận được ở ông những khoản tài chính cần thiết để chu cấp cho những khoản chi vốn đã bị thu hẹp rất nhiều.

Thật khó mà chịu đựng nổi. Lòng tôi tan nát.

Người bạn đau khổ của anh.

Emma Micawber."

Giờ đây tôi đã trưởng thành! Tôi đã hai mươi một tuổi. Tôi đã nắm được cái nghệ thuật của môn tốc ký : nó giúp tôi thu nhập rất đáng kể. Tôi là một trong số mười hai thư ký tốc ký thu thập những cuộc tranh luận tại Nghị viện cho một tờ báo buổi sáng.

Anh bạn Traddles thân mến của tôi, đã làm thử công việc ấy nhưng không phù hợp. Anh đành vui vẻ chịu thất bại.

Tôi cũng thử làm một việc nữa với nỗi e ngại và run sợ, tôi thử viết văn. Tôi gửi bản thảo đầu tiên của tôi cho một tờ tạp chí và được đăng. Từ đó tôi có thêm can đảm và tôi đã được đăng vài

tiểu phẩm khác. Chúng bắt đầu mang lại cho tôi ít nhiều. Thu nhập của tôi lên tới ba trăm năm mươi bảng.

Cô Savinia và cô Clarissa, các bà cô của Dora, đã ưng thuận cho chúng tôi làm đám cưới. Các bà nói về chuyện quần áo mang theo và đồ đạc của cô dâu.

Cuối cùng ngày trọng đại tới. Tất cả những người tôi yêu quý đều đến dự lễ thành hôn của tôi.

Tôi cho rằng một đôi chim non nhỏ xíu có lẽ cũng hiểu biết về nghệ thuật nội trợ bằng hai chúng tôi, Dora và tôi. Chúng tôi có một người đầy tớ gái, và đương nhiên là chị ta trông nom công việc nội trợ cho chúng tôi. Chị ta làm cho cuộc sống của chúng tôi khó khăn biết bao, chị Marie-Jeanne!

Chị đã xuất trình với chúng tôi một chứng chỉ to như tờ áp phích, cứ theo chứng chỉ ấy thì chị biết làm mọi việc trên đời. Người ta cam đoan với chúng tôi rằng con người đáng quý đó giản dị và trung thực. Vậy là tôi sẵn sàng tin rằng hôm tôi thấy chị nằm lăn dưới chiếc chảo là chị bị lên cơn thần kinh và rằng người hót rác đã sơ ý không trả lại chúng tôi những chiếc thìa uống trà.

Nhưng chị ta khiến chúng tôi rất sợ. Chính chị là nguyên cơ gây nên cuộc cãi cọ đầu tiên của tôi với Dora.

- Em yêu quý, - tôi nói với Dora, - em có tin rằng Marie-Jeanne biết xem giờ không?

- Sao thế anh? - Dora ngẩng đầu ngay thơ hỏi lại.

- Em yêu, vì đã năm giờ mà đáng ra chúng ta phải được ăn từ lúc bốn giờ.

Dora nhìn đồng hồ treo tường vẻ lo lắng không yên.

- Em thân yêu, tốt nhất là em nên nói thẳng chuyện đó với Marie-Jeanne được không?

- Ô không! David, em xin anh, - Dora nói, - không bao giờ em dám đâu.

- Tại sao thế? - Tôi nhẹ nhàng hỏi nàng.

- Ô! - Dora kêu lên, - vì em là một con bé ngốc nghếch và chị ta biết rõ điều đó.

- Em của anh, sao em run lên thế!

- Vì em biết anh sắp mắng em, nàg nói giọng thảm thiết.

Tôi cố dỗ dành Dora nhưng nàg che mặt, lúc lắc những búp tóc quăn mà bảo.

- Ôi! Độc ác, anh thật là độc ác!

Tôi không biết làm gì nữa.

- Dora, em bé của anh!

- Không, em không phải là em bé của anh. Rõ ràng là anh bực bội vì đã lấy em, nếu không anh đã chẳng nói với em như thế!

Tôi lấy can đảm nói với nàg :

- Này, Dora ơi, hã em nhớ hôm qua chưa xong bữa tối, anh đã phải đi có việc, và hôm trước thịt bò làm anh đau bụng vì nấu chưa chín và anh vừa nuốt xuống đã phải chạy. Hôm nay bữa tối trong bụng chẳng có gì, và anh không dám kêu là chúng mình đã phải đợi ăn sáng rất là lâu, lại còn nước pha trà mà không sôi. Anh không có ý trách em, bé thân yêu của anh, nhưng tất cả những điều đó thật không dễ chịu cho lắm.

- Ôi! Độc ác, anh thật là độc ác, làm sao anh có thể nói với em những điều khó chịu đến thế!

- Anh có trách em đâu, Dora. Cả hai chúng mình cần có nhiều điều phải học. Anh chỉ muốn em nên để mắt đến Marie-Jeanne cũng như bản thân em cũng nên tham gia tí chút vì lợi ích của em cũng như của anh.

- Em thực sự ngạc nhiên về sự tệ bạc của anh, - Dora vừa nói vừa nức nở, - Hôm nọ anh thèm ăn cá, chính em đã đi khá xa để mua về gậy bắt ngừ cho anh.

- Em thân yêu! Anh rất biết ơn em về chuyện đó, thành thử anh không nỡ kêu ca rằng em đã sai lầm khi mua con cá hồi, vì nó

quá to cho hai người ăn, và giá những sáu xu, đối với chúng mình là quá đắt.

- Anh bảo nó ngon kia mà, - Dora vừa nói vừa khóc.

Tôi tìm mọi cách dỗ dành nàng; nhưng tôi đã làm tổn thương sâu sắc trái tim non nớt tội nghiệp ấy. Tôi buộc lòng phải đi ra ngoài và trở về thật khuya, lòng đầy hối hận.

Về đến nhà đã thấy bà cô tôi đang chờ. Tôi lo lắng hỏi :

- Thưa bà, có chuyện gì thế?

- Không, Trot ạ - bà đáp - chỉ có Bông Hoa Nhỏ (tên bà gọi Dora) hơi buồn và bà ngồi lại với nó.

- Thưa bà, cháu cam đoan với bà, cứ nghĩ rằng Dora buồn là cháu thấy day dứt trong lòng. Nhưng cháu chỉ muốn nói một cách ngọt ngào và âu yếm với vợ cháu về những việc vặt trong nhà.

- Trot ạ, - bà nói, - cháu cần kiên nhẫn. Bông Hoa Nhỏ rất mảnh mai, chỉ chịu được gió nhẹ mà thôi.

Sự hòa giải giữa Dora và tôi thật dễ dàng.

Chúng tôi chỉ phiến muộn về người đầy tớ.

Người anh họ của Marie-Jeanne đào ngũ, trốn trong hầm than nhà chúng tôi. Anh ta bị một tốp lính đồng ngũ khóa tay lôi ra làm chúng tôi rất ngạc nhiên. Điều này khiến tôi đủ can đảm đuổi việc chị Marie-Jeanne. Tôi còn được biết chị ta có thói mượn tên tôi đi vay những món tiền nhỏ của những người bán hàng cho gia đình. Tạm thời chúng tôi thuê bà Kidgerbury, một bà đầy tớ già khỏe làm được công việc nội trợ, nhưng bà quá yếu nên không làm nổi. Một người quý hóa khác lại không ngừng ngã lăn lông lốc từ trên gác xuống chân cầu thang. Một cô gái khác đội mũ của Dora đi dự hội chợ ở Greenwich. Cô vợ bé nhỏ của tôi đã cố gắng nhiều để học cách săn sóc gia đình nhưng kết quả rất đáng thất vọng.

Một hôm Dora bảo tôi:

- Anh có muốn gọi em bằng cái tên mà em sắp nói với anh không?

- Gọi là gì? - tôi mỉm cười nói.

- Đó là cái tên ngớ ngẩn, nhưng mặc kệ, anh cứ gọi em là "vợ trẻ con" của anh.

- Nhưng làm sao anh lại có thể gọi em như thế?

- Anh ngốc thế, em không bảo anh gọi em bằng cái tên đó thay cho tên gọi Dora. Em chỉ xin anh khi nào nghĩ đến em thì tự nhủ rằng em là cô vợ trẻ con của anh. Khi anh định nổi cáu với em, anh hãy tự nhủ : "Ô hay! Đó là cô vợ trẻ con của tôi mà".

Ít lâu nay tôi đã có thành công trong những tiểu phẩm văn học đến nỗi tôi tin có thể, không phải là thiếu thận trọng, sau một tháng lợi mới về văn học, rốt cuộc tôi sẽ thoát khỏi công việc buồn chán là ghi tấc ký các cuộc tranh luận nghị trường.

Thời gian ấy chúng tôi đã kết hôn được gần một năm. Sau nhiều lần thử nghiệm chúng tôi thấy chẳng cần điều khiển việc nhà làm gì. Nó sẽ tự vận hành lấy, với sự trợ giúp của một cậu thị đồng mà chức năng chủ yếu là cãi nhau với cô làm bếp.

Năm ấy trôi qua đã làm giảm sức lực của Dora.

Đến cuối năm nàng càng trở nên héo hon đến mức nhìn nàng tôi không thể không thấy những linh cảm buồn.

Tôi có thói quen sáng nào cũng bế nàng xuống và tối nào cũng bế nàng lên nhà. Nàng vòng tay ôm lấy cổ tôi và rúc rích cười cả đoạn đường. Tôi cảm thấy mỗi ngày nàng một nhẹ bổng đi và một cảm giác buồn bã mơ hồ xâm chiếm lòng tôi. Tôi có cảm tưởng mình đang đi tới một miền lạnh giá chưa từng biết và ý nghĩ về nơi đó làm cho cuộc đời tôi trở nên ảm đạm.

Bông Hoa Nhỏ mà đi đến chỗ héo ở cành như mọi bông hoa thì làm sao đây!

CHƯƠNG 8

SỰ PHẢN TRẮC CỦA URIAH HEEP

Một buổi sáng tôi nhận được qua đường bưu điện một lá thư kỳ dị của ông Micawber. Thư không nói chuyện tiền nong. Ông Micawber nói về sự bình an của tâm hồn ông đã vĩnh viễn bị phá hủy, về quyền lực ông có để giáng đòn sấm sét trả thù. Cuối cùng ông hẹn với Traddles và tôi ngày kia lúc bảy giờ gặp nhau gần bức tường rào của nhà hỏa lò Tối cao Pháp viện.

Traddles cũng nhận được thư của bà Micawber tương tự như bức thư mà tôi đã nhận trước đó ít lâu. Bà phàn nàn ông chồng trở nên kỳ quặc và hình như có điều gì giấu bà.

Chúng tôi viết một bức thư cho bà Micawber để an ủi và chúng tôi quyết định cùng đến cuộc hẹn lạ kỳ này.

Chúng tôi đến sớm mười lăm phút. Ông Micawber đã ở đó rồi.

Khi chúng tôi lại gần, thấy ông có vẻ lúng túng và kém phong nhã hơn mọi khi. Ông mặc chiếc áo choàng cũ và chiếc quần bó sát nhưng không còn cái vẻ duyên dáng như xưa.

Tôi hỏi thăm ông tin tức về vợ ông.

- Cảm ơn, - ông Micawber đáp, - mặt sa sầm xuống, bà ấy cũng nhì nhằng.

Ông Micawber một bên nắm lấy cánh tay Traddles, một bên tựa vào cánh tay tôi, tiếp tục nói.

- Trên con đường dẫn đến năm mô có những cột mốc mà người ta chẳng bao giờ muốn vượt qua.

- Ông Micawber, - Traddles nói, - ông bi quan quá.

- Đúng thưa ngài, - ông Micawber nói tiếp.

- Ông bạn Heep của ông khỏe chứ, - Tôi hỏi ông.

- Anh Copperfield thân mến, - ông đáp, mặt tái nhợt hẳn đi, - nếu anh gọi người thuê tôi là bạn anh thì tôi lấy làm tiếc cho anh, còn nếu anh gọi hẳn là bạn tôi, thì tôi trả lời anh bằng nụ cười cay độc. Anh cho phép tôi với tư cách cá nhân không phải nói thêm về một con người, đã dẫn tôi gần đến bờ vực thẳm.

- Tôi có thể hỏi ông về sức khỏe các bạn cũ của tôi, ông và cô Wickfield mà không có nguy cơ mắc lỗi được không? - Cô Wickfield, - ông Micawber nói, - mặt ông đỏ bừng lên, vẫn như xưa, một người mẫu mực một tấm gương sáng chói. Anh Copperfield thân mến, cô ấy là ngôi sao duy nhất lấp lánh giữa trời đêm.

Ông Micawber bị xúc động mạnh. Chúng tôi dìu ông vào chỗ khuất để ông bình tĩnh lại dần dần. Quyết không để lọt mất điều bí mật chúng tôi muốn biết, tôi nói với ông ta rằng tôi sẽ rất vui được giới thiệu ông với bà cô tôi.

Chúng tôi cùng đi xe khách và đến Highgate một cách trót lọt. Bà cô tôi tiếp ông Micawber thân tình niềm nở. Ông hôn tay bà. Ông Dick thấy ông Micawber có vẻ buồn, đã liên hồi bắt tay ông ta.

Tôi nhờ ông Micawber pha rượu mạnh. Ông bắt đầu gọt chanh tôi để trên bàn cùng với các gia vị cần thiết khác. Ông có vẻ mải miết với công việc nhưng rõ ràng đầu óc ông để đi đâu. Tôi biết rõ là sắp có cơn khủng hoảng.

Cuối cùng nó bùng lên. Ông gạt phăng các vật liệu và mọi dụng cụ đứng dậy, rút khăn tay và òa lên khóc.

- Ông Micawber ơi, ông làm sao thế? Có chuyện gì xin ông cứ nói, ở đây toàn là bạn bè cả.

- Bạn bè! - ông Micawber nhắc lại, - và điều bí mật ông đã khó nhọc giấu đi cho đến tận lúc ấy bỗng bật ra. Có chuyện gì ư? Có sự độc ác, có sự thấp hèn, có mối thất vọng, sự gian lận và những âm mưu, và tên gọi của cái đống những sự tàn bạo đó, chính là... Heep!

Bà cô tôi vỗ hai bàn tay vào nhau và chúng tôi rùng mình như những người bị quỷ ám.

- Không, không, tôi chẳng chiến đấu chẳng đấu tranh với bản thân nữa, - ông Micawber vừa nói vừa vung mạnh chiếc khăn tay, - Tôi không thể kéo dài cuộc sống như thế này lâu hơn nữa, tôi quá khốn nạn, người ta đã lấy đi của tôi những gì làm cho cuộc đời đáng sống. Hãy trả vợ tôi cho tôi, trả con tôi cho tôi. Hãy đặt Micawber vào chỗ của cái kẻ bất hạnh hiện đang bước đi với đôi giày của tôi, rồi bảo tôi ngày mai hãy nuốt lưỡi gươm, tôi sẽ nuốt và các bạn sẽ thấy tôi nuốt rất ngon lành!

Tôi lại gằn, chìa tay về phía ông, nhưng ông ra hiệu cho tôi tránh ra và nói tiếp :

- Không, Copperfield! Đừng có liên lạc giữa chúng ta... cho tới khi nào cô Wickfield... được bồi hoàn... thiệt hại do cái tên bợm khôn khéo Heep kia gây ra! Một bí mật phải giữ không được tiết lộ!... Cho đến ngày này tuần sau, vào giờ ăn sáng... xin tất cả mọi người ở đây có mặt... kể cả bà cô... và ông này... thực là quý hóa... sẽ có mặt ở khách sạn Canterbury... và tôi sẽ lộ mặt nạ Heep tên khôn khiếp ghê tởm..Sau khi tuyên bố xong những lời đó, ông Micawber lao ra khỏi nhà để lại mọi người trong tình trạng kích động và ngơ ngác đến nỗi chúng tôi cũng thở không ra hơi.

Đến trước hôm ông Micawber hẹn một cuộc gặp gỡ bí mật, bà cô tôi và tôi bàn nhau nên làm thế nào, bởi vì bà chẳng muốn rời Dora. Than ôi!

Lúc này tôi bế Dora lên rất dễ dàng! Nhưng Dora khẳng khẳng không muốn giữ cô tôi bên cạnh, nàng cho rằng đã có Jip săn sóc là đủ rồi.

Bà cô tôi, ông Dick, Traddles và tôi, tối hôm ấy đi xe thư đến Canterbury. Sáng hôm sau, sau bữa điểm tâm ngon lành đầu tiên trừ ông Dick, tôi ra đứng ở cửa sổ ngóng ông Micawber để báo tin cho mọi người. Chuông đồng hồ điểm chín giờ rưỡi thì ông xuất hiện phía ngoài.

- Chào các ông, chào bà! - ông Micawber nói.

- Ông đã ăn sáng chưa? - ông Dick hỏi, - Ông dùng một món sườn nhé?

- Tôi không ăn gì hết, đã lâu nay thưa ngài Dixon thân mến, tôi không biết ngon miệng là gì.

Ông Dick rất vui về cái tên mới đến nỗi ông lại bắt tay ông Micawber lần nữa và cười phá lên như một đứa trẻ.

- Thưa ông Traddles, - ông Micawber quay sang phía Traddles nói. - ông cho phép tôi cho mọi người biết ông và tôi đã có liên lạc trao đổi với nhau chứ ạ?

- Đó là một chuyện có thật, Copperfield ạ, -Traddles nói, tôi nhìn anh một cách ngạc nhiên, ông Micawber đã hỏi ý kiến tôi về việc ông ta định làm, tôi đã khuyên ông với tất cả khả năng của tôi.

- Ông Traddles ạ, nếu tôi không lầm, - ông Micawber nói tiếp, - chuyện tôi định phát giác ở đây là rất quan trọng.

- Cực kỳ quan trọng. - Traddles nói.

- Xin các bạn, - ông Micawber nói, - chờ cho năm phút nữa, sau đó xin vui lòng đến thăm cô Wickfield tại văn phòng Wickfield và Heep, nơi tôi làm công ăn lương.

Năm phút sau chúng tôi đến và thấy ông Micawber ở bàn giấy của ông ở tầng trệt trong tháp nhỏ. Ông dẫn chúng tôi qua phòng ăn, rồi mở cửa căn phòng ngày xưa là văn phòng của ông Wick-field, ông lên tiếng oang oang báo có khách.

- Cô Trotwood, ông David Copperfield, ông Thomas Traddles và ông Dixon.

Đã lâu tôi chưa gặp Uriah Heep. Đương nhiên cuộc đến thăm của chúng tôi làm hắn ngạc nhiên cũng như việc đến thăm này khiến chúng tôi ngạc nhiên vậy. Hắn nhăn trán khiến cặp mắt tí hí hâu.như nhắm tít lại trong khi hắn đưa bàn tay góm ghiếc xoa cằm với vẻ sững sốt và lo lắng.

- Ô quả thực, - hắn nói, - đây là niềm vui bất ngờ, một cuộc vui tôi ít trông đợi, cùng một lúc bao nhiêu là bạn! Ông Copperfield, tôi hy vọng ông vẫn khỏe chứ?

Quay về phía bà cô tôi, hắn nói tiếp với nụ cười thảm hại nhất :

- Tình hình ở đây đã thay đổi nhiều, thưa cô Trotwood, từ hồi tôi mới chỉ là một gã làm công quèn và giữ ngựa cho cô. Nhưng bản thân tôi không có gì thay đổi, thưa cô Trotwood.

- Nói không úp mở với anh, - cô tôi đáp, -xưa anh có triển vọng thế nào thì nay anh đã ra thế ấy.

- Cảm ơn thiện ý của cô, thưa cô Trotwood, - Uriah vừa nói vừa vắn vẹo người theo thói quen.

- Micawber, ông đi báo tin cho cô Agnès và cho mẹ tôi! - Uriah vừa kéo ghế mời chúng tôi vừa nói.

- Ông không bận việc gì chứ, ông Heep? -Traddles nói, mà cái nhìn của anh vừa bắt gặp con mắt dã thú của con cáo nhìn trộm anh về dò hỏi.

- Không ạ, thưa ông Traddles, - Uriah đáp trong khi trở lại ngồi vào chỗ chính của hắn, hai bàn tay xương xẩu đan nhau giữa hai đầu gối xương xẩu không kém. - Tôi tin là ông không có quan hệ gì với ông Wickfield, thưa ông Traddles?

- Không, nếu có thì tôi đã phải đến thăm ông sớm hơn.

Trong giọng nói của Traddles có cái gì khiến Uriah lại lo lắng, hắn nhìn anh về độc địa và ngờ vực.

Agnès bước vào, có bà Heep theo sau. Ông Micawber ra hiệu cho Traddles ra ngoài.

- Ông không cần ở lại đây, Micawber. - Uriah nói.

Nhưng ông Micawber đứng lại trước cửa, một tay đặt lên chiếc thước gài trong áo gi-lê. Ông chăm chăm nhìn tên chủ đáng ghét của ông.

- Ông còn đợi gì nữa? - Uriah nói. - ông không nghe thấy tôi nói là ông không cần ở lại đây nữa à, Micawber?

- Có chứ, - Micawber nói và vẫn đứng im.

- Vậy tại sao ông còn đứng đấy?

- Vì... vì tôi thấy tôi ở lại hay hơn.

Hai má Uriah nhợt hẳn đi và bệch ra như xác chết.

- Ông chỉ là một con người đáng thương, mọi người đều biết rõ, và tôi e rằng buộc lòng tôi phải đuổi ông đi. Cút ra! ạng Micawber vụt nổ với một sức mạnh không ngờ.

- Heep, mày là một tên gian ác, một kẻ vô lại...

Uriah giật lùi như bị rắn độc mổ. Rồi hắn hạ giọng :

- A! thì ra là một âm mưu! Các người hẹn gặp nhau ở đây, các người có mưu mô với tên thư ký của tôi, phải không Copperfield? Hãy coi chừng, anh không làm gì được tôi đâu. Chúng ta không ưa gì nhau. Từ chuyển đến đây lần cuối, lúc nào anh cũng hằm hè, ghen ghét với sự thăng tiến của tôi.

- Thưa ông Micawber, - tôi nói, - tên này đột nhiên trở mặt. Nó vừa nói lên sự thật : đó là nó cảm thấy bị bám riết. Hãy xử sự với nó đúng như nó đáng được đối xử!

- Các người là những kẻ dễ mền, - Uriah nói tiếp vẫn bằng cái giọng ấy, vừa nói vừa lấy bàn tay dài lòng thòng lau mồ hôi nhễ nhại trên trán. - Các người đến mua tên thư ký của ta, thứ cặn bã của xã hội, một người cũng như anh ngày xưa, Copperfield ạ lúc chưa có ai bố thí cho anh, và trả tiền cho nó để nó dùng những lời dối trá thóa mạ ta chứ gì. Cô Wickfield, vì tình thương yêu của cô đối với cha cô, cô chớ có nhập với bọn này, nếu cô không muốn tôi làm cho cha cô phá sản. Nhưng mẹ tôi đâu rồi? - Hắn ngo ngác nói.

- Bà Heep đây ông ơi, - Traddles lại xuất hiện nói, theo sau anh là bà mẹ của ông con trai quý hóa. Tôi xin mạn phép tự giới thiệu để bà biết tôi là ai.

- Vậy anh là ai mà chúng tôi phải biết về anh, - Uriah nói, - Anh đến đây làm gì?

- Tôi là bạn và là luật sư của ông Wickfield, - Traddles nói giọng nghiêm trang và bình tĩnh. - Và trong túi tôi có giấy tờ ủy nhiệm để hành động với tư cách người được ủy quyền của ông ta trong bất cứ tình huống nào.

- Con lừa già hần đã nốc rượu đến mất trí, - Uriah nói, - nom hần càng ngày càng ghê tởm, và giấy ủy quyền ấy là do thủ đoạn gian lận mà moi được ở lão.

- Tôi biết là người ta đã moi được ở ông ta cái gì đó bằng cách gian lận, - Traddles nhẹ nhàng nói tiếp, - và ông cũng biết điều đó rõ như tôi ông Heep ạ. Chúng tôi sẽ để cho ông Micawber làm nhiệm vụ trình bày vấn đề này, nếu ông vui lòng.

- Uriah, - bà Heep nói với vẻ lo lắng.

- Bà im ngay! - Hần quát mẹ hần, - Càng nói ít càng đỡ sai lầm..Tôi không nói gì về cái nhìn hần ném cho tôi vì tôi biết rõ ràng bao giờ hần cũng căm ghét tôi.

Trong khi đó hần đứng đờ ra nhìn chòng chọc hết người này đến người khác. Nhưng khi hần nhìn chằm chằm vào Agnès, cặp mắt hần có một vẻ điên dại làm rôi rùng mình : hần cảm thấy nàng đã thoát khỏi hần. Có thể nào Agnès lại có nguy cơ phải sống với một con người như thế, dù chỉ trong một giờ!

Ông Micawber rút trong ngực ra cây thước lớn, lôi trong túi ra một tập tài liệu dày cộm viết trên khổ giấy lớn và bắt đầu đọc đồng dục. Trước hết ông nói về những rối ren tài chánh đã đặt ông dưới quyền hành của Heep như thế nào.

- Một hôm, - ông nói, - vì bị nổi nhục nhã của sự thiếu thốn, cơn tuyệt vọng và quần bách cùng phối hợp giáng xuống đầu,tôi vào làm tại văn phòng được biết dưới cái tên Wickfield và Heep, nhưng thực tế chỉ do một mình Heep điều hành.

Heep, chỉ có Heep là một tên giả mạo và lừa đảo.

Uriah đang tái người bỗng xạm hẳn đi, hắn nhảy xổ tới định giật và xé vụn bức thư. Ông Micawber, nhanh tay vung chiếc thước kẻ vụt vào ngón tay hắn một đòn đích đáng.

- Quỷ tha ma bắt mày! - Uriah quần quai đau đớn kêu ré lên, - tao sẽ trả thù mày chuyện này.

- Cứ lại gần đây, Heep, cái đống xấu xa ô uế, - ông Micawber kêu lên, - nếu cái đầu mày là đầu người chứ không phải đầu quỷ, tao sẽ đập tan ra từng mảnh. Lại đây, lại đây coi!

Sau đoạn mở đầu đầy hùng hồn, ông Micawber chuyển sang tiếp như sau:

- Đây là điều tôi lên án Heep. Trước hết khi tình trạng ông Wickfield vì những lý do xin được miễn trình bày, đã trở nên lẩn cẩn và ốm yếu, Heep làm rối tung mọi công việc giao dịch chính thức.

Ông Wickfield càng không đủ sức đảm đương công việc, Heep càng bắt ép ông phải làm. Chính những lúc ấy ông Wickfield đã ký tên mình vào những giấy tờ hết sức quan trọng. Hắn xui ông Wickfield ủy quyền cho hắn sử dụng một số tiền lớn, mà ông đã giao cho hắn, bảo là để trả những khoản rất tốn kém, chẳng bao giờ có thật. Đồng thời hắn đổ lỗi cho ông Wickfield một chuyện thật bỉ ổi để từ đó hắn dùng để hành hạ ông và ép ông nhân nhượng hắn về mọi mặt.

- Mày phải chứng minh tất cả những điều đó! - Uriah gầm bầm.

- Thưa ông Traddles, - ông Micawber nói, -xin ông hỏi Heep xem hắn có sổ cập nhật nào trong nhà này hay không. Ông cứ hỏi?

Uriah bỗng ngừng gãi cằm.

- Hoặc là xin ông cứ hỏi hắn, - ông Micawber nói tiếp, - xem hắn có đốt quyển nào trong nhà này không? Nếu hắn nói là có, và nếu hắn hỏi ông là tro đốt sổ ở đâu, thì ông bảo hắn hãy hỏi Wilkins Micawber, và ông ta sẽ cho biết những chuyện không thú vị gì cho hắn.

Bà Heep cuống quýt kêu lên :

- Uriah! Uriah! Con hãy nhún nhường, cố dàn xếp mọi việc con ơi!

- Mẹ, - hấn đáp, - bà có im đi không. Bà sợ hãi và bà chẳng biết bà đang nói gì đâu.

Ông Micawber khẽ rứt cằm vào ca vát, rồi nói tiếp:

- Thứ hai, theo chỗ tôi biết, Heep đã nhiều lần mạo chữ ký ông Wickfield ở nhiều sổ sách, giấy tờ, tài liệu, tôi xin dẫn chứng một trường hợp như sau: ông Wickfield ốm, nếu hấn không làm cho con gái ông vì tình cha con mà từ bỏ mọi ý định điều tra công việc đã xảy ra, thì cái chết của ông có khả năng dẫn tới những phát giác làm sụp đổ ảnh hưởng của Heep đối với gia đình Wickfield.

Nghĩ vậy, tên Heep cho rằng thượng sách là chuẩn bị sẵn một chứng thư, coi như ông Wickfield gửi cho hấn, nói là những khoản tiền đã kể trên là do Heep ứng ra cho ông Wickfield vay để cứu vãn danh dự cho ông. Sự thực, hấn không hề ứng khoản tiền nào và đã mạo chữ ký của ông Wickfield và của tôi. Mà không đời nào tôi ký xác nhận vào một giấy vay nợ như thế. Tôi đã xuất trình tài liệu giả mạo đó cho ông Traddles.

Bà Heep lại yêu cầu con bà hãy nhún nhường, nhưng hấn lại bắt bà im như mọi lần trước.

Sau cùng, ông Micawber tố cáo Heep đã biển thủ một số tiền của ông Wickfield.

Trong văn phòng có một két sắt, tôi đã để ý đến nó từ buổi đến thăm đầu tiên. Chiếc chìa khóa cắm trong ổ. Bỗng Uriah chợt nghi ngờ, hấn liếc nhìn ông Micawber rồi lao tới két bạc và xấn xỏ mở ra.

- Sổ sách đâu cả rồi? - Hấn kêu lên như phát điên. - Kẻ trộm đã đánh cắp sổ sách của tôi!

Ông Micawber khẽ gõ thước kẻ lên ngón tay mình :

- Chính tao, mày đã giao chìa khóa cho tao như mọi khi, còn sớm hơn mọi khi một chút, và tao đã mở két.

- Chớ lo! - Traddles nói. - Sổ sách ấy hiện trong tay tôi. Tôi sẽ giữ gìn chúng theo uỷ quyền.

- Vậy ông là kẻ oa trữ! - Uriah kêu lên.

- Trong những trường hợp như thế này, đúng là như vậy. - Traddles đáp.

Tôi ngạc nhiên làm sao khi thấy bà cô tôi nãy giờ vẫn hoàn toàn bình tĩnh lắng nghe, bỗng nhảy bổ đến Uriah Heep và tóm lấy cổ áo hắn!

- Mày biết tao cần cái gì không? - Bà cô tôi nói.

- Chiếc áo bó để trói người điên! - Hắn đáp.

- Không, tao cần đòi lại tài sản của tao! Agnès yêu quý, chừng nào bà tưởng rằng bố cháu làm mất tài sản của bà, thì bà chẳng nói một lời. Bản thân Trot cũng không biết tài sản ấy được giao cho ông Wickfield. Nhưng bây giờ, vì tên này là thủ phạm, bà phải đòi lại.

- Các người muốn tôi làm gì? - Heep nói với cái nhìn dữ dằn.

- Tôi sắp nói để ông biết đây. - Traddles đáp.

- Trước hết ông phải nộp cho tôi ngay tại đây tờ chứng thư mà trong đó ông Wickfield đã trao toàn bộ của cải của ông ta cho ông.

- Và nếu tôi không có tờ chứng thư ấy thì sao?

- Ông có nó đấy. Sau đó ông chuẩn bị nhả những gì đã chiếm đoạt, bồi hoàn đến đồng xu cuối cùng tất cả những gì ông đã tham lam vơ vét. Tất cả sổ sách giấy tờ của công ty chúng tôi sẽ giữ. Và trong khi chờ đợi, chúng tôi yêu cầu ông, hay nói cách khác chúng tôi cưỡng chế ông ở lại phòng ông, không được liên lạc với bất kỳ người nào.

Uriah định chống cự, nhưng mọi người nói là đi gọi cảnh sát, hắn gầm gừ chịu khuất phục.

Ông Micawber yêu cầu chúng tôi chứng kiến việc ông hòa giải với vợ ông. Thấy gia đình ông Micawber đông con, bà cô tôi, người đàn bà có đầu óc thực tế, hỏi tại sao ông không di cư cả gia đình sang Úc, mà cứ phải loay hoay sống ở nước Anh.

- Thưa bà, - ông Micawber đáp, - đó là giấc mơ thời trẻ của tôi, đó còn là mối hy vọng hão huyền lúc tuổi về già. Nhưng vốn liếng, thưa bà, kiếm đâu ra?

- Mọi người sẽ cấp cho ông.

- Khí hậu ở Úc có tốt không? - Bà Micawber hỏi.

- Tốt nhất thế giới. - Bà cô tôi đáp.

Mọi người quyết định rằng sau khi giải quyết xong mọi chuyện với Uriah, sẽ thu xếp cho gia đình Micawber đi Úc..

CHƯƠNG 9

NỖI BUỒN KHỦNG KHIẾP

Tôi đã khóc khi viết những dòng này. Người vợ trẻ con bé nhỏ của tôi. Sau khi lả đi một thời gian, đã tắt thở trong vòng tay Agnès. Bây giờ không phải lúc miêu tả trạng thái tâm hồn tôi. Dưới ảnh hưởng của biến cố ghê gớm đó, tôi đã cho rằng tương lai của tôi thế là đã khép lại và mọi hoạt động cùng sức sống của tôi vĩnh viễn chấm dứt.

Tôi không nhớ rõ lúc người ta khuyên tôi nên đi một chuyến du lịch, cũng không nhớ rõ vì sao chúng tôi lại nghĩ ra rằng tôi chỉ có thể được nghỉ ngơi và được an ủi bằng cách thay đổi chỗ ở và cách tiêu khiển. Agnès đã tác động đến ý nghĩ và quyết định của chúng tôi trong những ngày tang tóc ấy đến mức tôi tin rằng dự định kia là do nàng.

Theo yêu cầu của Traddles, người bạn thân thiết và tận tụy nhất của tôi trong cảnh đau buồn này, bà cô tôi, Agnès và tôi quay về Canterbury.

Chúng tôi đến thẳng nhà ông Micawber, họ đang đợi chúng tôi. Ông đã quyết định di cư. Rút trong túi ra một cuốn sổ tay tra cứu, ông trịnh trọng nói:

- Về sự trợ giúp tài chính cho phép chúng tôi thả con xuống mong manh trên đại dương của những công cuộc kinh doanh, tôi đã cân nhắc điểm chủ yếu này và đề nghị với bà thu xếp theo như tôi đã thảo trên giấy vay nợ có dán tem. Tôi xin hoàn lại đúng theo các kỳ hạn đã ghi, mười tám tháng, hai năm và hai năm rưỡi.

- Xin tùy ý ông, thưa ông. - Bà cô tôi nói.

Gia đình Micawber rút lui để chúng tôi tự do trao đổi.

- Tôi phải nói cho công bằng về ông Micawber, - Traddles nói, - nếu như ông ta không biết làm việc hiệu quả cho bản thân mình, thì với công việc của người khác ông làm không biết mệt. Tôi chưa thấy ai như thế. Ông Dick cũng đã làm những việc thật tuyệt vời! Ngay sau khi khỏi phải lo canh giữ Uriah Heep, công việc mà ông đã làm một cách mẫn cán chưa từng thấy, ông đã hết lòng vì quyền lợi của ông Wickfield và ông đã thực sự giúp chúng ta những việc quan trọng bằng cách tra cứu sổ sách, làm biết bao nhiêu những việc ủy thác vặt vãnh, sao chép mọi tư liệu cần thiết.

- Dick là một người rất đặc biệt, - bà cô tôi reo lên, - bao giờ bà chẳng nói như vậy, Trot ạ, cháu biết đấy..- Tôi sung sướng nói rằng, cô Wickfield ạ, Traddles nói tiếp một cách tế nhị và nghiêm trang thật cảm động, trong khi cô đi vắng, sức khỏe bác Wickfield khá lên rõ rệt. Được giải thoát khỏi gánh nặng đè lên mình lâu đến thế và khỏi những cảm giác hãi hùng khủng khiếp, bác đã khác hẳn trước.

Sau khi làm yên lòng Agnès, Traddles trình bày lại những kết quả công việc của mình. Bác Wickfield không bị thiếu hụt và có thể đàn ông rút khỏi công việc kinh doanh. Có điều hầu như bác chỉ còn lại vài trăm bảng để sinh sống.

- Không lo, - Agnès nói. - Em đã có dự tính. Mọi người ở đây đều biết em và chỉ mong em gặp chuyện tốt lành. Nhu cầu của nhà em không lớn. Nếu em có thể cho thuê căn nhà cũ thân thương và mở một ngôi trường, em sẽ sung sướng thấy mình có ích.

Traddles giải thích cho cô tôi, nhờ sự hăng hái tích cực và nỗ lực của ông Micawber, họ đã có thể rút tiền từ móng vuốt của Uriah. Vậy là bà có thể thu hồi được tài sản của mình.

- Uriah ra sao rồi? - Bà cô tôi hỏi.

- Cháu không biết gì hết. - Traddles đáp. - Mẹ hẳn cứ ra sức kêu la và van nài. Và hẳn đã ra đi với mẹ hẳn. Họ đã đi Luân Đôn chuyến xe buổi tối và cháu không biết gì hơn nữa về họ.

- Còn ông Micawber?

- Cô Trotwood, cháu đã thừa với cô, quả là ông ấy thật nhiệt tình. Không nên quên rằng ông ta hành động có hiệu quả như vậy hoàn toàn là bởi lòng tận tụy, trong khi ông ấy có thể nhận được ở Uriah Heep nhiều thứ mà chỉ cần bán cái ngậm miệng là xong!

- Và bây giờ nên biểu ông ta cái gì? - Cô tôi hỏi.

- Ông Micawber đã ký tạm vay Heep các khoản tiền tạm ứng.

- Vậy thì! - Cô tôi nói, - cần hoàn trả cho ông ấy.

- Vâng, nhưng cháu không biết lúc nào hẳn sẽ dùng những giấy tờ ấy để trả đũa ông ta, - Traddles mở to mắt đáp. - Cháu rất sợ từ nay đến lúc lên đường ông Micawber có thể bị bắt hoặc bị tịch biên bất cứ lúc nào vì mắc nợ.

- Thế thì phải luôn luôn lo cho ông ta. - Bà cô tôi nói. - Tất cả hết bao nhiêu?

- Số tiền lên tới một trăm lẻ ba bảng năm si linh.

- Ta thử xem tặng ông ta cái gì ngoài số tiền ấy nữa? - Bà cô tôi nói. - Bao nhiêu nhỉ? Năm trăm bảng nhé?

Traddles và tôi, khẩn khoản đề nghị chỉ giao dần từng khoản nhỏ cho ông Micawber. Không hứa gì với ông ta cả và cứ trả dần số tiền ông ta nợ Uriah. Sẽ thanh toán tiền tàu bè và phí tổn đến nơi ở mới của gia đình ông, ngoài ra sẽ cho thêm một trăm bảng nữa. Cần tỏ vẻ coi việc ông Micawber dàn xếp để trả các khoản nợ tạm ứng ấy là nghiêm túc, bởi vì có làm cho ông bị ràng buộc vào trách nhiệm này mới có lợi cho bản thân ông.

Người ta cho mời ông bà Micawber vào và giải thích những điều chúng tôi đã thỏa thuận về chuyện của ông. Cả gia đình ông rất vui mừng. Ông Micawber có việc ra ngoài mua mấy thứ cần thiết, năm phút sau quay về, đã có một nhân viên cảnh sát đi kèm.

Ông nức nở khóc báo tin với chúng tôi rằng thế là hỏng hết cả rồi. Vì đã lường trước việc Uriah Heep sẽ trả thù, chúng tôi thanh toán ngay khoản nợ.

Hôm sau cô tôi và tôi, phải về Luân Đôn trước.

Chúng tôi thỏa thuận rằng bán đồ đạc xong gia đình ông Micawber kéo về sau; rằng công việc của ông Wickfield sẽ được giải quyết thật sớm và sau đó Agnès đến Luân Đôn.

Ông Peggotty và bạn bè chúng tôi ở Yarmouth gặp nhiều chuyện buồn và bất hạnh to lớn. Họ quyết định di cư sang úc. Vì họ phải xuống cùng chuyến tàu với gia đình Micawber, tôi đã giới thiệu họ làm quen nhau để mọi người có thể giúp đỡ lẫn nhau trong chuyến vượt biển và khi họ đến nơi ở mới.

Ông Micawber còn bị bắt lần nữa trước khi lên đường. Ông đã rơi vào tuyệt vọng ử rữ, cuối cùng lại hăng hái nhảy lên ôm cổ tôi khi tôi đuổi được viên cảnh sát bằng cách trả tiền vay nợ cho ông.

Chúng tôi chia tay với những người ra đi.

Đến lượt tôi rời Anh quốc. Tôi không tìm thấy một lối thoát nào khỏi vực thẳm buồn phiền mà tôi đã rơi xuống. Tôi du lịch sang nước ý, Thụy Sĩ.

Tôi nhận được nhiều thư của Agnès. Nàng sung sướng, như đã nói với chúng tôi, vì cảm thấy mình có ích. Nàng thành công trong việc nàng tiến hành, như nàng vẫn mong ước.

Sau ba tháng, tôi quyết định xa quê hương thêm ít lâu nữa và tạm thời lập nghiệp ở Thụy Sĩ.

Tôi làm việc kiên nhẫn và căng thẳng, từ tờ mờ sáng cho đến khuya. Tôi viết một truyện ngắn mà đề tài có phần liên quan đến nỗi buồn mới đây của tôi. Tôi gửi cho Traddles, anh thu xếp xuất bản với điều kiện có lợi cho tôi. Lời đồn đại về tiếng tăm ngày càng lớn của tôi lọt đến tận tai tôi, do làn sóng những khách bộ hành tôi gặp trên đường.

Sau khi nghỉ ngơi và thư giãn chút ít, tôi lại bắt đầu sáng tác về một đề tài mới mà tôi vô cùng thích thú. Càng tiến tới hoàn thành tác phẩm tôi càng bị thu hút vào đó và tôi dành toàn bộ nghị lực để đạt kết quả. Đó là thử nghiệm thứ ba của tôi về thể loại này. Viết gần được một nửa tác phẩm vào lúc nghỉ giữa chừng, tôi nghĩ đến việc quay về Anh quốc.

Tôi cập bến ở Luân Đôn vào một tối mùa thu giá lạnh và mưa. Hơn một năm nay tôi chưa nhìn thấy sương mù và bùn ở lục địa nhiều bằng phút chốc ở đây.

Tôi biết hoàn cảnh nhiều người trong số bạn bè tôi đã có thay đổi. Bà cô tôi đã quay về Douvres từ lâu và Traddles đã có được một số khách hàng quen ít lâu sau khi tôi ra đi. Bây giờ anh ở một căn hộ nhỏ tại Gray's Inn. Trong một bức thư gần đây anh cho tôi biết anh sắp kết hôn với "cô gái tuyệt vời nhất đời".

Mọi người đợi tôi về vào dịp Noel, nhưng tôi về sớm hơn. Tôi đến Gray's Inn.

- Cậu có biết ông Traddles ở đâu không? -Tôi hỏi một cậu hầu bàn tiệm cà phê.

- Tòa án Holborn, số 2, thưa ngài.

- Ông Traddles bắt đầu nổi tiếng trong giới luật sư có phải không?

- Có thể là như vậy, thưa ngài, nhưng tôi không rõ.

Trong lúc ăn tối tôi cũng dò hỏi nhiều người.

Và tôi rất thất vọng thấy rằng hình như Traddles được ít người biết đến ngay tại khu chung cư của mình.

Tôi đến ngay ngôi nhà số 2, và tôi đọc một bảng chỉ dẫn trong sân nhà ông Traddles ở căn hộ tầng cuối cùng. Tôi lên cầu thang, một chiếc cầu thang cũ nát, được rọi sáng lờ mờ bằng một chiếc đèn dầu ám khói, ngọn bắc đang lụi dần trong chiếc lồng kính bẩn. Bước thấp bước cao, tôi tưởng như nghe thấy tiếng cười giòn giã : không phải tiếng cười của biện lý hay luật sư, mà là của mấy cô gái vui vẻ. Nhưng khi tôi ngừng lại nghe ngóng, chẳng may chân tôi tụt xuống một lỗ sàn thủng. Tôi ngã đánh sầm và lúc bò dậy tiếng cười đã tắt.

Tôi leo cẩn thận chậm hơn quăng cầu thang còn lại. Tim tôi đập thình thịch khi tôi đến trước cửa mở hé ngoài có ghi tên Traddles. Tôi gõ và nghe bên trong có tiếng ồn ào, nhưng chỉ thế thôi.

Tôi lại gõ lần thứ hai. Một cậu người nhỏ nhắn bộ dạng hoạt bát, có vẻ nửa là nhân viên nửa là đầy tớ xuất hiện, thở hổn hển, nhưng nhìn tôi trân tráo.

- Ông Traddles có nhà không?
- Thưa ông có, nhưng ông ấy đang bận.
- Tôi muốn gặp ông ta.

Sau khi quan sát tôi một hồi nữa, cậu bé tinh nghịch quyết định cho tôi vào. Thế là mở thật rộng cửa, cậu dẫn tôi vào một tiền sảnh, rồi vào một phòng khách nhỏ. Ở đó tôi gặp người bạn cũ, cũng đang thở hổn hển. Mặc dù vậy, anh ta vẫn trịnh trọng ngồi trước bàn, chúi mũi vào giấy tờ.

- Trời ơi! - Traddles kêu lên và ngược mắt nhìn tôi - Copperfield đây à! - Và anh lao vào vòng tay tôi, tôi siết chặt anh khá lâu.

- Mọi việc tốt đẹp cả chứ, Traddles thân mến?
- Tốt cả, bạn thân mến, Copperfield tốt bụng của tôi, và chỉ có tin vui báo với cậu mà thôi.

Cả hai chúng tôi phát khóc vì vui mừng.

- Bạn thân mến, - Traddles nói tiếp. - Bây giờ cậu nổi tiếng rồi! Bạn Copperfield lừng danh của tôi! Trời ơi, thế cậu ở đâu về đây? Cậu về khi nào? Cậu ra sao rồi?

Traddles đưa tôi ngồi vào chiếc ghế bành lớn gần lò sưởi. Một tay anh cời mạnh than, tay kia nắm cà vạt, chắc anh tưởng là cổ áo khoác của tôi để kéo tôi lại gần. Rồi chẳng kịp bỏ que cời, chúng tôi ôm chầm lấy nhau, và cả hai vừa cười vừa lau nước mắt.

- Không ngờ sát ngày về mà cậu không dự được buổi lễ!
- Lễ nào, Traddles thân mến?
- Sao! - Anh mở to đôi mắt kêu lên. - Cậu không nhận được bức thư mới đây của mình ư?
- Chắc chắn là không, nếu thư đó nói đến buổi lễ.

- Nhưng, Copperfield thân mến, - Traddles nói trong khi lấy tay vuốt tóc, - mình lấy vợ rồi!

- Lấy vợ rồi! - Tôi kêu lên vui sướng.

- Ổn chúa, đúng là như vậy! - Traddles nói.

- Mục sư Horace làm hôn lễ cho mình với Sophie ở Devonshire. Nhưng, bạn ơi, cô ấy kia kìa, sau tấm rèm cửa sổ. Nhìn xem.

Người con gái tuyệt diệu nhất đời ở chỗ nấp bước ra, vừa cười vừa e thẹn khiến tôi rất ngạc nhiên. Bạn chưa bao giờ nhìn thấy một cô dâu xinh xắn hơn, đáng yêu hơn, thế này đâu, và tôi không thể không nói ngay điều ấy với Traddles. Tôi hôn nàng với tư cách người bạn cũ (vì nàng đã dự đám cưới tôi) và tôi chân thành chúc họ mọi sự thịnh vượng.

- Chúng mình cực kỳ hạnh phúc. Cho đến cả các cô ấy cũng hạnh phúc! Nhưng mà này, mình quên khuấy các cô ấy.

- Sao cơ?

- Đúng rồi, các cô ấy, - Traddles nói tiếp, - các chị em của Sophie, họ đang ở đây với chúng mình. Họ đến thăm Luân Đôn. Chuyện là thế này... cậu có bị ngã ở cầu thang không, Copperfield?

- Có, đúng đấy! - Tôi cười đáp. - Thế này nhé! Khi cậu ngã ở cầu thang thì bọn chúng tôi đang chơi trò ú tim. Nhưng vì trò chơi này không thích hợp ở Westminster Hall, và phải tôn trọng nghi thức nghề nghiệp trước mặt khách hàng, các cô đã nhanh chóng trốn đi. Và bây giờ, - anh nói thêm, - hẳn bọn họ đang nghe lỏm chuyện chúng mình.

- Mình rất phiền lòng vì đã gây ra sự tán loạn như vậy.

Sophia chạy ra gọi chị em cô và chúng tôi nghe thấy những chuỗi cười ở phòng bên.

- Âm nhạc nghe mới dễ chịu làm sao, phải không, Copperfield thân mến? - Traddles nói. - Nghe nó thật vui tai. Phải làm như thế để cho căn hộ cũ kỹ này từng bừng lên. Đối với một anh con trai đã sống độc thân, quả là tuyệt vời, thật là thú vị. Tôi

nghiệp cho các cô em chịu thiệt thòi rất nhiều khi sống thiếu Sophie!... Vì mình cam đoan với Copperfield, Sophie đúng là cô gái tuyệt diệu nhất đời. Cho nên mình rất vui thích thấy các cô vui chơi. Ở bên các cô gái này có cái gì rất thú vị, Copperfield ạ. Không thật phù hợp với nghi thức nghề nghiệp của mình, nhưng tôi chẳng cần, thật là tuyệt diệu.

Tôi nhận thấy anh nói những điều ấy có đôi chút bối rối. Tôi hiểu rằng, vì lòng nhân từ, anh sợ rằng miêu tả những niềm vui gia đình quá mạnh mẽ, sẽ làm tôi buồn, nên tôi vội vàng làm anh yên tâm bằng cách tán thành quan điểm của anh với sự biểu lộ nhiệt tình khiến anh khoan khoái.

- Căn hộ, chỉ có ba phòng; nhưng Sophie đã thu xếp một cách tuyệt vời và tất cả các cô được bố trí chỗ ở hoàn toàn thoải mái. Ba cô trong căn phòng này, - anh chỉ cho tôi một cánh cửa và nói thêm, - hai cô trong căn phòng kia.

Tôi không thể không ngó quanh để tìm chỗ ở của hai vợ chồng Traddles. Traddles hiểu ý tôi :

- Có một căn bé bé xinh xinh áp mái. Sophie đã dán giấy phủ tường để làm tôi ngạc nhiên. Đó là một cái tổ dễ thương.

Chị em Sophie cuối cùng đã tề tựu và Traddles giới thiệu họ với tôi :

- Xin giới thiệu với ông Copperfield cô Caroline, cô Sarah, cô Louisa, cô Margaret và cô Lucy.

Thực sự đó là một bó hoa hồng; các cô thật tươi mát và thật khỏe mạnh, và tất cả đều xinh đẹp.

Cô Caroline rất kiêu diễm nhưng cái nhìn sáng rực của Sophie có sự biểu lộ thật âu yếm, thật vui tươi, thật trong sáng đến nỗi tôi tin chắc rằng bạn tôi lựa chọn không lầm.

Bà Traddles luôn thanh thản và vui tươi, bắt đầu pha trà và rán món thịt trong góc gần lò sưởi.

Trong khi chăm chú vào công việc ấy, nàng nói với tôi rằng nàng đã gặp Agnès. Tom đã dẫn nàng đến Kent trong dịp họ đi hưởng tuần trăng mật.

Nàng cũng đã gặp bà cô tôi, bà rất khỏe, Agnès cũng vậy và hai người chỉ nói chuyện với nàng về tôi.

Khi tôi cáo từ, Traddles muốn tiễn tôi về tận khách sạn, tôi tưởng chưa bao giờ nhìn thấy một mái đầu quay qua quay lại giữa bao nhiêu bàn tay để nhận một trận mưa những nụ hôn. Có điều chắc chắn, đó là lúc chia tay, tôi không có chút gì tiếc cho người bạn cũ của tôi. Tôi bắt đầu tin vào những thành công của anh trong tương lai.

Đang ngồi trong góc lò sưởi tại một quán cà phê tôi chợt thấy một gương mặt làm sống lại những kỷ niệm thời xa xưa nhất của tôi. Đó là ông bác sĩ Chillip nhỏ bé, chính cái ông bị bà cô tôi đã quăng cái mũ vào đầu vào cái đêm tôi ra đời.

Ông đang ngồi đó bình thản đọc báo, đầu nghiêng về một bên và ly rượu hâm nóng để cạnh ông. Tôi lại gần và nói với ông :

- Dạo này ông có khỏe không, thưa ngài Chillip?

Ông tỏ ra rất lúng túng về câu thăm hỏi bất ngờ của một người không quen và chậm rãi trả lời theo thói quen của ông.

- Xin cảm ơn ông, thưa ông, ông thật tốt bụng.

Còn về phần ông, ông vẫn khỏe chứ?

- Ông có nhớ tôi không thưa ngài Chillip? ông đã chăm sóc lúc tôi chào đời.

- Thảo nào ông thay đổi nhiều kể từ ngày ấy.

Khi tôi xưng tên, ông rất xúc động. Ông bắt tay tôi thật chặt.

- Ông Copperfield, giá như tôi quan sát ông kỹ hơn thì tôi đã nhận ra ông. Ông giống như đúc người cha xấu số của ông.

- Tôi không bao giờ có được cái hạnh phúc nhìn thấy cha tôi. - Tôi đáp.

Vì ly rượu của ông đã cạn, tôi đề nghị ông cho phép tôi gọi một ly khác và tôi cũng gọi một ly để ngồi chung với ông. Ông trở nên mau miệng và chúng tôi nói chuyện với nhau hồi lâu.

- Ông có biết, - ông Chillip bỗng lên tiếng, - bố dượng của ông lại trở thành người hàng xóm của tôi không?

- Tôi không biết gì cả.

- Ông ta đã lấy một cô vợ trẻ người ở đây, cô ta có một gia tài khá, tôi nghiệp cho bà ta!

- Tôi cho rằng ông Murdstone và bà chị ông ta định bắt bà ta khuất phục và bắt bà ta phải quen với tính tình đáng ghét của họ. Cầu chúa giúp đỡ bà. Bà có chịu lép một bẻ không?

- Phải nói rằng thời gian đầu họ cãi nhau dữ dội. - ông Chillip nói, - nhưng bây giờ bà ta chỉ còn là cái bóng. Ông Murdstone và chị ông ta bị mọi người trong vùng ai cũng ghét.

Đến nửa đêm tôi mới đi ngủ, cực kỳ mệt mỏi.

Hôm sau tôi đáp xe khách về Douvres.

Chuyến đi bình an đưa tôi về phòng khách cũ của bà cô tôi, tôi xuất hiện đột ngột giữa lúc bà đang dùng trà. Tôi được bà cô tôi, ông Dick và chị Peggotty thân yêu nay là quản gia hồ hởi đón với nước mắt mừng vui.

Lúc đã có thể bình tĩnh nói chuyện, tôi kể cho cô tôi nghe về cuộc gặp gỡ với ông Chillip. Chị Peggotty và bà cô tôi có nhiều chuyện để nói về cái kẻ giết người gọi là chị ông ta, về người chồng thứ hai của mẹ tôi. Tôi tin rằng không có cái gì trên đời này kể cả sắc lệnh của Nghị viện, cả hình phạt của tòa án có thể buộc được cô tôi gọi cái người đàn bà đó bằng cái tên rửa tội, tên dòng họ hoặc bất cứ cái tên nào khác.

CHƯƠNG 10

AGNÈS

Bà cô tôi và tôi nói chuyện mãi tới khuya.

Bà kể với tôi rằng những người di cư không có bức thư nào gửi về Anh quốc mà không nói lên niềm hy vọng và sự thỏa mãn. Ông Micawber đã nhiều lần gửi các món tiền nhỏ để trả nợ đúng kỳ hạn.

- Và bây giờ, - bà cô tôi hỏi, - lúc nào cháu đi Canterbury?

- Sáng mai cháu sẽ kiếm con ngựa và đi sớm.

Bà đặt bàn tay lên tay tôi trong lúc tôi mơ màng nhìn ngọn lửa.

Phải, trong lúc tôi mơ màng! Vì lúc ấy một ý nghĩ lâu nay vẫn ám ảnh tôi trở về với tôi, mạnh mẽ sống động một cách xót xa. Qua nhiều dấu hiệu, cứ suy nghĩ thật kỹ về chúng, tôi biết rằng nếu như Agnès bao giờ cũng yêu tôi như một người em gái thì việc coi nàng khác hơn một người em gái chỉ tùy thuộc ở tôi mà thôi. Chỉ có điều là nhiệt tình nồng nổi của tuổi trẻ đã thúc đẩy tôi lựa chọn khác đi.

Chúng tôi lặng im vài phút. Khi ngẩng nhìn lên tôi thấy bà cô tôi đang chăm chú quan sát tôi.

Có lẽ bà bắt được dòng suy tưởng của tôi.

- Cháu sẽ thấy ông Wickfield tóc đã bạc trắng, nhưng phong độ hơn trước nhiều về mọi mặt. Còn Agnès, cháu sẽ thấy nó vẫn cũng xinh đẹp, tốt bụng, vô tư như ngày xưa.

Vừa nói điều đó cô tôi vừa giàn giụa nước mắt.

- Agnès có gặp một...

Tôi suy nghĩ bằng lời hơn là nói thành lời.

- Một... ai kia? Một... cái gì? - Lập tức bà cô tôi hỏi.

- Một người định lấy nàng không?

- Đến cả tá người! - Bà cô tôi reo lên kiêu tự hào đượm bất bình... - Từ khi cháu đi để chừng nó có thể kết hôn đến hai chục lần, cậu cả ạ.

Rồi, chầm chậm nhìn lên, cô tôi nói :

- Bà nghĩ là nó gắn bó với một người nào đó.

- Và nàng được đáp ứng lại?

- Trot, - bà cô tôi nghiêm giọng nói tiếp, - bà không thể nói gì với cháu. Thậm chí bà cũng không có quyền khẳng định những gì cháu vừa nghe xong. Nó chưa bao giờ tâm sự chuyện ấy với bà, bà chỉ nghĩ bụng thôi.

- Nếu đúng vậy, Agnès sẽ có ngày nói chuyện ấy với cháu. Một người em gái mà cháu đã đặt biết bao niềm tin, bà ạ, sẽ không giấu cháu điều gì.

Bà cô tôi nhìn đi chỗ khác cũng chậm rãi như lúc bà ngược nhìn tôi, hai tay ôm lấy mặt vẻ tự lự.

Bà đặt một bàn tay lên vai tôi, và chúng tôi cứ ngồi im lặng kề bên nhau như thế, nghĩ về quá khứ, cho đến khi mỗi người trở về phòng riêng.

Sáng sớm hôm sau tôi lên đường. Khi đi qua căn nhà cũ, tôi nhìn thấy khuôn cửa sổ thấp của chiếc tháp nhỏ, chỗ trước đây Uriah Heep rồi ông Micawber ngồi làm việc. Tôi nhờ người đầy tớ gái nhỏ ra mở cửa cho tôi thưa với cô Wickfield rằng có một ông thay mặt người bạn đang đi du lịch ở lục địa xin gặp.

Tôi đứng ở cửa sổ và ngắm nhìn những ngôi nhà trước mặt. Tiếng cửa mở ở phía vách gỗ làm tôi giật mình quay lại. Ánh mắt đẹp và bình thản của nàng bắt gặp cái nhìn của tôi. Nàng rất xúc động dừng bước.

- Agnès, bạn thân yêu của anh, anh có lỗi là đến bất ngờ.

- Không, không, em thật sung sướng được gặp anh, anh Trotwood.

Trong một lát chúng tôi cùng lặng đi. Rồi chúng tôi ngồi bên nhau và tôi lại được thấy gương mặt thiên thần ấy, biểu hiện của niềm vui và lòng triu mến, đã nhiều năm, ngày đêm tôi mơ ước.

Nàng dẫn tôi về kỷ niệm từ thời gian chúng tôi xa nhau, nàng xúc động nói với tôi về ngôi mộ của Dora. Nàng chạm thật dịu dàng và tế nhị vào những sợi dây đau đớn của ký ức tôi thành thử không có sợi nào là không đáp ứng tiếng gọi của nàng.

- Còn em, Agnès? - Cuối cùng tôi bảo nàng, - Em hãy nói với anh về em đi. Hầu như em chưa nói với anh về những gì em làm.

- Còn có gì mà nói với anh? - Nàng nói tiếp với nụ cười rạng rỡ. - Cha em khỏe mạnh. Anh gặp lại cha con em sống thanh thản tại đây trong ngôi nhà cũ được trả lại. Tất cả anh đều biết.

- Tất cả ư, Agnès?

Nàng nhìn tôi vẻ ngạc nhiên và xúc động.

- Không còn gì nữa ư em gái của anh? - Tôi hỏi nàng.

Nàng tái mặt rồi bừng đỏ lên và lại tái đi. Tôi tìm cách đưa nàng về chủ đề mà cô tôi đã nói.

Nhưng thấy nàng bối rối tôi không gặng thêm.

Agnès phải đi lo cho học trò của nàng và tôi đi dạo phố. Buổi tối ông Wickfield trở về từ mảnh vườn nhỏ ông thuê cách Canterbury hai dặm, hàng ngày ông đến làm vườn ở đấy.

Ba người chúng tôi ăn tối. Ông Wickfield kể với tôi về bà mẹ Agnès sinh con gái được mười lăm ngày thì mất.

Sau bữa ăn, Agnès đứng dậy và nhẹ nhàng lại gần chiếc dương cầm của nàng, chơi vài điệu nhạc quen thuộc mà trước kia chúng tôi vẫn thường nghe cũng tại nơi đây.

- Anh có dự định đi du lịch nữa không? - Nàng hỏi khi tôi đứng bên nàng.

- Em nghĩ sao, em gái?

- Em hy vọng là không.

- Vậy thì anh không đi nữa Agnès ạ.

- Bởi vì nếu anh hỏi ý kiến em, anh Trotwood, em sẽ nói với anh rằng, theo em, anh nên dành thời gian cho các tác phẩm của anh. Ngay cả em có thể sống thiếu người anh của em, nhưng anh phải hết lòng vì độc giả.

- Tác phẩm của anh cũng là tác phẩm của em, Agnès ạ, chính em là người quyết định.

- Tác phẩm của em ư, anh Trotwood?

- Đúng vậy, em gái của anh. Anh muốn nói với em, ngày hôm nay gặp lại em, một điều gì cứ luôn canh cánh trong lòng anh kể từ ngày Dora mất.

- Ô, anh Trotwood! - Nàng nói tiếp mắt rưng rưng lệ.

Nàng thật dễ thương, ngây thơ và trẻ trung đến thế!

Tôi không có dịp nói nhiều hơn và giải bày tâm sự.

Buổi tối, trong lúc tôi quay về Douvres, làn gió thổi theo giống như một ký ức bám riết, tôi nghĩ đến Agnès và tôi sợ rằng nàng không hạnh phúc.

Tôi thì tôi đã không được hạnh phúc.

Cho đến khi hoàn thành cuốn sách, tôi ở hẳn Douvres, nhà bà cô tôi.

Đôi khi tôi đi Luân Đôn để được nhún chìm trong cơn lốc sống động của cuộc đời, hoặc hỏi ý kiến Traddles về công việc. Trong khi tôi đi vắng, Traddles đã quản lý cơ nghiệp của tôi bằng những xét đoán vững vàng nhất, và nhờ có anh, cơ nghiệp ấy đang trong tình trạng phát đạt nhất. Bản thân anh hoàn toàn hạnh phúc với Sophie và cảnh sống hạnh phúc của anh làm mềm lòng mọi người.

Sắp sửa đến Noel. Tôi đã về gần được hai tháng. Tôi năng đến thăm Agnès và chỉ cần một lời của nàng cũng có giá trị hơn nghìn lời khen của thiên hạ.

Vào một ngày mùa đông rét mướt, trời u ám.

Mấy giờ trước đây, tuyết rơi không dày lắm nhưng đóng băng phủ kín mặt đất. Gió bắc thổi mạnh.

- Hôm nay cháu đi ngựa à, Trot? - Bà cô tôi vừa nói vừa hé mở cửa văn phòng tôi.

- Vâng ạ, cháu đi Canterbury. Trời đẹp đi ngựa thật hợp.

- Bà chúc cho ngựa của cháu cũng có ý ấy, - bà cô tôi nói. - Nhưng lúc này nó đứng ngay trước cửa kia kia, tai cụp, đầu cúi như muốn ở lại chuồng.

- Nó sắp tươi tỉnh lại, bà đừng lo.

- Đằng nào thì cuộc đi chơi cũng sẽ làm cho chủ nó phấn khởi, - bà cô tôi nói trong khi mắt nhìn đóng giấy chất chồng trên bàn làm việc của tôi. - Ngày xưa khi đọc một cuốn sách, không bao giờ bà nghĩ rằng công sức của tác giả lại lớn đến thế.

Tôi dẫn bà cô tôi đến đề tài duy nhất thực sự ám ảnh tôi.

- Bà ơi, bà có biết gì thêm về sự gán bó ấy của Agnès, như bà đã nói với cháu không?

- Bà nghĩ là có. Trot ạ.

- Và cảm tưởng đầu tiên của bà có tin được không?

- Bà nghĩ là tin được, Trot ạ.

Bà nhìn thẳng vào tôi có phần ngờ vực, thông cảm và thiếu tự tin, khi thấy tôi phải gắng sức làm ra bộ mặt hoàn toàn vui vẻ với bà.

- Và cái đáng tin hơn cả, Trot ạ... - Bà cô tôi nói.

- Cái gì ạ?

- Đó là bà tin Agnès sắp lấy chồng.

- Cầu chúa ban phúc cho cô ấy! - Tôi vui vẻ nói với bà.

- Phải, - bà cô tôi nói, - cầu chúa ban phúc cho nó và cho chồng nó nữa.

Tôi bước nhanh xuống cầu thang, lên yên ngựa và xuất phát. Tôi cần phân trần rõ ngọn ngành ngay.

Tôi nhớ mãi cuộc hành trình buồn bã và rét mướt ấy! Những mảnh băng bị gió thổi trên cánh đồng tạt vào mặt tôi, vó ngựa gõ nhịp trên đất cứng, tuyết bị gió bắc mang đi, xoáy tròn trên những con đường trắng mờ, những con ngựa với những xe đầy cỏ khô, mình bốc hơi nước dừng trên dốc cao để thở, lúc lắc nhạc đeo cổ. Từ trên núi nhìn thấy những sườn đồi và cánh đồng, vẽ lên chân trời đen nhờ nhờ như những đường nét bất tận vạch bằng phấn trên tấm bảng đá đen hùng vĩ.

Tôi thấy Agnès ngồi một mình. Các trò nhỏ đã về nhà. Đầu óc chất đầy những lời nói của cô tôi, tôi thẳng thắn kể lại với Agnès.

Sau cuộc phân trần ấy, kết quả là bà cô tôi đã nói đúng, và Agnès sắp lấy chồng. Ngay ngày hôm đó. Agnès đã trở thành vợ chưa cưới của tôi. Chúng tôi thỏa thuận, rằng tôi sẽ ở lại Canterbury đến hôm sau, và tôi sẽ giới thiệu nàng với bà cô tôi.

Sắp đến giờ ăn tối thì chúng tôi có mặt ở nhà bà cô tôi. Chị Peggotty nói bà đang ở trong văn phòng tôi. Bà tự hào sắp xếp nó gọn gàng để đón tôi về.

- Trời ơi, - bà cô tôi kêu lên khi thấy chúng tôi bước vào, - cháu dẫn ai về nhà đây?

- Agnès đấy bà ạ. - Tôi nói.

Hai đứa chúng tôi thỏa thuận là thoát tiên chưa nói ngay. Bà cô tôi nhìn tôi ánh mắt tràn đầy hy vọng, nhưng thấy tôi vẫn bình thản như mọi khi, bà thất vọng bỏ kính ra và day đầu mũi thật mạnh.

Tuy nhiên bà tiếp Agnès thân tình và lát sau chúng tôi cùng xuống nhà ăn tối. Hai ba lần bà cô tôi đeo kính lên để nhìn tôi, song lại bỏ xuống ngay ra vẻ thất vọng và lại day mũi. Điều ấy làm cho ông Dick lấy làm thất vọng vì biết đó là dấu hiệu hỏng việc.

Sau bữa tối tôi nói với bà cô tôi :

- À này thưa bà, cháu đã nói với Agnès những gì bà bảo cháu.

- Làm sao, Trot, - bà cô tôi kêu lên mặt đỏ bừng, - cháu phạm sai lầm lớn rồi.

- Bà ơi, hy vọng là bà không giận cháu khi bà biết Agnès không có sự gán bó nào làm cho cô ấy bất hạnh.

- Vô lý thật! - Bà cô tôi nói.

Thấy bà hoàn toàn phật ý, tôi thấy tốt hơn hết là chấm dứt tình trạng này. Tôi nắm tay Agnès và tiến về phía chiếc ghế bà cô tôi đang ngồi, cả hai chúng tôi quỳ xuống. Bà nhìn chúng tôi, chấp hai bàn tay lại và lần đầu tiên cũng là lần cuối cùng trong đời, bà ngất xỉu. Chị Peggotty chạy tới. Lúc bà cô tôi hồi tỉnh lại, bà nhảy lên ôm cổ chị Peggotty, gọi chị là bà tiên già và dang cả hai tay ôm hôn chị. Sau đó bà ôm hôn ông Dick, ông ta rất lấy làm vinh hạnh nhưng còn lấy làm ngạc nhiên hơn, rồi bà giải thích tất cả với mọi người, và chúng tôi thỏa sức vui mừng.

Mười lăm ngày sau đó chúng tôi làm lễ cưới.

Traddles và Sophie, ông tiến sĩ và bà Strong là những khách mời duy nhất dự cuộc hôn lễ êm đềm của chúng tôi. Chúng tôi chia tay họ trong lòng đầy vui sướng. Lúc còn hai vợ chồng, Agnès nói với tôi:

- Giờ đây anh đã là chồng em rồi, em có chuyện tiết lộ với anh.

- Nói đi, em yêu của anh.

- Đó là hồi ức về cái đêm Dora mất. Anh có nhớ rằng nàng đã yêu cầu anh tìm em đến không?

- Có.

- Nàng nói với em là nàng có cái để lại cho em. Anh có biết đó là cái gì không?

Tôi cho rằng mình đoán ra được, nhưng tôi không nói.

- Nàng dành cho em lời cầu xin cuối cùng và nàng để lại một nhiệm vụ cuối cùng cho em.

- Là cái gì?

- Nàng xin em một ngày nào đó đến ở thay vào chỗ trống nàng bỏ lại.

Thế rồi Agnès khóc và tôi khóc theo, tuy thế chúng tôi rất hạnh phúc.

Thời gian trôi đi, danh tiếng và gia sản của tôi tăng lên, hạnh phúc gia đình của chúng tôi mỹ mãn.

Chúng tôi lấy nhau đã được mười năm. Một buổi tối mùa xuân, Agnès và tôi, đang ngồi bên lò sưởi ở nhà tại Luân Đôn. Ba đứa con chúng tôi đang chơi trong phòng, thì thấy báo có khách lạ muốn gặp và nói chuyện với tôi.

- Mời ông ta vào. - Tôi nói.

Lát sau một ông già trắng kiện, vạm vỡ với mái tóc hoa râm xuất hiện và đứng trong bóng tối trên ngưỡng cửa. Con bé con Agnès bị dáng điệu tươi cười của ông thu hút đã chạy ra mời ông vào. Tôi còn chưa nhận ra ông thì vợ tôi bỗng đứng dậy, kêu lên giọng xúc động rằng đó là ông Peggotty.

Đúng là ông Peggotty. Giờ đây ông đã già nhưng vẫn hồng hào, nhanh nhẹn và trắng kiện.

- Cậu David, thật là một ngày tươi đẹp tôi được gặp lại cậu cùng người vợ tuyệt vời của cậu.

- Vâng, ông bạn già, - tôi kêu lên, - đúng là một ngày tươi đẹp.

- Và cả những cháu bé xinh xắn này nữa! - ông Peggotty nói tiếp. - Những bông hoa này thật đẹp. Cậu David, khi tôi gặp cậu lần đầu cậu không lớn hơn cháu bé nhất trong ba cháu này đâu.

- Tôi thay đổi nhiều hơn bác kể từ ngày ấy, - tôi nói với ông. - Ta hãy kể cho nhau nghe những gì đã xảy ra từ mười năm qua.

- Bác đến có một mình thôi ư? - Agnès hỏi.

- Vâng thưa bà, - ông hôn tay nàng và nói, -tôi chỉ có một mình.

Ông ngồi giữa hai vợ chồng tôi.

- Ở Luân Đôn có một công viên nổi tiếng mà những ai chỉ ở lại đây được vài tuần đều nên đi thăm. Nếu chuyến này mà tôi không đến thì có lẽ chẳng bao giờ tôi được nhìn thấy nữa. Nhưng tôi lại tha thiết muốn thăm cặp vợ chồng hạnh phúc của cậu.

- Và bây giờ, - tôi nói với ông, - ông kể mọi chuyện đã qua cho chúng tôi nghe đi.

Ông kể rằng Emilie đã chịu nhiều đau buồn và thất vọng lớn trước khi rời Anh quốc, cô từ chối kết hôn. Ông Peggotty không được yên lòng hoàn toàn về sức khỏe của cô. Cham bị chết đuối vì cố cứu một chiếc tàu lâm nạn.

- Còn bà Gummidge? - Tôi hỏi.

Ông Peggotty cười phá lên :

- Cậu có tin tôi hay không thì tùy, nhưng cậu hãy hình dung là bà ấy cũng gặp được một người cầu hôn. Nếu cái anh đầu bếp trên tàu, một di dân đã lập nghiệp ở đó, không xin cưới bà thì cứ treo cổ tôi lên cậu David ạ.

Chưa bao giờ tôi thấy Agnès cười sảng khoái đến thế. Sự hào hứng của ông Peggotty khiến nàng vui thích đến nỗi không tìm mình được.

- Và bà Gummidge trả lời sao? - Tôi hỏi.

- Thì đáng lẽ trả lời là chuyện ấy không còn hợp với tuổi tôi nữa, thì bà Gummidge đã cầm thùng nước đầy để cạnh bà dốc hết lên đầu anh ta. Anh đầu bếp tội nghiệp bị ướt như chuột.

Nói xong, ông Peggotty cười ha hả, và chúng tôi cũng cười theo ông.

- Bây giờ, - tôi nói với bác, - kể cho chúng tôi về ông Micawber đi. Bác có biết ông ta đã trả hết nợ ở đây rồi không. Điều đó chứng tỏ ông ấy thành công trong việc kinh doanh. Nhưng bác cho biết hiện giờ ông ta ra sao?

- Bây giờ ông ta ở chỗ chúng tôi, tại Middlebay. Và ông ấy là quận trưởng.

- Quận trưởng ư?

Ông Peggotty đưa cho chúng tôi xem một đoạn đăng trong tờ Thời báo Middlebay. Người ta đưa tin về một bữa tiệc tối long trọng do ông Wilkins Micawber quận trưởng quận Middlebay chiêu đãi.

Bài viết miêu tả ông như là một trong những nhân vật nổi tiếng nhất của thành phố.

Ông Peggotty giới thiệu một trang khác mà tôi phát hiện ra ông Micawber là một trong những cộng tác viên đặc lực nhất và nổi tiếng nhất của tờ báo.

Đặc biệt ông viết một bài khen ngợi tác giả nổi tiếng David Copperfield mà ông có vinh dự làm bạn và là người đồng sự hồi trẻ tuổi.

Ông Peggotty ở lại Luân Đôn một tháng. Em gái ông và bà cô tôi đến thăm ông. Agnès và tôi, ra tận bến tàu để chào từ biệt ông. Đó là lần chào từ biệt ông lần cuối cùng của chúng tôi trên mặt đất này.

Và bây giờ, câu chuyện của tôi đã kết thúc.

Lần cuối cùng, tôi ngoái nhìn lại phía sau trước khi chấm dứt những trang này. Tôi có Agnès ở bên, tiếp tục cuộc hành trình của chúng tôi trên đường đời. Tôi thấy các con chúng tôi, bạn bè chúng tôi quây quần quanh chúng tôi và đôi khi tôi nghe thấy, dọc đường đi, âm thanh của nhiều giọng nói thân yêu.

Trước hết đó là bà cô tôi với cặp kính số cao hơn. Bà thật tốt bụng, bà đã ngoài tám mươi, nhưng bà vẫn khỏe, và một hôm trời thật rét, bà còn đi bộ một lèo được hai dặm.

Gần bà, luôn ở bên bà, đó là chị Peggotty, bà già nuôi tôi: bà cũng mang kính. Buổi tối, bà ngồi sát ngọn đèn, kim chỉ trong tay, bà không bao giờ cầm đồ khâu mà không để sẵn một mẫu sáp nhỏ trên bàn, chiếc thước đo và hộp đồ khâu trên nắp hộp có trang trí hình nhà thờ Saint Paul. Cặp má và cánh tay chị Peggotty ngày xưa cứng rắn và đỏ dần đến thối, nay đã nhăn nheo. Cặp mắt đen nay đã mờ nhưng còn lấp lánh. Nhưng ngón tay trở xù xì của chị

mà ngày xưa tôi hình dung như cái nạo quả nhục đậu khấu thì nay vẫn thế.

Cho nên khi tôi thấy đứa con út của tôi bám lấy ngón tay ấy đi chập chững từ bà cô tôi đến tận chỗ chị ngồi, tôi hồi tưởng lại căn phòng khách nhỏ ở Blunderstone vào lúc tôi mới biết đi. Vậy là bà cô tôi không còn nỗi thất vọng xưa kia : bà là mẹ đỡ đầu cho con bé Betsy Trotwood bằng xương bằng thịt, và bé gái Dora đứa sinh sau nó, cho rằng bà cô cưng chiều chị nó hơn.

Trong túi Peggotty có cái gì phồng lên, có lẽ chỉ có cuốn sách về loài cá sấu. Nó đã tả tơi và nhiều tờ bị rách được ghim lại, nhưng chị Peggotty vẫn còn khoe với bọn trẻ như một báu vật thiêng liêng. Không có gì làm tôi vui cho bằng được thấy lại ở thế hệ sau, khuôn mặt trẻ thơ của tôi, ngược lên tôi ánh mắt thán phục câu chuyện về loài cá sấu.

Vào một ngày hè đẹp trời, tôi nhìn thấy một ông già đang thả diều và ông theo dõi những con diều trong không trung với vẻ tươi vui không sao tả nổi. Ông niềm nở đón tôi và nói với tôi về đồng tình hiểu nhau :

- Trotwood, bà cô của cháu là một người đàn bà tuyệt nhất trần gian, cháu ạ!

Đó là ông tiến sĩ Strong tốt bụng, người bạn quý của chúng tôi. Ông vẫn làm cuốn tự điển và đã làm đến chữ cái D rồi. Ông thật hạnh phúc giữa bà vợ ông và các cuốn sách của ông!

Đây cũng là một người khá bận rộn, ông ta làm việc ở Temple nơi ông đặt văn phòng. Tóc ông, ít ra là đám còn lại càng rói bởi hơn bao giờ hết. Chỉ vì chúng thường xuyên bị chụp trong bộ tóc giả luật sư : người ấy là người bạn cũ tốt bụng Traddles của tôi.

Chúng tôi khoác tay nhau, đến dùng bữa tối thân mật tại nhà Traddles vào dịp sinh nhật Sophie.

Cả đoạn đường Traddles chỉ nói với tôi về hạnh phúc hiện tại và đã qua của anh.

- Tôi đạt được trọn vẹn những điều thân thiết nhất của lòng tôi, Copperfield thân mến ạ. Trước hết mục sư Horace, ông nhấc tôi, hiện giờ giữ chức tại một xứ đạo thu nhập thường niên bốn trăm năm mươi bảng. Sau đó hai con trai tôi được hưởng giáo dục tuyệt đối và học giỏi. Và rồi chúng tôi đã gả chồng cho ba cô em của Sophie vào nơi khá giả, hãy còn ba cô nữa ở với bọn tôi. Lại còn ba cô khác coi việc nhà của mục sư Horace, từ khi bà Crewler mất, và tất cả đều sung sướng như các bà hoàng.

- Không kể... - Tôi nói.

- Không kể Người đẹp, cô ta lấy phải một tay không ra gì và hiện giờ góa bụa.

Ngôi nhà Traddles rộng rãi, tuy vậy Sophie và anh ở ngăn áp mái để nhường những căn phòng xinh xắn cho ba cô em.

Chúng ta không bước chân vào một căn phòng nào mà các cô lũ lượt kéo nhau ra cửa, ôm hôn Traddles đến mức làm anh nghẹt thở. Để mừng ngày sinh của Sophie, chúng tôi ăn bữa tối cùng vợ chồng ba cô em của Sophie, cộng thêm một người anh của một ông chồng, lại thêm người em họ của ông chồng khác, thêm cô em của ông chồng thứ ba, cô này sắp cưới người em họ vừa nói. Đầu bàn bên này Traddles ngồi ở vị trí gia trưởng, luôn luôn tốt bụng và giản dị. Ngồi đối diện với anh đầu bàn bên kia là Sophie lúc nào cũng rạng rỡ.

Và bây giờ, vào lúc kết thúc nhiệm vụ của tôi, tôi khó mà rời bỏ những hồi ức của mình, tất cả những gương mặt ấy mờ đi và biến mất. Vậy mà còn có một gương mặt, một gương mặt duy nhất lấp lánh phía trên đầu tôi như một tia sáng thiêng liêng, nó chiếu sáng mọi vật trước mắt tôi và chế ngự tất cả, đó là gương mặt Agnès, gương mặt đó cứ lưu lại trong tôi.

Tôi ngoảnh lại, và nhìn thấy gương mặt ấy bên cạnh tôi với vẻ đẹp thanh khiết. Ngọn đèn sắp tắt, đêm nay tôi đã làm việc quá khuya! Nhưng cái hình ảnh thân yêu, không có nó tôi chẳng là gì cả, vẫn một lòng một dạ cùng tôi.